

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYẾN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100512 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 01/12/2010, thay đổi lần thứ 12 ngày 21/10/2019)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số...59.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 5 năm 2021)

Quyển 1/2

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại địa điểm sau từ ngày: ...

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Trụ sở chính: Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 3972 6245/6 Fax: (84.24) 3972 6282

Website: <https://www.gelex.vn>

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Trụ sở chính: Tầng 22, 52 Phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024.4456 8888 Fax: 024.3978 5380

Website: <https://vixs.vn>

Phụ trách công bố thông tin:

Bà: Nguyễn Thị Phương

Điện thoại: 024 3972 6245

Chức vụ: Phó Giám đốc Ban Pháp Chế

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100512 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 01/12/2010, thay đổi lần thứ 12 ngày 21/10/2019)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- ❖ Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- ❖ Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- ❖ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Giá chào bán: 12.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 292.946.400 cổ phiếu
- ❖ Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 2.929.464.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai nghìn chín trăm hai mươi chín tỷ, bốn trăm sáu mươi tư triệu đồng)*

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ERNST & YOUNG VIỆT NAM CHI NHÁNH HÀ NỘI

Trụ sở chính: Tầng 8, Toà nhà Cornerstone, số 16 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3831 5100 Fax (024) 3831 5090

Website: www.ey.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Trụ sở chính: Tầng 22, 52 Phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024.4456 8888 Fax: 024.3978 5380

Website: <https://vixs.vn>

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	6
1.	Tổ chức phát hành	6
2.	Tổ chức tư vấn.....	6
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1.	Rủi ro về kinh tế	6
2.	Rủi ro về luật pháp	10
3.	Rủi ro đặc thù	10
4.	Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	11
5.	Rủi ro pha loãng	12
6.	Rủi ro về quản trị công ty	13
7.	Rủi ro khác	14
III.	CÁC KHÁI NIỆM	14
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	14
1.	Thông tin chung về Tổ chức phát hành	14
2.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	16
3.	Cơ cấu tổ chức của Công ty	17
4.	Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	22
5.	Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	25
6.	Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty	30
7.	Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác.	32
8.	Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	33
9.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	35
10.	Hoạt động kinh doanh.....	35
11.	Chính sách đối với người lao động.....	71
12.	Chính sách cổ tức	76
13.	Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	77
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty	77
15.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	79
16.	Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xoá án tích	79

V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	80
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh	80
2.	Tình hình tài chính.....	82
3.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty	89
4.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	89
VI.	THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	92
1.	Thông tin về cổ đông sáng lập	92
2.	Thông tin về cổ đông lớn	92
3.	Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng	95
VII.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	109
1.	Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông	109
2.	Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.....	109
3.	Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 292.946.400 cổ phiếu (*).....	109
4.	Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 2.929.464.000.000 đồng.....	109
5.	Giá chào bán dự kiến: 12.000 đồng/cổ phiếu.....	109
6.	Phương pháp tính giá:.....	109
7.	Phương thức phân phối.....	109
8.	Đăng ký mua cổ phiếu	109
9.	Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	110
10.	Phương thức thực hiện quyền	111
11.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu	111
12.	Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu	111
13.	Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	111
14.	Hủy bỏ đợt chào bán.....	111
15.	Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	112
16.	Các loại thuế có liên quan.....	112
17.	Thông tin về các cam kết	112
18.	Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt	113
VIII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	113
1.	Mục đích chào bán.....	113
2.	Phương án khả thi.....	113
3.	Thông tin về tình hình triển khai dự án	116
IX.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	124

1.	Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu:	124
2.	Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán:	124
3.	Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện các dự án	129
X.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	129
1.	Tổ chức kiểm toán.....	129
2.	Tổ chức tư vấn.....	129
XI.	CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	130
XII.	PHỤ LỤC.....	130

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Ông: Nguyễn Hoa Cường Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Nguyễn Văn Tuấn Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà: Tào Hải Nhân Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty cổ phần Chứng khoán VIX tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 0502/2021/HĐTV/GELEX – VIX ngày 05 tháng 02 năm 2021 với Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Các nhân tố có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và/hoặc giá cả chứng khoán của Tổng Công ty.

1. Rủi ro về kinh tế

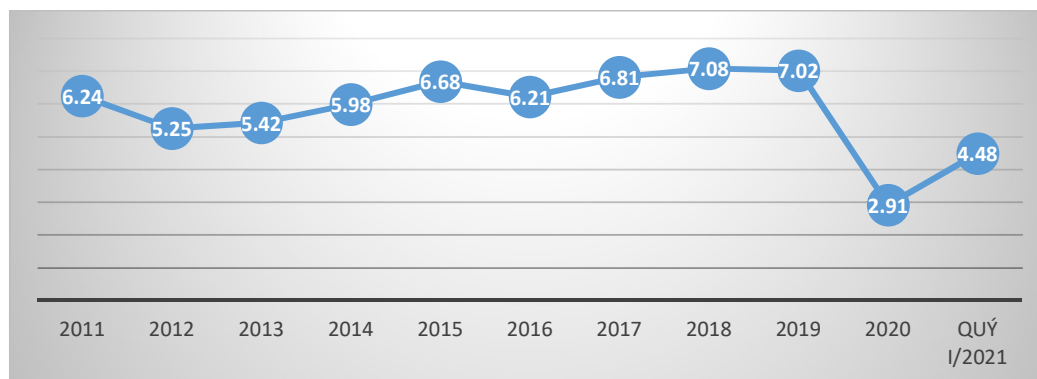
Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam. Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,...

1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

Biểu 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP qua các năm

Đơn vị: % so với cùng kỳ năm trước



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Kinh tế Việt Nam năm 2020 tăng 2,91% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù tốc độ tăng trưởng GDP có thấp hơn các năm nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực đến mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5%.

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, sản lượng của một số cây lâu năm, sản phẩm chăn nuôi chủ yếu và sản lượng tôm năm 2020 tăng khá nên tốc độ tăng của khu vực này đạt cao hơn năm 2019. Trong đó, ngành nông nghiệp tăng 2,55%, chỉ thấp hơn mức tăng của các năm 2011, năm 2012 và năm 2018 trong giai đoạn 2011-2020, đóng góp 0,29 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 2,82% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 3,08%, cao hơn mức tăng 2,8% của năm 2015 và năm 2016 trong giai đoạn 2011-2020, đóng góp 0,1 điểm phần trăm.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp năm 2020 tăng 3,36% so với năm trước, đóng góp 1,12 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế với mức tăng 5,82%, đóng góp 1,25 điểm phần trăm; sản xuất và phân phối điện tăng 3,92%, đóng góp 0,19 điểm phần trăm; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,51%, đóng góp 0,04 điểm phần trăm; khai khoáng giảm 5,62% (do sản lượng khai thác dầu thô giảm 12,6% và khí đốt tự nhiên giảm 11,5%), làm giảm 0,36 điểm phần trăm trong mức tăng chung. Ngành xây dựng tăng 6,76%, cao hơn tốc độ tăng của các năm 2011, năm 2012 và năm 2013 trong giai đoạn 2011-2020, đóng góp 0,5 điểm phần trăm.

Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động thương mại, dịch vụ. Khu vực dịch vụ trong năm 2020 đạt mức tăng thấp nhất của các năm 2011-2020. Đóng góp của một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của năm 2020 như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 5,53% so với năm trước, đóng góp 0,61 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,87%, đóng góp 0,46 điểm phần trăm;

ngành vận tải, kho bãi giảm 1,88%, làm giảm 0,06 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 14,68%, làm giảm 0,62 điểm phần trăm.

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,85%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,72%; khu vực dịch vụ chiếm 41,63%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,8% (Cơ cấu tương ứng của năm 2019 là: 13,96%; 34,49%; 41,64%; 9,91%). Về sử dụng GDP năm 2020, tiêu dùng cuối cùng tăng 1,06% so với năm 2019; tích lũy tài sản tăng 4,12%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 4,97%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 3,33%.

GDP quý I/2021 tăng 4,48% so với cùng kỳ năm trước và cao hơn tốc độ tăng cùng kỳ năm 2020 là 3,68%. Mặc dù dịch Covid-19 vẫn còn gây ảnh hưởng tiêu cực đến nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội nhưng kết quả tăng trưởng của quý I năm 2021 đã cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam.

Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,16%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,3%; khu vực dịch vụ tăng 3,34% đóng góp vào mức tăng trưởng chung lần lượt là 8,34%; 55,96% và 35,70%.

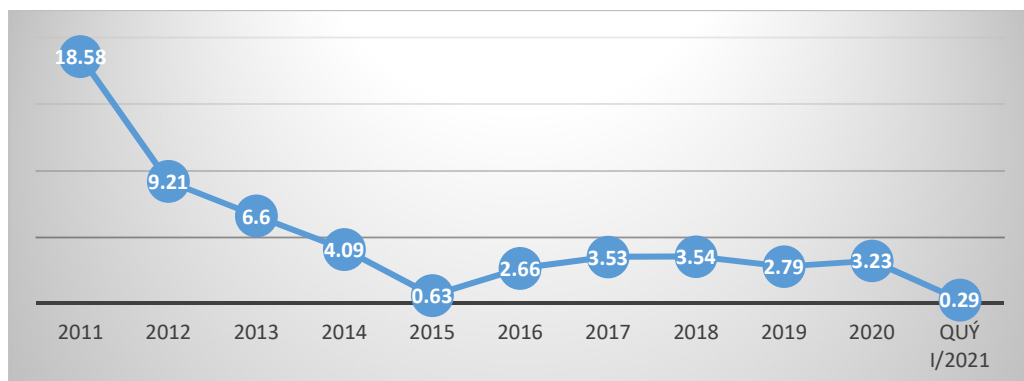
Với độ mở lớn cùng tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, kinh tế Việt Nam sẽ chịu tác động đan xen nhiều mặt bởi các diễn biến kinh tế quốc tế ngày càng phức tạp, những vấn đề về dịch bệnh khó lường. Việc tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế trong nước chịu ảnh hưởng của những biến động từ kinh tế thế giới phần nào cũng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của doanh nghiệp. Để hạn chế ảnh hưởng của rủi ro này, Công ty đã xây dựng chiến lược phát triển chủ động tìm kiếm thêm các khách hàng mới, mở rộng thị phần, tăng cường tìm kiếm, đánh giá các cơ hội đầu tư mới, quản trị tốt rủi ro để đảm bảo tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hàng năm.

1.2 Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với biến động của lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đã dần kìm hãm được đà tăng của lạm phát. Chỉ số giá tiêu dùng giai đoạn 2011 – 2020 cụ thể như sau:

Biểu 2: Chỉ số giá tiêu dùng Việt Nam qua các năm

Đơn vị: % so với cùng kỳ năm trước



Nguồn: Tổng cục Thống kê

CPI bình quân năm 2020 lần lượt tăng 3,23% và lạm phát cơ bản tăng 2,31% so với năm trước. Với xu hướng giảm dần của CPI bình quân và lạm phát cơ bản bình quân qua các tháng, lạm phát cả năm 2020 cách khá xa so với mục tiêu 4% và thấp hơn dự báo của các tổ chức quốc tế.

Nguyên nhân ảnh hưởng đến mức tăng của CPI bao gồm: (i) giá các mặt hàng lương thực tăng 4,51% so với năm trước (làm CPI chung tăng 0,17%), (ii) giá các mặt hàng thực phẩm tăng 12,28% so với năm 2019 (làm CPI chung tăng 2,61%), trong đó riêng giá thịt lợn tăng 57,23% (làm CPI chung tăng 1,94%), (iii) giá thuốc và thiết bị y tế tăng 1,35% do dịch Covid-19 trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp, (iv) giá nhóm dịch vụ giáo dục năm 2020 tăng 4,32% so với năm 2019.

CPI quý I/2021 tăng 0,29%, mức tăng thấp nhất trong 20 năm qua. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 3/2021 giảm 0,27% so với tháng trước tuy nhiên lại tăng 1,31% so với tháng 12/2020 và tăng 1,16% so với cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân làm tăng CPI trong quý I bao gồm: (i) giá gạo xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng gạo nếp, gạo tẻ trong dịp Tết tăng cao làm cho giá gạo quý I tăng 8,55% so với cùng kỳ năm trước, (ii) giá hàng tiêu dùng thực phẩm quý I năm 2021 tăng 0,49% so với cùng kỳ năm trước, trong đó giá thịt lợn tăng 0,46%, giá thịt bò tăng 2,89%, giá thịt chế biến tăng 3,73%.

Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp như Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam luôn chịu tác động trực tiếp và gián tiếp từ những thay đổi trong mặt bằng giá. Sự biến động của lạm phát sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả nguyên vật liệu đầu vào, cũng như các kế hoạch đầu tư, kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Tổng Công ty luôn chủ động trong việc ký các hợp đồng cung cấp nguyên nhiên vật liệu đầu vào, đa dạng hóa các nhà cung cấp, dự trữ nguyên nhiên vật liệu tồn kho phù hợp và có kế hoạch chủ động điều chỉnh giá bán cho khách hàng dựa trên những thay đổi mặt bằng giá và phù hợp với thị trường.

1.3 Lãi suất

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2020 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động, lãi suất liên ngân hàng đã giảm mạnh, hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng.

Tính đến thời điểm 21/12/2020, tổng phương tiện thanh toán tăng 12,56% so với cuối năm 2019 (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,1%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 12,87% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,48%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 10,14% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,14%).

Hiện nay, lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,1%-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,7%-4,1%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,4%-6,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 6,0%-7,1%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến ở mức 5%/năm đối với cho vay ngắn hạn.

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam sử dụng nguồn vốn vay để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Biến động lãi suất theo xu hướng giảm trong thời gian vừa qua có tác dụng tích cực, góp phần làm giảm chi phí tài chính và tăng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Để giảm thiểu những rủi ro liên quan đến biến động của lãi suất, Tổng Công ty luôn đánh giá, dự báo về diễn biến thay đổi của lãi suất trong ngắn hạn và dài hạn. Đồng thời Gelex cũng làm việc với nhiều các tổ chức trong và ngoài nước để tìm kiếm những nguồn vốn vay giá rẻ.

2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan.

Kể từ thời điểm ngày 01/01/2021, Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 sẽ chính thức có hiệu lực. Để Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán được thực thi một cách đầy đủ và thuận lợi cho các doanh nghiệp, hệ thống các Nghị định và Thông tư hướng dẫn sẽ cũng được ban hành. Khi các quy định pháp luật thay đổi cũng cần một khoảng thời gian nhất định để các doanh nghiệp tiếp cận. Đây chính là khoảng thời gian mà các doanh nghiệp sẽ gặp phải một số vướng mắc và khó khăn nếu không có sự chuẩn bị trước.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới. Tuy nhiên, khung pháp lý luật pháp vẫn chưa được đổi mới tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế và vẫn đang trong quá trình nỗ lực xây dựng và hoàn thiện. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi và gây ra những ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Đội ngũ pháp chế của Tổng Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước và đưa ra những khuyến nghị kịp thời. Từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và phù hợp với từng thời kỳ.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro về biến động giá nhiên liệu đầu vào

Theo mô hình hoạt động của Tổng Công ty, Gelex là đơn vị sẽ đứng ra mua số lượng lớn một số nguyên vật liệu đầu vào, sau đó phân phối cho các công ty con để sản xuất các sản phẩm cung cấp ra thị trường. Các nguồn nguyên vật liệu này được cung cấp bởi các nhà cung cấp trong nước và quốc tế, do vậy, giá nguyên vật liệu đầu vào của Tổng Công ty phụ thuộc vào cả những biến động liên quan đến thị trường trong nước và các yếu tố chính thị, kinh tế toàn cầu.

Trong thời gian vừa qua, do ảnh hưởng của dịch bệnh và một số căng thẳng địa chính trị khiến giá cả các loại nhiên liệu nhập khẩu biến động thất thường. Bên cạnh đó, trong những tháng cuối năm 2020, sự phục hồi của nền kinh tế thế giới kéo theo nhu cầu về nguyên vật liệu đầu vào gia tăng, điều đó cũng tạo nên sự tăng giá đối với các vật liệu cơ bản.

Để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của những thay đổi giá cả vật tư, nhiên liệu đầu vào, Tổng Công ty luôn có bộ phận đánh giá nhận định về thị trường nguyên nhiên liệu để có chính sách kinh

doanh và dự trữ hàng tồn kho phù hợp. Đồng thời trong hoạt động sản xuất, Công ty cũng đa dạng hóa nhà cung cấp và luôn có những khoản dự phòng cho những rủi ro này. Mặc dù vậy, có thể nói đây vẫn là rủi ro lớn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.2 Rủi ro chính sách

Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam là doanh nghiệp có hệ thống công ty con nhiều và hoạt động trong các lĩnh vực mới được ưu tiên phát triển như phát triển năng lượng tái tạo, điện mặt trời, điện gió. Các lĩnh vực này đang được Đảng và Chính Phủ ưu tiên phát triển với nhiều chính sách hỗ trợ như các chính sách về giá bán điện, chính sách về vốn vay... Tuy nhiên, việc phát triển của các lĩnh vực này cũng sẽ đến giai đoạn bão hòa, do vậy các chính sách hỗ trợ của Chính Phủ cũng sẽ được điều chỉnh một cách phù hợp. Do vậy, đối với các dự án không kịp triển khai hoặc triển khai không đảm bảo tiến độ để được nhận các chính sách ưu đãi sẽ bị ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh tế cũng như thời gian thu hồi vốn.

Do vậy, để giảm thiểu các rủi ro chính sách trong các lĩnh vực mới, Tổng Công ty luôn đánh giá kỹ lưỡng trong việc triển khai các dự án mới, từ khâu lập quy hoạch, xin bổ sung quy hoạch, giải phóng mặt bằng hay triển khai thi công dự án. Đồng thời cũng chuẩn bị đầy đủ nhân lực, vật lực, nguồn vốn và giám sát nhà thầu một cách chặt chẽ đảm bảo các dự án được triển khai đúng tiến độ đề ra.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

4.1. Rủi ro của đợt chào bán

Trong đợt chào bán này, Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam dự kiến chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu là 292.946.400 cổ phiếu (theo tỷ lệ 10:6) với giá chào bán là 12.000 đồng/cổ phiếu. Giá giao dịch của cổ phiếu GEX trên thị trường tính tại thời điểm xây dựng hồ sơ chào bán (ngày 21/01/2021) là 22.800 đồng/cổ phiếu.

Có thể xuất hiện rủi ro các cổ đông không thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm thì số lượng cổ phiếu không đặt mua hết (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định bán cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) theo các quy định của Pháp luật với các điều kiện giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Trong trường hợp thị trường chứng khoán biến động theo chiều hướng xấu, việc huy động vốn không thực hiện được đúng kế hoạch đề ra. Để giảm thiểu các rủi ro về việc huy động vốn, Tổng Công ty đã làm việc với đơn vị kiểm toán, đơn vị tư vấn để hoàn thiện các hồ sơ xin tăng vốn theo đúng quy định và trong thời gian sớm nhất.

4.2. Rủi ro của dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Công ty dự kiến sử dụng số tiền 3.515.356.800.000 đồng thu được từ đợt chào bán để thực hiện các dự án điện gió thông qua Công ty cổ phần Hạ Tầng Gelex, thực hiện dự án “Tổ hợp khách sạn, dịch vụ thương mại, văn phòng cho thuê” tại số 10 Trần Nguyên Hãn và 27 – 29 Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, tái cơ cấu tài chính, bổ sung nguồn vốn kinh doanh cho Công ty cổ phần Thiết bị điện Gelex, bổ sung vốn lưu động cho Tổng Công ty cổ phần Thiết Bị Điện Việt Nam.

Trong quá trình triển khai các dự án có sử dụng nguồn vốn từ đợt chào bán có thể phát sinh những rủi ro như chậm tiến độ, bị dừng triển khai hoặc các thay đổi liên quan đến thiết kế. Để giảm thiểu các rủi ro này, Ban lãnh đạo Tổng Công ty đã yêu cầu các đơn vị chuyên môn nghiên cứu, đánh giá kỹ dự án trước khi thực hiện đảm bảo các thiết kế là tối ưu. Bên cạnh đó, Tổng Công

ty cũng rà soát và lựa chọn các nhà thầu uy tín, đủ năng lực để đảm bảo các yêu cầu về tiến độ và an toàn trong quá trình triển khai.

5. Rủi ro pha loãng

Theo kế hoạch triển khai của Tổng Công ty thì dự kiến đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ sẽ hoàn tất vào quý III/2021

Trong trường hợp chào bán thành công thì số cổ phiếu đang lưu hành của Tổng Công ty dự kiến sẽ tăng từ 488.244.000 cổ phiếu lên 781.190.400 cổ phiếu. Các nhà đầu tư nên lưu ý các vấn đề sau liên quan đến mức độ pha loãng cổ phần:

5.1. Pha loãng về thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS)

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của Công ty với tốc độ tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành có thể ảnh hưởng đến chỉ số EPS, cụ thể như sau:

$$\text{EPS (cơ bản)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ = $(X \times 12 + Y \times T)/12$
 - ✓ X: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi chào bán
 - ✓ Y: Số lượng cổ phiếu chào bán
 - ✓ T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Giả sử ngày hoàn tất đợt chào bán này là ngày 30/08/2021. Khi đó:

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ = $(488.244.000 \times 12 + 292.946.400 \times 4)/12 = 585.872.800$ cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế dự kiến của Công ty năm 2021: 1.628.800.000.000 đồng (được tính toán dựa trên dự kiến kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2021).

- EPS dự kiến của năm 2021 trong trường hợp không chào bán thêm cổ phiếu:
 $1.628.800.000.000/488.244.000 = 3.336$ đồng/cổ phiếu
- EPS dự kiến của năm 2021 sau khi hoàn tất việc chào bán cổ phiếu:
 $1.628.800.000.000/585.872.800 = 2.780$ đồng/cổ phiếu

Như vậy, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu sau khi Tổng Công ty chào bán cổ phiếu có thể giảm 556 đồng (tương ứng giảm 16,66%) so với khi Tổng Công ty không chào bán thêm cổ phiếu.

5.2. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần:

Tại thời điểm 31/12/2020, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Tổng Công ty là 16.826 đồng/cổ phiếu (dựa trên số liệu BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2020). Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt chào bán thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

5.3. Điều chỉnh kỹ thuật giá của cổ phiếu GEX trên thị trường

Giá cổ phiếu GEX sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật trên thị trường tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm. Giá thị trường của cổ phiếu GEX sẽ được điều chỉnh theo công thức sau: $Ppl = (Pt \times Qt + Pr \times Qr) / (Qt + Qr)$; Trong đó:

- Ppl: Giá cổ phiếu pha loãng tại ngày giao dịch không hưởng quyền
- Pt: Giá cổ phiếu GEX tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền
- Pr: 12.000 đồng/cổ phiếu (Giá chào bán đối với cổ phiếu chào bán)
- Qt: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi chào bán
- Qr: Khối lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu

Giá định giá thị trường của cổ phiếu GEX tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 22.000 đồng/cổ phiếu. Sau khi chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:6 với giá 12.000 đồng/cổ phiếu thì giá cổ phiếu GEX sau khi pha loãng là:

$$(22.000 \times 488.244.000 + 12.000 \times 292.946.400) / (488.244.000 + 292.946.400) = 18.250 \text{ đồng}$$

5.4. Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông có).

6. Rủi ro về quản trị công ty

6.1. Rủi ro về quản trị Công ty

Quản trị công ty tốt có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp. Quản trị công ty liên quan đến mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các cổ đông và những bên có quyền lợi liên quan tạo nên định hướng và sự kiểm soát công ty.

Chủ trương của Tổng Công ty khi tăng vốn là phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Khả năng cổ đông hiện hữu không mua hết lượng cổ phiếu phát hành thêm là điều có thể xảy ra.

Khi đó, số lượng cổ phiếu còn dư sẽ do HĐQT Tổng Công ty quyết định phân phối cho những đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp. Sự tham gia của các cổ đông mới sẽ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và có thể, xuất hiện những quan điểm khác biệt trong quản trị điều hành, quản trị kinh doanh. Để hạn chế rủi ro này, trong trường hợp phải phân phối cổ phần cho các đối tượng khác, GELEX sẽ tìm kiếm các nhà đầu tư có chung tầm nhìn chiến lược, định hướng kinh doanh để có thể chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau phát triển trong dài hạn.

6.2 Rủi ro về cơ chế quản lý

Cơ chế quản lý của Tổng Công ty hiện được xây dựng dựa trên quy mô vốn điều lệ hiện tại với các ngành nghề sản xuất kinh doanh hiện tại. Cùng với việc tăng vốn, GELEX cũng tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực trọng điểm là sản xuất công nghiệp và hạ tầng. Điều này tạo ra áp lực lớn, yêu cầu một cơ chế quản lý hiệu quả và thông suốt để triển khai một cách hiệu quả và theo kịp với yêu cầu phát triển mới. Trong thời gian qua, GELEX không ngừng nâng cao năng lực quản lý, xây dựng đội ngũ cán bộ. Đồng thời với kinh nghiệm quý báu từ thành công trong hoạt động M&A thời gian qua cũng như chiến lược M&A tập trung vào các đơn vị đầu ngành, GELEX tin tưởng sẽ hợp tác tốt cùng với Ban Lãnh đạo của các Doanh nghiệp

sẽ trở thành thành viên của Tập đoàn trong việc tiếp tục thúc đẩy hoạt động kinh doanh của GELEX lên tầm cao mới.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Tổng Công ty. Ngoài ra, sự thay đổi của chính sách tiền tệ, cơ chế thanh toán, lãi vay, phí và các điều kiện ràng buộc của ngân hàng, kho bạc Nhà nước cũng tạo nên các rủi ro bất khả kháng cho doanh nghiệp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
Tổ chức phát hành	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
Tổng Công ty/Công ty	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
GELEX	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
DHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
TTCK	Thị trường chứng khoán
Giấy CNĐKKD	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
Sở KHĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
CTCP	Công ty cổ phần
BCTC	Báo cáo tài chính
SXKD	Sản xuất kinh doanh
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
VĐL	Vốn điều lệ
ĐVT	Đơn vị tính
VNĐ	Việt Nam Đồng

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên công ty: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**
- Tên viết tắt: **GELEX**
- Tên Tiếng Anh: **Viet Nam Electrical Equipment Joint Stock Corporation**
- Giấy Đăng ký kinh doanh số 0100100512 do sở Kế hoạch đầu tư TP. Hà Nội cấp lần 12 ngày 21/10/2019

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: (84.24) 3972 6245/6 Fax: (84.24) 3972 6282
- Vốn điều lệ: 4.882.440.000.000 đồng (Bốn nghìn tám trăm tám mươi hai tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu đồng)
- Ngành nghề kinh doanh chính:

Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh
2790	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: - Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; - Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các loại thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220 KV
4220	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220 KV
4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ Tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn hỗ trợ đầu tư
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế
7020	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, chứng khoán và các ngành nghề kinh doanh có điều kiện)

- Người đại diện theo pháp luật:
Ông: Nguyễn Văn Tuấn Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Mã cổ phiếu: GEX
- Sàn niêm yết: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

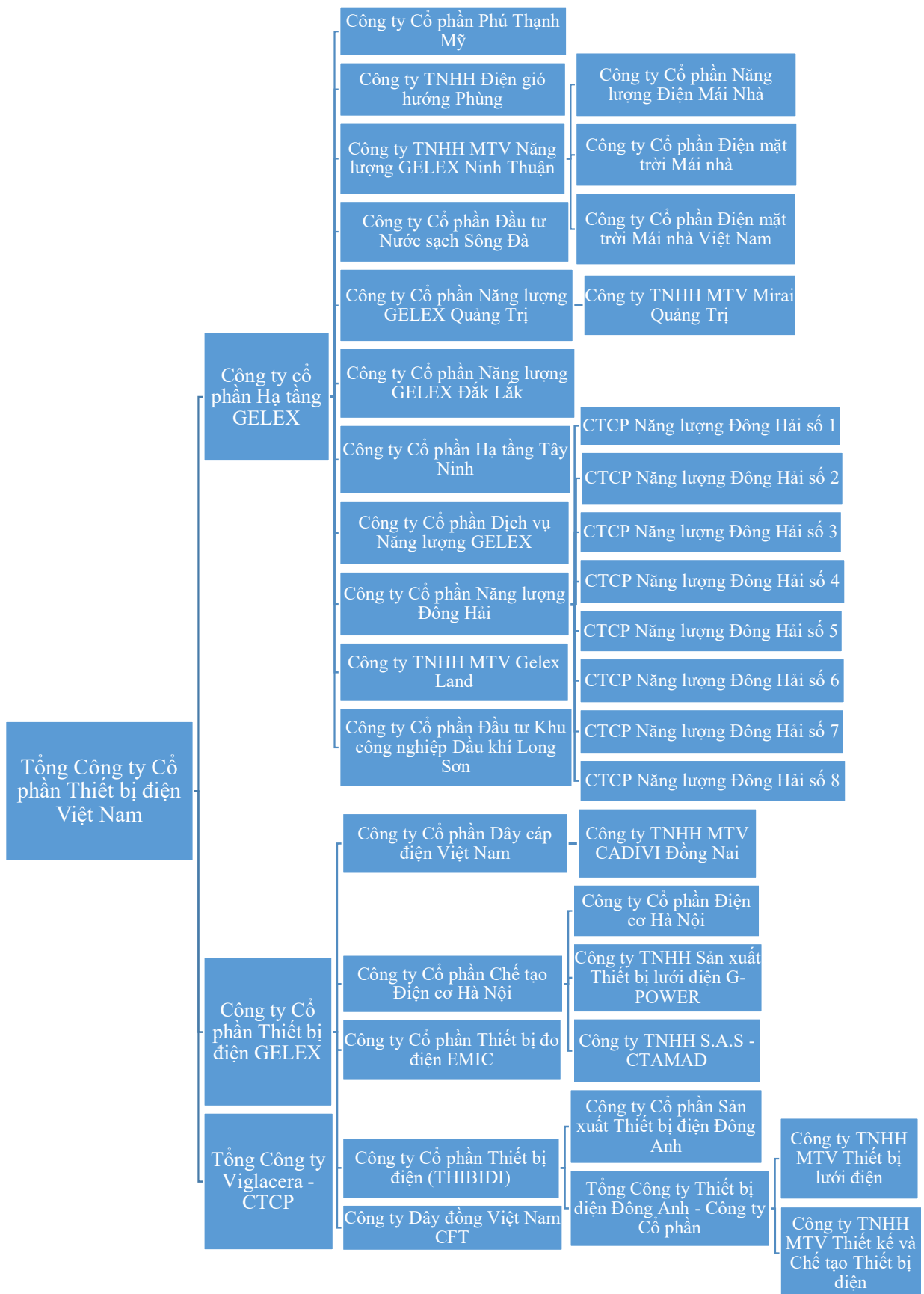
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Những cột mốc phát triển quan trọng	
Năm 1995	Tổng Công ty Thiết bị kỹ thuật điện (nay là Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam) được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tại thời điểm quyết định thành lập, Tổng Công ty có 10 đơn vị thành viên hạch toán độc lập và 03 liên doanh nước ngoài trực thuộc các công ty thành viên.
Năm 2006	Ngày 31 tháng 5 năm 2006, Tổng Công ty Thiết bị kỹ thuật điện chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo quyết định số 127/2006/QĐ-Ttg của Thủ tướng Chính Phủ. Trong đó, Tổng Công ty được hình thành trên cơ sở tổ chức lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thiết bị đo điện và văn phòng Tổng Công ty Thiết bị kỹ thuật điện.
Năm 2010	Thực hiện phương án cổ phần hóa đã được Chính phủ phê duyệt, ngày 27 tháng 09 năm 2010, Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với giá đấu thành công bình quân là 10.502 đồng/cổ phần. Ngày 01 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam chính thức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 1.400.000.000.000 đồng (Một ngàn bốn trăm tỷ đồng chẵn).
Năm 2015	Tăng vốn điều lệ từ 1.400 tỷ đồng lên 1.550 tỷ đồng cho cổ đông chiến lược là Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt, ngày phát hành cổ phần: 06/08/2015. Tháng 10/2015, cổ phiếu của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam chính thức đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán UPCOM – Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 25/12/2015, Bộ Công thương thoái toàn bộ 100% vốn đầu tư tại Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.
Năm 2016	Tái cấu trúc Tổng công ty, thành lập Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Đo điện vận hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh thiết bị đo điện hiện nay của Tổng công ty. Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sang lĩnh vực năng lượng trên cơ sở thành lập Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng Gelex.
Năm 2017	Phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 1.550 tỷ đồng lên 2.320 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu, ngày báo cáo UBCKNN và ngày UBCKNN chấp thuận báo cáo 23/01/2017 (Thay đổi đăng ký doanh nghiệp ngày 21/02/2017). Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty sang lĩnh vực logistic trên cơ sở mua thành công 51,03% cổ phần của CTCP Kho vận Miền Nam (Sotrans).

	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 100:15, vốn điều lệ mới sau khi hoàn tất đợt phát hành là 2.668 tỷ đồng.
Năm 2018	<p>Hoàn thiện tổ chức, chức năng nhiệm vụ của công ty mẹ theo hướng công ty quản lý vốn chuyên nghiệp (công ty holding).</p> <p>Cổ phiếu của GELEX Chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HSX).</p> <p>Chính thức sở hữu chi phối Nhà máy nước sạch Sông Đà và triển khai khởi công xây dựng phân kỳ 1 – Giai đoạn 2 Dự án nước Sông Đà.</p> <p>Khởi công dự án trang trại điện mặt trời Ninh Thuận công suất 50MW.</p> <p>Thực hiện chứng quyền để tăng vốn lên mức 3.388 tỷ đồng. Đồng thời trong năm 2018, GELEX cũng phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 5:1. Vốn điều lệ của GELEX tại thời điểm 31/12/2018 là 4.065,6 tỷ đồng.</p>
Năm 2019	<p>Dự án trang trại điện mặt trời Ninh Thuận hoàn thành và chính thức hòa vào lưới điện quốc gia.</p> <p>UBND tỉnh Quảng Trị chấp thuận cho CTCP Năng Lượng GELEX Quảng Trị đầu tư các dự án nhà máy điện gió GELEX 1, 2, 3. Mỗi nhà máy có công suất 30 MW.</p> <p>Phát hành cổ phần để thực hiện chứng quyền lần 2 có giá trị 180 tỷ đồng, vốn điều lệ của GELEX sau khi thực hiện chứng quyền đạt 4.245,6 tỷ đồng.</p> <p>Thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu trong quý III năm 2019. Vốn điều lệ mới của Tổng Công ty là 4.882,439 tỷ đồng.</p>
Năm 2020	<p>Sau 30 năm đổi mới và phát triển, GELEX hiện nay đang thực hiện phát triển kinh doanh tập trung vào hai mảng chính bao gồm: (1) Sản xuất công nghiệp trong đó cụ thể gồm ngành Sản xuất thiết bị điện và vật liệu xây dựng và (2) Hạ tầng gồm sản xuất điện, nước, Khu công nghiệp và hệ sinh thái quanh khu công nghiệp.</p> <p>Tháng 11 vừa qua, GELEX lần thứ 4 liên tiếp được vinh danh là Doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu Quốc gia Việt Nam. Vào trung tuần tháng 10, GELEX cũng tiếp tục được vinh danh là 1 trong TOP 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2020 do tạp chí Forbes bình chọn.</p>
Năm 2021	Tháng 04 năm 2021, Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam và đơn vị thành viên là CTCP Thiết bị điện GELEX đã chính thức nắm giữ hơn 225.105.680 cổ phiếu, tương đương với 50,21% vốn của Tổng Công ty Viglacera. Trong đó, GELEX sở hữu trực tiếp 138.005.680 cổ phiếu và công ty con sở hữu 87,1 triệu cổ phiếu VGC.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Sơ đồ cơ cấu tổ chức Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam



❖ Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hay chi phối GELEX:

Không có

❖ Các Công ty con, công ty liên doanh, liên kết của GELEX:

Bảng 1: Danh sách Công ty con của GELEX

TT	Tên Công ty	Vốn điều lệ (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ của GELEX hoặc Công ty con của GELEX	Diễn giải
I	CTCP THIẾT BỊ ĐIỆN GELEX	2.218	99,998%	Công ty con
1	CTCP Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI)	574	95,82%	Công ty con của CTCP Thiết Bị Điện Gelex
a	<i>CT TNHH MTV CADIVI Đồng Nai</i>	789	100%	<i>Công ty con của CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam</i>
2	CTCP Chế Tạo Điện Cơ Hà Nội	385	77,01%	Công ty con của CTCP Thiết Bị Điện Gelex
a	<i>CTCP Điện Cơ Hà Nội</i>	13	100%	<i>Công ty con của CTCP Chế Tạo Điện Cơ Hà Nội</i>
b	<i>Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-POWER</i>	40	100%	<i>Công ty con của CTCP Chế Tạo Điện Cơ Hà Nội</i>
3	CTCP Thiết Bị Điện (THIBIDI)	440	89,69%	Công ty con của CTCP Thiết Bị Điện Gelex
a	<i>CTCP Sản xuất Thiết Bị Điện Đông Anh</i>	120	51%	<i>Công ty con của CTCP Thiết Bị Điện</i>
4	CTCP Thiết bị đo điện EMIC	150	74,99%	Công ty con của CTCP Thiết Bị Điện Gelex
5	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	128	100%	Công ty con của CTCP Thiết Bị Điện Gelex
II	CT CỔ PHẦN HẠ TẦNG GELEX	2.700	99,998%	Công ty con
1	CTCP Phú Thanh Mỹ	618	73,16%	Công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex
2	CT TNHH Điện Gió Hướng Phùng	540	98,87%	Công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex
3	CT TNHH MTV Năng Lượng Gelex Ninh Thuận	368	100%	Công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex
a	<i>CTCP Năng lượng Điện Mái nhà</i>	20	99,8%	<i>Công ty con của CT TNHH MTV Năng Lượng</i>

				<i>Gelex Ninh Thuận</i>
<i>b</i>	<i>CTCP Điện mặt trời Mái nhà</i>	<i>20</i>	<i>99,8%</i>	<i>Công ty con của CT TNHH MTV Năng Lượng Gelex Ninh Thuận</i>
<i>c</i>	<i>CTCP Điện mặt trời Mái nhà Việt Nam</i>	<i>20</i>	<i>99,8%</i>	<i>Công ty con của CT TNHH MTV Năng Lượng Gelex Ninh Thuận</i>
<i>4</i>	<i>CTCP Năng lượng Gelex Quảng Trị</i>	<i>332</i>	<i>98,65%</i>	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex</i>
<i>a</i>	<i>Công ty TNHH Một thành viên Mirai Quảng Trị</i>	<i>3</i>	<i>100%</i>	<i>Công ty con của CTCP Năng lượng Gelex Quảng Trị</i>
<i>5</i>	<i>CTCP Năng lượng Gelex Đắk Lắk</i>	<i>10</i>	<i>80%</i>	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex</i>
<i>6</i>	<i>CTCP Đầu Tư Nước Sạch Sông Đà</i>	<i>750</i>	<i>60,46%</i>	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex</i>
<i>7</i>	<i>CTCP Hạ tầng Gelex Tây Ninh</i>	<i>20</i>	<i>98%</i>	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex</i>
<i>8</i>	<i>CTCP Dịch Vụ Năng Lượng Gelex</i>	<i>30</i>	<i>51%</i>	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex</i>
<i>9</i>	<i>CTCP Năng lượng Đông Hải</i>	<i>70</i>	<i>88%</i>	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex</i>
<i>a</i>	<i>Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 1</i>	<i>5</i>	<i>99,996%</i>	<i>Công ty con của CTCP Năng lượng Đông Hải</i>
<i>b</i>	<i>Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 2</i>	<i>5</i>	<i>99,996%</i>	<i>Công ty con của CTCP Năng lượng Đông Hải</i>
<i>c</i>	<i>Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 3</i>	<i>5</i>	<i>99,996%</i>	<i>Công ty con của CTCP Năng lượng Đông Hải</i>
<i>d</i>	<i>Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 4</i>	<i>5</i>	<i>99,996%</i>	<i>Công ty con của CTCP Năng lượng Đông Hải</i>
<i>e</i>	<i>Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 5</i>	<i>5</i>	<i>99,996%</i>	<i>Công ty con của CTCP Năng lượng Đông Hải</i>
<i>f</i>	<i>Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 6</i>	<i>5</i>	<i>99,996%</i>	<i>Công ty con của CTCP Năng lượng Đông Hải</i>
<i>g</i>	<i>Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 7</i>	<i>5</i>	<i>99,996%</i>	<i>Công ty con của CTCP Năng lượng Đông Hải</i>

<i>h</i>	<i>Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 8</i>	5	99,996%	<i>Công ty con của CTCP Năng lượng Đông Hải</i>
10	Công ty TNHH MTV Gelex Land	50	100%	Công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex
III	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	4.483,5	50,21%	Công ty con

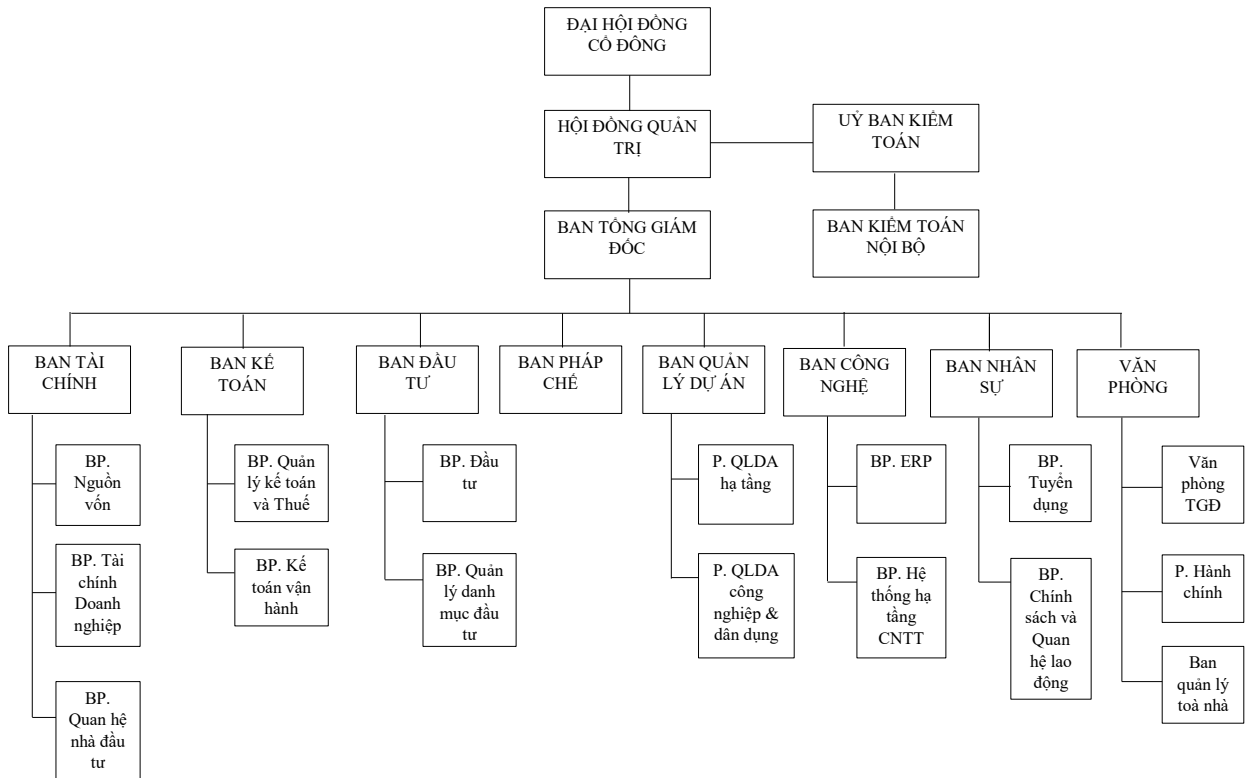
Nguồn: GELEX

Bảng 2: Danh sách công ty liên doanh, liên kết của GELEX

TT	Tên Công ty	VĐL (tỷ VND)	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính	Ghi chú
1	CTCP Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn	827	25,47%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	– GELEX nắm giữ 6,37% VĐL – CTCP Hạ tầng GELEX nắm giữ 19,1% VĐL
2	Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần	281	24,95%	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	– CTCP Thiết bị điện (THIBIDI) nắm giữ 24,95% VĐL
3	Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	22.629.000\$	35%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	– CTCP Chế Tạo Điện Cơ Hà Nội nắm giữ 35% VĐL

Nguồn: GELEX

4. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



Nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh và quản lý của một tập đoàn, đồng thời tuân thủ đúng các quy định đối với quản trị công ty đại chúng, cơ cấu tổ chức quản lý của GELEX được xây dựng bao gồm một số bộ phận chính như sau:

4.1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của GELEX, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Pháp luật và Điều lệ GELEX quy định.

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của GELEX, có toàn quyền nhân danh GELEX để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của GELEX không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ cụ thể của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ GELEX và các quy định nội bộ khác của GELEX được ban hành từng thời kỳ. Cơ cấu Hội đồng quản trị đương nhiệm:

- | | |
|-------------------------|--------------------------------------|
| - Ông Nguyễn Hoa Cường | - Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Văn Tuấn | - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Trọng Tiêu | - Phó Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Lương Thanh Tùng | - Phó Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Trọng Hiền | - Phó Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Võ Anh Linh | - Thành viên HĐQT độc lập |

4.3. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc là cơ quan điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của GELEX, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Quyền và nghĩa vụ cụ thể của Ban Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ GELEX và các quy định nội bộ khác của GELEX được ban hành từng thời kỳ.. Ban Tổng Giám đốc gồm:

- Ông Nguyễn Văn Tuấn - Tổng Giám đốc

4.4. Ủy ban kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán là cơ quan trực thuộc HĐQT, được thành lập theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020. Ủy ban Kiểm toán có các chức năng chính gồm:

- Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của GELEX và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Tổng Công ty;
- Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
- Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của GELEX. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập đề Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
- Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp GELEX có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;

Giám sát nhằm bảo đảm GELEX tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Tổng Công ty.

Ủy ban kiểm toán bao gồm:

- Ông Nguyễn Trọng Hiền - Ủy viên Ủy ban kiểm toán

4.5. Ban Kiểm toán nội bộ

Là Ban chuyên môn thực hiện nghiệp vụ kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT, báo cáo công việc cho HĐQT thông qua Ủy ban Kiểm toán. Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện việc kiểm tra và đánh giá tính đầy đủ và hiệu quả của quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ cũng như chất lượng hiệu suất trong việc thực thi trách nhiệm được giao và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện để đạt được mục tiêu và mục đích của GELEX. Thông qua các hoạt động kiểm tra, đánh giá và tư vấn này, Ban Kiểm toán nội bộ đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan và các kiến nghị về các nội dung sau đây:

- Hệ thống kiểm soát nội bộ đã được thiết lập và vận hành một cách phù hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro;
- Các quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro đảm bảo tính hiệu quả và có hiệu suất cao;
- Các mục tiêu hoạt động và các mục tiêu chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ công tác mà GELEX đạt được.

Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện các cuộc kiểm toán nội bộ theo kế hoạch đã được phê duyệt; Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ và kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót và đề xuất biện pháp hoàn thiện.

Các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ hiện nay của GELEX bao gồm:

- Bà Lê Việt Hà
- Ông Nguyễn Việt Trung
- Giám đốc
- Chuyên viên

4.6. Ban Tài chính

Là Ban chuyên môn trực thuộc Ban Tổng Giám đốc thực hiện chức năng tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong lĩnh vực tài chính; Định hướng, tư vấn hỗ trợ và hỗ trợ kiểm soát hoạt động của các công ty thành viên trong lĩnh vực tài chính bao gồm các hoạt động huy động vốn trên các thị trường tài chính trong và ngoài nước, quản lý sử dụng nguồn vốn, kiểm soát hiệu quả hoạt động của các công ty thành viên; Thực hiện hoạt động quan hệ nhà đầu tư.

4.7. Ban Kế toán

Là Ban chuyên môn trực thuộc Ban Tổng Giám đốc thực hiện chức năng quản lý, tổ chức thực hiện các công việc bao gồm: Tổ chức và vận hành công tác kế toán tại Tổng Công ty, Quản trị hệ thống công tác kế toán tại GELEX và các Đơn vị thành viên, Kiểm soát rủi ro và tối ưu thuế phải nộp của Tập đoàn.

4.8. Ban Đầu tư

Là Ban chuyên môn trực thuộc Ban Tổng Giám đốc thực hiện chức năng tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về định hướng chiến lược phát triển của GELEX trong lĩnh vực đầu tư; Xây dựng kế hoạch đầu tư, kế hoạch nguồn vốn đầu tư theo từng giai đoạn; Tìm kiếm và đánh giá cơ hội đầu tư; Thực hiện công tác quản lý danh mục đầu tư

4.9. Ban Pháp chế

Là Ban chuyên môn trực thuộc Ban Tổng Giám đốc, thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc về mặt pháp lý cho Tổng Giám đốc hoặc cho HĐQT trong việc tổ chức, quản lý, chỉ đạo và điều hành hoạt động của GELEX bao gồm: Tư vấn pháp luật; Pháp chế nội bộ; Tư vấn hợp đồng; Tư vấn Giải quyết tranh chấp; Cập nhật, phổ biến, đào tạo pháp lý

4.10. Ban Quản lý dự án

Là Ban chuyên môn trực thuộc Ban Tổng Giám đốc, có trách nhiệm tổ chức và triển khai các công việc có liên quan đến hoạt động quản lý các dự án đầu tư của GELEX hoặc các đơn vị thành viên của GELEX, từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án đến khi nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng bảo đảm tính hiệu quả của dự án và tuân thủ các quy định của pháp luật.

4.11. Ban Công nghệ

Là Ban chuyên môn trực thuộc Ban Tổng Giám đốc, thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Tổng Giám đốc trong công tác quản lý hệ thống Công nghệ thông tin và chiến lược Công nghệ thông tin của GELEX, bao gồm: Xây dựng chiến lược ứng dụng Công nghệ thông tin cho GELEX theo từng giai đoạn; Tư vấn giải pháp, giám sát triển khai, quản lý hệ thống ERP và các ứng dụng khác; Quản lý hệ thống mạng bảo mật và an

toàn dữ liệu; Quản lý công nghệ thông tin đối với tài sản thuộc hạ tầng Công nghệ thông tin.

4.12. Ban Nhân sự

Là Ban chuyên môn trực thuộc Ban Tổng Giám đốc, thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Tổng Giám đốc trong công tác tổ chức, quản trị nguồn nhân lực của GELEX, bao gồm: Công tác tổ chức bộ máy và cán bộ; Hoạch định chiến lược xây dựng và phát triển nguồn nhân lực; trên cơ sở chiến lược đã được hoạch định Ban Nhân sự thực hiện công tác thu hút, tuyển dụng nguồn nhân lực; công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; xây dựng và triển khai chế độ, chính sách nhân sự; Quản lý hiệu quả làm việc; Thực hiện hoạt động về quản lý nhân sự và quan hệ lao động.

4.13. Văn phòng

Văn phòng GELEX có vị trí tương đương ban chuyên môn trực thuộc Ban Tổng Giám đốc, có chức năng giúp việc cho Tổng Giám đốc trong công tác quản lý hành chính - quản trị, thư ký - tổng hợp, văn thư - lưu trữ; thực hiện công tác đối nội, đối ngoại, truyền thông báo chí; công tác hậu cần, tổ chức sự kiện; sử dụng cơ sở vật chất, phương tiện nhằm hỗ trợ và phục vụ cho các hoạt động của Tổng Công ty.

Văn phòng Tổng Công ty có 03 bộ phận, gồm Văn phòng Tổng giám đốc, Phòng Hành chính và Ban quản lý tòa nhà GELEX với chức năng như sau:

- Văn phòng Tổng Giám đốc: chức năng trợ lý - thực hiện tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc về một số mảng chuyên môn nghiệp vụ; chức năng thư ký - thực hiện công tác hành chính hậu cần đối ngoại của Tổng Giám đốc; chức năng truyền thông - giúp việc Tổng Giám đốc trong các hoạt động thông tin đối ngoại, nội dung tin bài báo chí truyền thông, quản trị và xử lý khủng hoảng truyền thông.
- Phòng Hành chính: giúp việc cho Tổng giám đốc trong các lĩnh vực về công tác hành chính, văn thư, lưu trữ; công tác quản lý tài sản, cơ sở vật chất phương tiện, trang thiết bị làm việc, công tác hậu cần phục vụ, đối nội đối ngoại, tổ chức sự kiện.
- Ban quản lý tòa nhà GELEX: Tổ chức quản lý kinh doanh, khai thác cho thuê và các hoạt động vận hành của tòa nhà; Duy tu bảo trì đảm bảo toàn bộ cơ sở vật chất tòa nhà được vận hành với chất lượng tốt nhất, an toàn và hiệu quả cao

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

5.1. Công ty mẹ:

Không có

5.2. Các Công ty con, các Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Bảng 3: Danh sách các công ty con, các Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

TT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Giấy chứng nhận ĐKDN	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ nắm giữ của GELEX hoặc Công ty con của GELEX	Tỷ lệ biểu quyết của GELEX hoặc Công ty con của GELEX	Diễn giải
I	CTCP THIẾT BỊ ĐIỆN GELEX	29/08/2016	0107547109	Sản xuất kinh doanh và quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực sản xuất thiết bị điện	99,998%	99,998%	Công ty con
1	CTCP Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI)	08/08/2007	0300381564	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện	95,82%	95,82%	Công ty con của CTCP Thiết Bị Điện Gelex
a	CT TNHH MTV CADIVI Đồng Nai	11/06/2013	3603058326	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện	100%	100%	Công ty con của CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam
2	CTCP Chế Tạo Điện Cơ Hà Nội	03/07/2009	0100100456	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện	77,01%	77,01%	Công ty con của CTCP Thiết Bị Điện Gelex
a	CTCP Điện Cơ Hà Nội	03/01/2007	0304776475	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện	100%	100%	Công ty con của CTCP Chế Tạo Điện Cơ Hà Nội
b	Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-POWER	14/02/2020	0109089694	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	100%	100%	Công ty con của CTCP Chế Tạo Điện Cơ Hà Nội

3	CTCP Thiết Bị Điện (THIBIDI)	06/12/2007	3600253826	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện	89,69%	89,69%	Công ty con của CTCP Thiết Bị Điện Gelex
a	<i>CTCP Sản xuất Thiết Bị Điện Đông Anh</i>	13/12/2012	0106061404	Sản xuất kinh doanh máy biến áp, thiết bị điện	51%	51%	<i>Công ty con của CTCP Thiết Bị Điện</i>
4	CTCP Thiết bị đo điện EMIC	01/10/2018	0108453005	Sản xuất, kinh doanh thiết bị đo điện	74,99%	74,99%	Công ty con của CTCP Thiết Bị Điện Gelex
5	CT Dây đồng Việt Nam CFT	27/05/1996	3600241669	Sản xuất nguyên liệu chính trong ngành sản xuất dây, cáp điện, dây điện tử và cáp viễn thông	100%	100%	Công ty con của CTCP Thiết Bị Điện Gelex
II	CT Cổ phần Hạ tầng GELEX	05/12/2016	0107652657	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực năng lượng và hạ tầng	99,998%	99,998%	Công ty con
1	CTCP Phú Thạnh Mỹ	17/01/2007	4000455251	Sản xuất thủy điện	73,16%	73,16%	Công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex
2	CT TNHH Điện Gió Hường Phùng	08/11/2018	3200677549	Sản xuất điện gió	98,89%	98,89%	Công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex
3	CT TNHH MTV Năng Lượng Gelex Ninh Thuận	29/09/2017	4500618017	Sản xuất điện mặt trời	100%	100%	Công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex
a	<i>CTCP Năng Lượng Điện Mái nhà</i>	<i>29/07/2020</i>	<i>4500642387</i>	<i>Sản xuất điện mặt trời</i>	<i>99,8%</i>	<i>99,8%</i>	<i>Công ty con của CT TNHH MTV Năng Lượng Gelex Ninh Thuận</i>

b	CTCP Điện mặt trời Mái nhà	28/08/2020	4500643439	Sản xuất điện mặt trời	99,8%	99,8%	Công ty con của CT TNHH MTV Năng Lượng Gelex Ninh Thuận
c	CTCP Điện mặt trời Mái nhà Việt Nam	28/08/2020	4500643510	Sản xuất điện mặt trời	99,8%	99,8%	Công ty con của CT TNHH MTV Năng Lượng Gelex Ninh Thuận
4	CTCP Năng lượng Gelex Quảng Trị	16/01/2019	3200685620	Sản xuất điện gió	98,61	98,61	Công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex
a	Công ty TNHH Một thành viên Mirai Quảng Trị	23/09/2020	3200712786	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió	100%	100%	Công ty con của CTCP Năng lượng Gelex Quảng Trị
5	CTCP Năng lượng Gelex Đắk Lắk	26/04/2019	6001658956	Sản xuất điện gió	80%	80%	Công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex
6	CTCP Đầu Tư Nước Sạch Sông Đà	17/12/2009	5400310164	Sản xuất nước sạch	60,46%	60,46%	Công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex
7	CTCP Hạ tầng Gelex Tây Ninh	19/08/2019	3901285684	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	98%	98%	Công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex
8	CTCP Dịch Vụ Năng Lượng Gelex	15/11/2019	0108991010	Kinh doanh BĐS, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	51%	51%	Công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex
9	CTCP Năng lượng Đông Hải	30/08/2019	3702805064	Sản xuất, truyền tải và	88%	88%	Công ty con của Công ty Cổ

				phân phối điện mặt trời			phần Hạ tầng Gelex
a	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 1	17/09/2020	0109345411	Sản xuất điện mặt trời	99,996%	99,996%	Công ty con của CTCP Năng lượng Đông Hải
b	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 2	17/09/2020	0109345482	Sản xuất điện mặt trời	99,996%	99,996%	Công ty con của CTCP Năng lượng Đông Hải
c	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 3	17/09/2020	0109345475	Sản xuất điện mặt trời	99,996%	99,996%	Công ty con của CTCP Năng lượng Đông Hải
d	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 4	17/09/2020	0109345468	Sản xuất điện mặt trời	99,996%	99,996%	Công ty con của CTCP Năng lượng Đông Hải
e	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 5	17/09/2020	0109345524	Sản xuất điện mặt trời	99,996%	99,996%	Công ty con của CTCP Năng lượng Đông Hải
f	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 6	17/09/2020	0109345563	Sản xuất điện mặt trời	99,996%	99,996%	Công ty con của CTCP Năng lượng Đông Hải
g	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 7	17/09/2020	0109345531	Sản xuất điện mặt trời	99,996%	99,996%	Công ty con của CTCP Năng lượng Đông Hải
h	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 8	17/09/2020	0109345517	Sản xuất điện mặt trời	99,996%	99,996%	Công ty con của CTCP Năng lượng Đông Hải
10	Công ty TNHH MTV Gelex Land	12/07/2017	0107919237	Kinh doanh BDS	100%	100%	Công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex

III	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	01/10/2010	0100108173	Sản xuất kinh doanh và nhập khẩu vật liệu xây dựng, nguyên liệu, nhiên liệu, đầu tư kinh doanh bất động sản	50,21%	50,21%	Công ty con
-----	-------------------------------	------------	------------	---	--------	--------	-------------

Nguồn: GELEX

5.3. Các Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Không có

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

- ❖ Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ cùng với phát triển mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh qua các năm như sau:

Bảng 4: Quá trình tăng vốn của GELEX

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Khi cổ phần hóa	1.400			❖ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 12 năm 2010
Tháng 8/2015	1.550	150	Phát hành riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	❖ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 215/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2015; ❖ Công văn số 4667/UBCK-QLPH ngày 27/7/2015 về việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ; ❖ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 3 ngày 16/9/2015.
Tháng 1/2017	2.320	770	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	❖ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 27/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/08/2016; ❖ Giấy chứng nhận đăng ký

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
				<p>chào bán cổ phiếu ra công chúng số 60/GCN-UBCK ngày 04/10/2016;</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 6 ngày 21/02/2017.
Tháng 7/2017	2.668	348	Phát hành tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Nghị quyết số 21/GELEX/NQ-ĐHCD ngày 25/04/2017; ❖ Công văn số 5015/UBCK-QLCB ngày 18/07/2017 về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn VCSH của GELEX cổ phần thiết bị điện Việt Nam; ❖ Giấy CNĐKKD số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 7 ngày 23/08/2017.
Tháng 06/2018	3.388	720	Phát hành cổ phiếu để thực hiện chứng quyền lần 1	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Nghị Quyết ĐHCĐ bất thường năm 2016 số 27/TBĐVN/NQ – ĐHCĐ ngày 01/08/2016. ❖ Nghị Quyết HĐQT số 09/2018/GELEX/HĐQT – NQ ngày 14/05/2018. ❖ Nghị Quyết HĐQT số 14/2018/GELEX/NQ – HĐQT ngày 28/06/2018.
Tháng 8/2018	4.065,6	677,6	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Nghị quyết ĐHCĐ số 08/GELEX/NQ – ĐHCĐ ngày 27/04/2018. ❖ Nghị quyết HĐQT số 17/2018/GELEX/NQ –

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
				HĐQT ngày 17/07/2018. ❖ Nghị quyết HĐQT số 24/2018/GELEX/NQ – HĐQT ngày 23/08/2018.
Tháng 6/2019	4.245,6	180	Phát hành cổ phiếu để thực hiện chứng quyền lần 2	❖ Nghị Quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2016 số 27/TBĐVN/NQ – ĐHĐCĐ ngày 01/08/2016. ❖ Nghị Quyết HĐQT số 13/2019/GELEX/NQ – HĐQT ngày 03/05/2019 ❖ Nghị Quyết HĐQT số 16/2019/GELEX/NQ – HĐQT ngày 19/06/2019
Tháng 9/2019	4.882,440	636,840	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	❖ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 11/GELEX/NQ – ĐHĐCĐ ngày 19/04/2019. ❖ Nghị quyết HĐQT số 22/2019/GELEX/NQ – HĐQT ngày 22/07/2019. ❖ Nghị quyết HĐQT số 25/2019/GELEX/NQ – HĐQT ngày 04/09/2019.

Nguồn: GELEX

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác

7.1. Thông tin về các khoản góp vốn

Bảng 5: Thông tin về các khoản góp vốn trong 2 năm gần nhất

Thời gian	Tên doanh nghiệp	Giá trị (đồng)	Phương thức thực hiện
04/01/2019	Công ty TNHH MTV Gelex Logistics	1.589.745.902	Góp vốn thành lập mới
10/09/2019	Công ty TNHH Gelex Campuchia	627.094.000	Nhận Chuyển nhượng vốn đầu tư
01/04/2019	Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai	247.871.250.000	Khớp lệnh trên sàn
Từ 27/02/2019 đến 17/04/2019	Tổng công ty Viglacera -CTCP	1.210.630.034.000	Đầu giá và Khớp lệnh trên sàn
15/04/2020	Công ty cổ phần Hạ tầng Gelex	400.000.000.000	Góp vốn tăng vốn điều lệ
08/10/2020	Tổng công ty Viglacera -CTCP	2.226.336.159.553	Chào mua công khai

7.2. Thông tin về các khoản thoái vốn

Bảng 6: Thông tin về các khoản thoái vốn trong 2 năm gần nhất

Thời gian	Tên doanh nghiệp	Giá trị (đồng)	Phương thức thực hiện
17/01/2019	Công ty cổ phần K.I.P Việt Nam	3.519.379.240	Khớp lệnh trên sàn
Từ 03/10/2019 đến 10/10/2019	Tổng công ty Viglacera - CTCP	632.828.474.000	Thỏa thuận trên sàn (Chuyển nhượng vốn cho Công ty con là CTCP Thiết bị điện Gelex)
02/01/2020	Công ty cổ phần thiết bị điện Gelex	59.400.000	Chuyển nhượng vốn
30/06/2020	Công ty TNHH MTV Gelex Logistics	1.895.000.000.000	Chuyển nhượng vốn
02/11/2020	Công ty TNHH MTV Gelex Land	51.175.161.707	Chuyển nhượng vốn cho công ty thành viên
Từ 13/05/2020 đến 16/06/2020	Công ty cổ phần cảng Đồng Nai	251.762.985.000	Khớp lệnh trên sàn
18/11/2020	Công ty dây đồng Việt Nam CFT	69.285.387.977	Chuyển nhượng vốn cho công ty con là CTCP Thiết bị điện Gelex

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông (theo danh sách cổ đông chốt ngày 14/12/2020)

Bảng 7: Cơ cấu cổ đông (theo danh sách cổ đông chốt ngày 14/12/2020)

	Số lượng cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổ chức	125	190.626.754	40,56%
i. Trong nước	69	128.477.087	27,34%
ii. Nước ngoài	56	62.149.667	13,22%
Cá nhân	16.049	279.342.296	59,44%
iii. Trong nước	15.904	278.435.751	59,25%
iv. Nước ngoài	145	906.545	0,19%
Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ			
Tổng cộng	16.174	469.969.050	100%

8.2. Các loại chứng khoán khác

Bảng 8: Các loại chứng khoán khác

TT	Tên loại chứng khoán	Số lượng (trái phiếu)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Đặc điểm
1	Trái phiếu Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	1.150	31/12/2019	31/12/2029	Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản, không kèm chứng quyền, tổng mệnh giá 1.150 tỷ đồng, phát hành tháng 12/2019
2	Trái phiếu Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	3.000	31/03/2020	31/03/2022	Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản, không kèm chứng quyền, tổng mệnh giá 300 tỷ đồng, phát hành tháng 03/2020
3	Trái phiếu Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	4.000	15/04/2020	15/04/2023	Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản, không kèm chứng quyền, tổng mệnh giá 400 tỷ đồng, phát hành tháng 04/2020
4	Trái phiếu Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	3.000	13/05/2020	13/05/2023	Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản, không kèm chứng quyền, tổng mệnh giá 300 tỷ đồng, phát hành tháng 05/2020
5	Trái phiếu Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	700	29/05/2020	29/05/2023	Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản, không kèm chứng quyền, tổng mệnh giá 700 tỷ đồng, phát hành tháng 05/2020
6	Trái phiếu Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	1.000.000	09/07/2020	09/07/2020	Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản, không kèm chứng quyền, tổng mệnh giá 100 tỷ đồng, phát hành tháng 07/2020
7	Trái phiếu Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	1.000.000	10/07/2020	10/07/2020	Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản, không kèm chứng quyền, tổng mệnh giá 100 tỷ đồng, phát hành tháng 07/2020
8	Trái phiếu Tổng Công ty cổ phần	1.500.000	13/07/2020	13/07/2020	Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài

TT	Tên loại chứng khoán	Số lượng (trái phiếu)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Đặc điểm
	Thiết bị điện Việt Nam				sản, không kèm chứng quyền, tổng mệnh giá 150 tỷ đồng, phát hành tháng 07/2020
9	Trái phiếu Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	2.000	22/07/2020	22/07/2023	Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản, không kèm chứng quyền, tổng mệnh giá 200 tỷ đồng, phát hành tháng 07/2020
10	Trái phiếu Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	2.000	23/07/2020	23/07/2023	Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản, không kèm chứng quyền, tổng mệnh giá 200 tỷ đồng, phát hành tháng 07/2020
11	Trái phiếu Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	1.000.000	05/08/2020	05/08/2023	Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản, không kèm chứng quyền, tổng mệnh giá 100 tỷ đồng, phát hành tháng 08/2020
12	Trái phiếu Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	500.000	06/08/2020	06/08/2023	Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản, không kèm chứng quyền, tổng mệnh giá 50 tỷ đồng, phát hành tháng 08/2020

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật: 49%
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty (nếu có): Không có
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty hiện tại: 13,41% (theo Danh sách cổ đông chốt ngày 14/12/2020)

10. Hoạt động kinh doanh

10.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Hơn 20 năm hình thành và phát triển, Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam với ngành nghề kinh doanh ban đầu là sản xuất và phân phối thiết bị điện tiếp tục khẳng định vị thế số 1 trong ngành thiết bị điện Việt Nam. Năm 2016, Tổng Công ty đã thực hiện tái cấu trúc về cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động. Hiện tại, GELEX đang hoạt động dưới mô hình công ty holding, định hướng phát triển kinh doanh trên hai trụ cột: (1) Sản xuất công nghiệp trong đó cụ thể gồm ngành Sản xuất thiết bị điện và vật liệu xây dựng và (2) Hạ tầng gồm sản xuất điện, nước, Khu công nghiệp và hệ sinh thái quanh khu công nghiệp.

a. Các sản phẩm, dịch vụ chính, quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng và tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

i. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất và cung cấp thiết bị điện là lĩnh vực nền tảng truyền thống và quan trọng của GELEX. Hệ thống GELEX hiện sản xuất và cung cấp bộ sản phẩm toàn diện trong lĩnh vực thiết bị điện và đã khẳng định vị thế và uy tín của mình trên thị trường với thương hiệu nổi tiếng như dây cáp điện CADIVI, máy biến áp THIBIDI, thiết bị đo điện EMIC, động cơ điện HEM, VIHEM. GELEX luôn tập trung khâu nghiên cứu và phát triển, ứng dụng công nghệ tiên tiến, dây chuyền sản xuất hiện đại, nguyên vật liệu thân thiện với môi trường, nguồn nhân lực chất lượng cao cùng hệ thống quản lý chất lượng đạt chuẩn quốc tế ISO. Các sản phẩm chính của hệ thống GELEX bao gồm:

- Dây và cáp điện
- Máy biến áp
- Động cơ điện
- Thiết bị đo điện

Bên cạnh đó, GELEX và Công ty con của GELEX là Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX đang sở hữu 50,21% vốn điều lệ của Tổng Công ty Viglacera – Công ty cổ phần (VGC). Hiện nay, Tổng Công ty Viglace ra là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực vật liệu xây dựng và kinh doanh bất động sản công nghiệp. Chính vì vậy, việc sở hữu chi phối VGC trong thời điểm hiện tại sẽ góp phần mở rộng lĩnh vực sản xuất công nghiệp sang mảng sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, mở rộng hệ sinh thái sản phẩm công nghiệp của GELEX.

Đối với mỗi dòng sản phẩm, Hệ thống GELEX hiện đang sở hữu những thương hiệu hàng đầu, đã khẳng định được uy tín trên thị trường.

❖ Dây và cáp điện

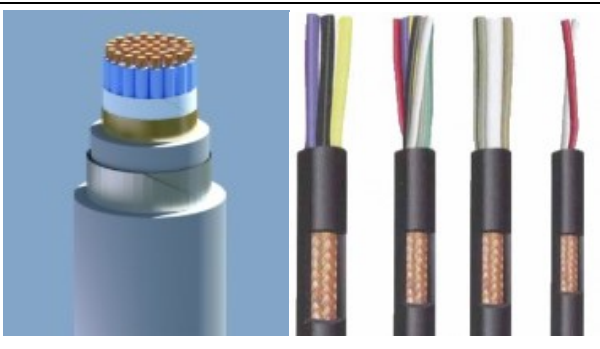

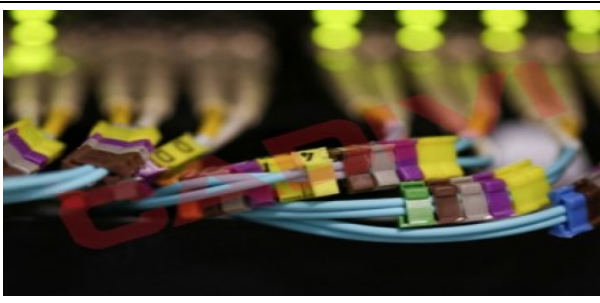

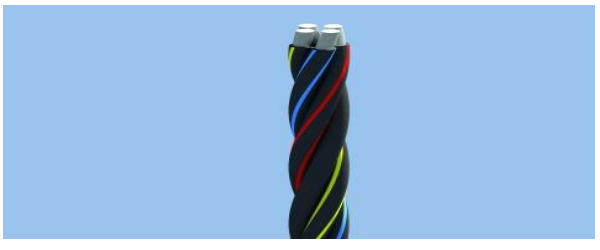
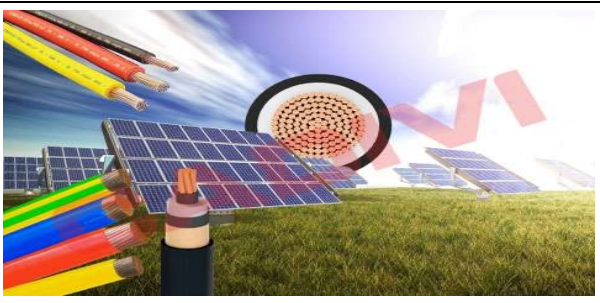
Dây và cáp điện được sản xuất bởi CADIVI do Gelex Electric – Công ty con của GELEX, sở hữu 99,998% vốn – đang sở hữu 95,82% vốn điều lệ (31/12/2020). CADIVI là thương hiệu dây điện trên 40 năm với chất lượng sản phẩm được người tiêu dùng tin tưởng. Các sản phẩm của CADIVI bao gồm:


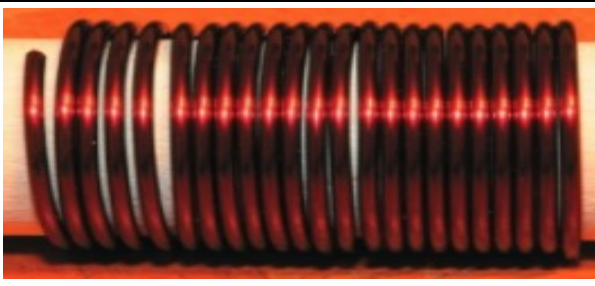
- Các loại dây điện bao gồm các loại dây điện dân dụng, dây điện lực, dây điện ô tô, dây điện thoại trong nhà, dây nhôm lõi thép, dây nhôm trần xoắn, dây đồng trần xoắn;
- Các loại cáp điện bao gồm các loại cáp điện lực, cáp vặn xoắn, cáp trung thế ngầm và trung thế treo điện áp đến 40,5kV, cáp điện kế duplex, multiplex, cáp đồng trục, cáp instrument, cáp chống cháy, cáp chậm cháy ít khói không có khí độc, cáp điều khiển, cáp chống thấm...
- Các loại dây điện từ, dây vuông dẹp giáp giấy và không giáp giấy.

Một số hình ảnh sản phẩm tiêu biểu của CADIVI:

Bảng 9: Các sản phẩm dây cáp điện của CADIVI

Sản phẩm	Hình ảnh	Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng
Dây điện dân dụng		TCVN 6610-3 / IEC 60227-3 TCVN 6610-5 / IEC 60227-5 TCVN 6612 / IEC 60228 JIS C 3307; JIS C 3102 AS/NZS 5000.1; AS/NZS 1125
Cáp siêu nhiệt ACCC® ruột nhôm lõi Composite		ASTM B987/B987M ASTM B609, ASTM B857, ASTM B193 EN 50182 IEC 62219 IEC 61395; IEEE Std 738
Dây và cáp điện lực hạ thế		AS/NZS 5000.1 AS/NZS 1125 TCVN 6610-4/ IEC 60227-4 TCVN 6612/ IEC 60228
Cáp điện lực trung thế		TCVN 5935-1995/IEC 502 TCVN 6483, DIN 48204, IEC 61089, IEC 60502
Cáp điện lực chậm cháy, chống cháy hạ thế, ít khói, không halogen		TCVN 5935-1 / IEC 60502-1, TCVN 6612 / IEC 60228, IEC 60332-1,3, BS 4066-1,3, BS7211, BS EN 50525-3-41

Cáp điều khiển		TCVN 5935-1 / IEC 60502-1 TCVN 6612 / IEC 60228 Hoặc JIS C 3401-1992
Dây trần		TCVN 5064 - 1994; TCVN 5064 : 1994/SĐ 1 : 1995 TCVN 6483/IEC 61089 ASTM B232 DIN 48204
Cáp truyền số liệu		ANSI/TIA/EIA – 568 – C.2
Cáp điện kế		TCVN 5935-1/ IEC 60502-1 TCVN 6612/ IEC 60228
Cáp vặn xoắn hạ thế		TCVN 6447 / AS 3560.1
Cáp chuyên dụng		EN 50618 IEC FDIS 62930 IEC 60332-1-2. IEC 60754-1, 2; IEC 61034-2.

Cáp DUPLEX, ruột đồng, cách điện PVC		TCVN 6612 / IEC 60228 TCVN 5935-1 / IEC 60502-1 TCVN 5064 - 1994; TCVN 5064 : 1994/SĐ 1 : 1995
Dây tráng men		JIS C 3202 IEC 60317/TCVN 7675 ANSI/NEMA MW 1000

❖ **Máy biến áp**

Máy biến áp được sản xuất bởi THIBIDI do Gelex Electric – Công ty con của GELEX, sở hữu 99,998% vốn – đang sở hữu 89,69% vốn điều lệ. THIBIDI là thương hiệu có uy tín cao trên thị trường trong và ngoài nước. THIBIDI đã đạt giải thưởng Chất lượng quốc gia và chất lượng quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương năm 2016.

Các sản phẩm chính của THIBIDI bao gồm:

- Máy biến áp 1 pha tần số 50Hz, công suất từ 10 đến 167kVA, điện áp đến 35kV, năng lực 15.000 máy/năm
- Máy biến áp 3 pha tần số 50Hz, công suất từ 30 đến 10.000kVA, điện áp đến 35kV, năng lực 9.600 máy/năm

Một số hình ảnh sản phẩm tiêu biểu của THIBIDI:

Bảng 10: Các sản phẩm máy biến áp của THIBIDI







Sản phẩm	Hình ảnh	Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng
Máy biến áp 1 pha		IEC-60076
Máy biến áp 3 pha		IEC-60076 TCVN 8525

Máy biến áp khô		N/A
Máy biến áp PAD-MOUNTED		N/A
Trạm hợp bộ kiểu KIOSK		N/A
Máy biến áp AMORPHOUS		

Hiện nay, Tổng Công ty Thiết Bị Điện Đông Anh – CTCP (EEMC) là Công ty liên kết của THIBIDI và THIBIDI cũng sở hữu chi phối 51% vốn điều lệ Công ty cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh (MEE). Đây là hai doanh nghiệp có bề dày lịch sử và khá uy tín trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp và kinh doanh máy biến áp với thế mạnh là máy biến áp truyền tải. Thông qua việc đầu tư vào hai đơn vị này, GELEX mà cụ thể là THIBIDI đã mở rộng bộ sản phẩm máy biến áp của mình thêm các sản phẩm máy biến áp truyền tải, từ đó cung cấp đầy đủ bộ sản phẩm máy biến áp từ phân phối tới truyền tải ra thị trường.

Các sản phẩm máy biến áp của EEMC và MEE bao gồm:

Bảng 11: Các sản phẩm máy biến áp của EEMC và MEE

Sản phẩm	Hình ảnh	Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng
Máy biến áp 110kV – 63MVA		VN 6306-1: 2015 (IEC 60076-1: 2011)
Máy biến áp 110kV – 40MVA		TCVN 6306-1: 2015 (IEC 60076-1: 2011)
Máy biến áp 110kV – 25MVA		TCVN 6306-1: 2015 (IEC 60076-1: 2011)
Máy biến áp 220kV – 250MVA		TCVN 6306-1: 2015 (IEC 60076-1: 2011)
Máy biến áp 220kV – 125MVA		TCVN 6306-1: 2015 (IEC 60076-1: 2011)
Máy biến áp 500kV		IEC 60076

Trạm biến áp di động		
----------------------	--	--

❖ **Động cơ điện**

Động cơ điện, máy phát điện được sản xuất bởi Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (HEM) do Gelex Electric – Công ty con do GELEX sở hữu 99,998% vốn – đang sở hữu 77,01% vốn điều lệ. Trước đây, GELEX còn có một đơn vị thành viên khác cũng sản xuất các sản phẩm động cơ điện là Công ty Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari (VIHEM). Nhằm tối ưu hóa sản xuất, trong năm 2019, GELEX đã thực hiện tái cấu trúc và hoàn tất việc sáp nhập VIHEM vào HEM. Năng lực sản xuất của GELEX hiện nay tính theo số động cơ là từ 25.000 đến 30.000 chiếc/1 năm.

Các sản phẩm động cơ điện, máy phát điện bao gồm:

- Động cơ điện không đồng bộ 1 pha, công suất tới 3kW, điện áp 220V
- Động cơ điện không đồng bộ 3 pha, công suất tới 315kW, điện áp 380(660)V
- Máy phát điện 3 pha

Một số hình ảnh sản phẩm tiêu biểu của HEM

Bảng 12: Một số sản phẩm của HEM

Sản phẩm	Hình ảnh
Động cơ điện trung thế	
Động cơ điện biến tần	

<p>Động cơ điện 3 pha rotor dây quấn</p>	
<p>Quạt ly tâm kiểu CV.B</p>	
<p>Quạt tạo áp, tăng áp</p>	
<p>Máy biến áp phân phối 1 pha</p>	
<p>Máy biến áp phân phối 3 pha</p>	

Bên cạnh các sản phẩm trên, HEM cũng là một thương hiệu cung cấp dịch vụ tư vấn sửa chữa bảo dưỡng máy điện , sửa chữa máy điện, sửa chữa động cơ điện công suất lớn có uy tín cao

trên thị trường. Với thế mạnh là đơn vị có gần 60 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất chế tạo động cơ thiết bị điện, một đội ngũ kỹ sư giỏi, công nhân kỹ thuật lành nghề, khách hàng của HEM là các thương hiệu lớn như BIM Group, VEM, Shell, Seimens, Castrol....



❖ **Thiết bị đo điện:**

Thiết bị đo điện được sản xuất bởi Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện (EMIC) do Gelex Electric – Công ty con do GELEX sở hữu 99,98% vốn – đang sở hữu 74,99% vốn điều lệ. EMIC là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực thiết bị đo điện và là nhà cung cấp thiết bị đo điện lớn cho EVN Việt Nam.

Các sản phẩm thiết bị đo điện của EMIC bao gồm:

- Công tơ điện tử 1 pha và 3 pha
- Máy biến áp đo lường và cấp nguồn trung thế
- Máy biến dòng điện đo lường hạ thế, trung thế

Một số hình ảnh sản phẩm tiêu biểu của EMIC:

Bảng 13: Một số sản phẩm nổi bật của EMIC




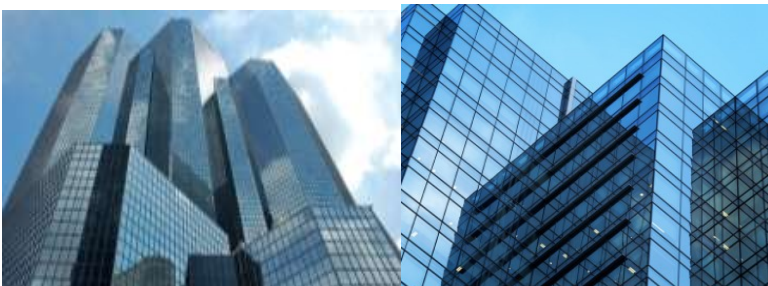

Sản phẩm	Hình ảnh
Công tơ điện tử 1 thì và 3 thì	
Máy biến dòng TU, TI	

❖ **Vật liệu xây dựng**

Việc sở hữu 50,21% vốn chủ sở hữu của VGC là cơ sở để hệ thống GELEX tham gia vào lĩnh vực vật liệu xây dựng. Với bề dày gần 50 năm hoạt động và phát triển, Viglacera đã xây dựng được nền tảng và thương hiệu trong lĩnh vực vật liệu xây dựng với nhiều sản phẩm chất lượng

như: thiết bị vệ sinh, gạch, ngói, gạch ốp lát, kính xây dựng, kính tiết kiệm năng lượng.
 Những sản phẩm vật liệu xây dựng nổi bật của Viglacera bao gồm:

Bảng 14: Một số sản phẩm vật liệu xây dựng của VIGLACERA

Sản phẩm	Hình ảnh
Thiết bị vệ sinh	
Gạch ngói đất sét nung	
Gạch ốp lát	
Kính xây dựng	
Kính tiết kiệm năng lượng	

ii. Lĩnh vực hạ tầng

❖ Sản xuất điện, nước

Kể từ năm 2016, GELEX mở rộng đầu tư sang lĩnh vực hạ tầng. Việc phát triển kinh doanh trong lĩnh vực hạ tầng được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX do GELEX sở hữu 99,99% vốn). Đón đầu xu thế đầu tư phát triển năng lượng bền vững, GELEX là tập đoàn tiên phong nghiên cứu và xây dựng công nghệ năng lượng tái tạo, nhằm tạo ra một hệ sinh thái năng lượng hoàn chỉnh, làm cơ sở phát triển ngành công nghiệp thiết bị điện tại Việt Nam.

Các lĩnh vực trọng tâm mà Năng lượng GELEX sẽ đầu tư phát triển gồm:

- Sản xuất điện năng trong đó chú trọng đến sản xuất điện từ năng lượng sạch, năng lượng tái tạo cụ thể là phát triển điện gió và điện mặt trời;
- Sản xuất và phân phối nước sạch;

Tính đến nay, Năng lượng GELEX đã tham gia đầu tư và phát triển các dự án năng lượng và phân phối nước sạch, cụ thể như sau:

- Đầu tư và sở hữu 73,16% tại Công ty CP Phú Thạnh Mỹ (chủ đầu tư dự án thủy điện Sông Bung 4A). Dự án này có công suất 49 MW và đã đưa vào khai thác năm 2013.
- Đầu tư dự án điện mặt trời tại Ninh Thuận với công suất 50 MW. Dự án này đã hoàn thành và phát điện từ năm 2019. Thực hiện đầu tư các dự án điện gió ở Quảng Trị như Hướng Phùng 2, 3, Gelex 1, 2, 3. Dự kiến các dự án này sẽ phát điện vào cuối năm 2021.
- Tham gia hoạt động sản xuất và phân phối nước sạch trên cơ sở đầu tư và sở hữu 60,46% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà;

Ngoài ra công ty đang nghiên cứu, xúc tiến đầu tư các dự án điện mặt trời áp mái, chọn lọc mở rộng hoạt động kinh doanh nước sạch gắn với các Khu công nghiệp để cung cấp thêm các giá trị gia tăng trong hoạt động kinh doanh Khu công nghiệp.

Dự án thủy điện Sông Bung 4A



Dự án điện mặt trời Ninh Thuận và Nhà máy nước sạch Sông Đà



❖ **Khu công nghiệp và hệ sinh thái quanh khu công nghiệp**

Với việc sở hữu chi phối vốn điều lệ của Tổng Công ty Viglacera – CTCP (“VIGLACERA”), thông qua VIGLACERA, GELEX sẽ bước chân vào lĩnh vực bất động sản công nghiệp và hệ sinh thái quanh khu công nghiệp. Hiện nay, VIGLACERA là doanh nghiệp phát triển bất động sản công nghiệp hàng đầu tại khu vực phía Bắc nói riêng và trên cả nước nói chung với hơn 20 năm phát triển. Dựa trên các lợi thế sẵn có của VIGLACERA trong lĩnh vực bất động sản công nghiệp, GELEX sẽ hỗ trợ, bổ sung và phối hợp với VIGLACERA trong việc phát triển các dự án bất động sản công nghiệp mới, đón đầu xu hướng dịch chuyển sản xuất mà Việt Nam đang hưởng lợi trong giai đoạn hiện tại. Tính đến thời điểm hiện tại, Viglacera đang triển khai và vận hành 12 dự án khu công nghiệp với diện tích lên tới 4.210 ha và thu hút 15 tỷ USD vốn FDI đầu tư. Một số dự án bất động sản công nghiệp tiêu biểu như:

Bảng 15: Các dự án Khu công nghiệp của VIGLACERA

Dự án	Hình ảnh
<p>Khu công nghiệp Yên Phong – Tỉnh Bắc Ninh</p> <ul style="list-style-type: none"> • Quy mô: 658 ha <ul style="list-style-type: none"> ○ Giai đoạn 1: 344 ha ○ Giai đoạn 2: 314 ha 	
<p>Khu công nghiệp Yên Phong 2C – Tỉnh Bắc Ninh</p> <ul style="list-style-type: none"> • Quy mô: 221 ha 	
<p>Khu công nghiệp Tiên Sơn – Tỉnh Bắc Ninh</p> <ul style="list-style-type: none"> • Quy mô: 350 ha 	
<p>Khu công nghiệp Đông Mai – Tỉnh Quảng Ninh</p> <ul style="list-style-type: none"> • Quy mô: 168 ha 	

<p>Khu công nghiệp Hải Yên – Tỉnh Quảng Ninh</p> <ul style="list-style-type: none"> Quy mô: 182 ha 	
<p>Khu công nghiệp Phù Hà – Tỉnh Phú Thọ</p> <ul style="list-style-type: none"> Quy mô: 350 ha 	
<p>Khu công nghiệp Đồng Văn 4 – Tỉnh Hà Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> Quy mô: 600 ha 	
<p>Khu công nghiệp Yên Mỹ – Tỉnh Hưng Yên</p> <ul style="list-style-type: none"> Quy mô: 280 ha 	
<p>Khu công nghiệp Phong Điền – Tỉnh Thừa Thiên Huế</p> <ul style="list-style-type: none"> Quy mô: 284 ha 	
<p>Khu công nghiệp Tiên Hải – Tỉnh Thái Bình</p> <ul style="list-style-type: none"> Quy mô: 466 ha 	
<p>Khu Kinh tế Vimariel – Nước Cộng Hòa Cuba</p> <ul style="list-style-type: none"> Quy mô: 256 ha 	

❖ Các dự án bất động sản khác

Với các lợi thế về quỹ đất sẵn có của Tổng công ty và các đơn vị thành viên, GELEX đã tham gia vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản cụ thể là lĩnh vực bất động sản thương mại. Hiện nay, Gelex đã và đang đầu tư và khai thác một số dự án bao gồm

– Dự án 52 Lê Đại Hành

Tại diện tích đất 1.937 m² ở địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; GELEX đã xây dựng Tòa nhà GELEX TOWER làm trụ sở làm việc của Tổng Công ty kết hợp văn phòng cho thuê. GELEX TOWER có tổng diện tích xây dựng là 18.289 m² với 3 tầng hầm và 22 tầng nổi, hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2014. Công suất khai thác luôn duy trì từ 90% – 95% diện tích cho thuê.

Tòa nhà 52 Lê Đại Hành



– Khách sạn Melia Hà Nội

Gelex Electric – Công ty con do Gelex sở hữu 99,98% - hiện sở hữu 77,01% Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (HEM). HEM đang sở hữu 35% Công ty liên doanh SAS-CTAMAD - chủ đầu tư của Tổ hợp Khách sạn Melia Lý Thường Kiệt.

Tổ hợp Khách sạn Melia Lý Thường Kiệt bao gồm Khách sạn Melia và Tòa nhà văn phòng cho thuê Hanoi Center Office (“HCO”), tọa lạc tại vị trí 44B Lý Thường Kiệt, trung tâm tài chính và ngoại giao của Hà Nội. Khách sạn Melia là một khách sạn 5 sao, đẳng cấp quốc tế, nơi đây đã từng tiếp đón nhiều nguyên thủ quốc gia đến từ nhiều nước. Tòa nhà văn phòng HCO hiện đang được nhiều công ty nổi tiếng thế giới sử dụng.

Khách sạn Melia Hà Nội



– **Dự án Số 10 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội**

Dự án số 10 Trần Nguyên Hãn: Đây là dự án của Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam, trên phần đất thuộc quyền sử dụng của GELEX. Dự án được triển khai trên khu đất số 10 Trần Nguyên Hãn và 27- 29 Lý Thái Tổ, đây là vị trí trung tâm tại quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Hiện tại, GELEX đã được chấp thuận chủ đầu tư tháng 6/2017 và đang tiến hành đầu tư xây dựng Tổ hợp Khách sạn, căn hộ dịch vụ đạt tiêu chuẩn quốc tế 5 sao.

Diện tích lập Dự án là 9.934m².

Dự án số 10 Trần Nguyên Hãn





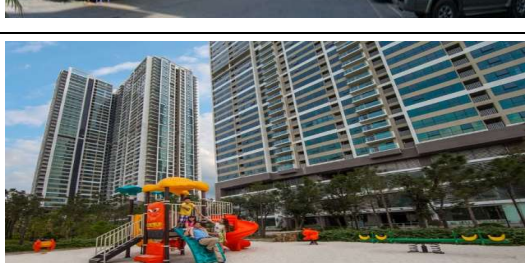
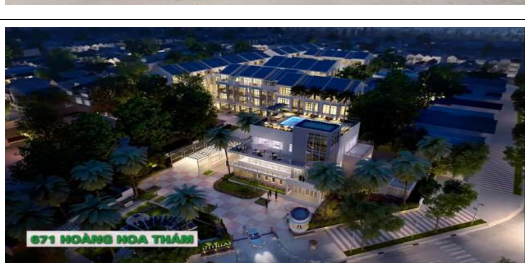


– **Các dự án khác**

Ngoài các dự án trên, hiện nay Tổng Công ty Viglacera – CTCP – đơn vị liên kết của GELEX cũng đang triển khai các dự án bất động sản thương mại và du lịch như:

Bảng 16: Một số dự án bất động sản của VIGLACERA

Dự án	Hình ảnh
Khu du lịch sinh thái Vân Hải	
Khu đô thị Đặng Xá	
Khu đô thị Yên Phong	

Khu đô thị Đại Mỗ	
Khu đô thị Kim Chung	
Nhà vườn sinh thái Hoàn Sơn Eco	
Khu nhà vườn 628 Hoàng Hoa Thám	
Chung cư cao cấp số 1 Đại lộ Thăng Long	
Chung cư cao cấp 671 Hoàng Hoa Thám	

b. Tính thời vụ của các hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Gelex và hệ thống các con diễn ra đều đặn và liên tục quanh năm và không có tính thời vụ cố định.

c. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm 2019, 2020 và quý I năm 2021

❖ Cơ cấu doanh thu

Bảng 17: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Sản phẩm dịch vụ	2019		2020		Quý I/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần	2.524.184	87,48	2.971.623	75,11	1.402.549	90,47
Doanh thu bán hàng hóa	2.418.617	83,82	2.855.392	72,17	1.376.256	88,77
Doanh thu cho thuê văn phòng và kinh doanh khách sạn	-	-	-	-	20.327	1,31
Doanh thu cung cấp dịch vụ	105.734	3,66	116.417	2,94	5.966	0,39
Các khoản giảm trừ doanh thu	(167)	(0,01)	(185)	(0,005)	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	361.367	12,52	984.619	24,89	147.739	9,53
Tổng cộng	2.885.551	100	3.956.242	100	1.550.288	100

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC riêng quý I năm 2021 của GELEX
 Tổng doanh thu năm 2019, 2020 của Công ty mẹ lần lượt là 2.885.551 triệu đồng và 3.956.242 triệu đồng. Năm 2020 doanh thu thuần tăng 447.439 triệu đồng tương ứng với tăng 17,73% so với năm 2019. Trong cơ cấu doanh thu, hoạt động bán hàng hóa chiếm tỷ trọng lớn nhất với tỷ trọng lên tới hơn 72% tổng doanh thu. Tổng doanh thu quý I năm 2021 của Công ty là 1.550,2 tỷ đồng trong đó, doanh thu thuần chiếm 90,47% tổng doanh thu. Quý I năm 2021, doanh thu về hoạt động tài chính đạt gần 148 tỷ đồng, chiếm 9,53% tổng doanh thu. Doanh thu từ hoạt động tài chính trong quý I năm 2021 đến chủ yếu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay (62,1 tỷ đồng), lãi kinh doanh chứng khoán (55,9 tỷ đồng) và cổ tức, lợi nhuận được chia (22,1 tỷ đồng).

Bảng 18: Cơ cấu doanh thu Công ty hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Sản phẩm dịch vụ	2019		2020		Quý I/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần	15.314.986	97,82	17.948.713	96,26	4.413.115	95,52
Doanh thu từ hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	12.792.741	81,71	16.235.299	87,07	4.162.902	90,11

Sản phẩm dịch vụ	2019		2020		Quý I/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	1.638.316	10,46	759.266	4,07	-	-
Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh mảng năng lượng	712.348	4,55	897.790	4,82	230.275	4,98
Doanh thu cho thuê văn phòng và kinh doanh dịch vụ khách sạn	-	-	-	-	19.299	0,42
Doanh thu khác	297.015	1,90	193.908	1,04	639	0,01
Các khoản giảm trừ doanh thu	(125.434)	(0,80)	(137.550)	(0,74)	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	340.996	2,18	697.422	3,74	206.999	4,48
Tổng cộng	15.655.982	100	18.646.135	100	4.620.114	100

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC quý I năm 2021 của GELEX

Tổng doanh thu thuần và doanh thu tài chính hợp nhất năm 2019, 2020 của GELEX lần lượt là 15.655.982 triệu đồng và 18.646.135 triệu đồng. Năm 2020 doanh thu thuần đạt 17.948.713 triệu đồng tương ứng với mức tăng 17,20% so với năm 2019. Doanh thu thuần hợp nhất quý I năm 2021 của Tổng Công ty là 4.413,1 tỷ đồng tăng hơn 913 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020 tương ứng với mức tăng 26,1%. Đóng góp cho sự tăng trưởng tổng doanh thu hợp nhất của Gelex so với cùng kỳ chủ yếu đến từ lĩnh vực thiết bị điện với mức tăng 1.268 tỷ, tương đương với mức tăng hơn 40% so với quý 1 năm 2020.

Trong quý I năm 2021, doanh thu về sản xuất và kinh doanh thiết bị điện là lớn nhất, chiếm 90,11% tổng doanh thu thuần và doanh thu tài chính. Doanh thu từ hoạt động tài chính trong quý I năm 2021 cũng tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020 và đạt gần 207 tỷ đồng, chủ yếu đến từ lãi tiền gửi, lãi kinh doanh chứng khoán, chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm và lãi bán các khoản đầu tư và cổ tức, lợi nhuận được chia.

❖ Chi phí sản xuất

Bảng 19: Cơ cấu chi phí và tỷ lệ chi phí/tổng doanh thu thuần Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Quý I/2021	
		Giá trị	%/ Tổng Doanh thu	Giá trị	%/ Tổng Doanh thu	Giá trị	%/ Tổng Doanh thu
I	Tổng doanh thu	2.885.551	100	3.956.242	100	1.550.288	100
1	Doanh thu thuần	2.524.184	87,48	2.971.623	75,11	1.402.549	90,47
2	Doanh thu tài chính	361.367	12,52	984.619	24,89	147.739	9,53

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Quý I/2021	
		Giá trị	%/ Tổng Doanh thu	Giá trị	%/ Tổng Doanh thu	Giá trị	%/ Tổng Doanh thu
II	Chi phí	2.797.622	96,95	3.409.962	86,19	1.534.797	99,001
1	Giá vốn hàng bán	2.450.397	84,92	2.886.869	72,97	1.372.873	88,56
2	Chi phí tài chính	269.210	9,33	429.336	10,85	139.635	9,01
3	Chi phí bán hàng	3.362	0,12	7.619	0,19	485	0,03
4	Chi phí quản lý	74.653	2,59	86.138	2,18	21.804	1,41

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC quý I năm 2021 của GELEX

Năm 2020, tổng chi phí theo báo cáo tài chính riêng kiểm toán của Gelex đạt 3.410 tỷ đồng, tăng hơn 612 tỷ đồng tương ứng với mức tăng 21,89% so với năm 2019 và chiếm 86,19% tổng doanh thu thuần và doanh thu tài chính.

Trong cơ cấu chi phí, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất với giá trị đạt 2.887 tỷ đồng tăng gần 437 tỷ đồng so với năm 2019 và chiếm gần 73% tổng doanh thu thuần và doanh thu tài chính. Ngoài giá vốn hàng bán, chi phí tài chính cũng có sự tăng mạnh với hơn 160 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2020 đều tăng so với năm 2019, tuy nhiên giá trị của các chi phí này không lớn và chiếm tỷ trọng nhỏ so với tổng doanh thu thuần và doanh thu tài chính.

Quý I năm 2021, tổng chi phí của Gelex đạt 1.534,7 tỷ đồng và chiếm 99,001% tổng doanh thu thuần và doanh thu tài chính. So với cùng kỳ năm 2020, tỷ lệ tổng chi phí/ tổng doanh thu của Gelex có sự tăng đột biến. Một phần đến từ chi phí tài chính trong quý 1 năm 2021 tăng cao trong khi doanh thu tài chính quý 1 năm 2021 chỉ bằng chưa đến 50% so với cùng kỳ.

Bảng 20: Cơ cấu chi phí và tỷ lệ chi phí/ tổng doanh thu thuần hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Quý I/2021	
		Giá trị	%/ Tổng Doanh thu	Giá trị	%/ Tổng Doanh thu	Giá trị	%/ Tổng Doanh thu
I	Tổng doanh thu	15.655.982	100	18.635.125	100	6.620.114	100
1	Doanh thu thuần	15.314.986	97,82	17.948.713	96,32	4.413.115	95,52
2	Doanh thu tài chính	340.996	2,18	697.422	3,68	206.999	4,48
II	Chi phí	14.635.480	93,48	17.550.291	94,18	4.416.713	95,60
1	Giá vốn hàng bán	12.576.003	80,33	15.320.182	82,21	3.897.860	84,37
2	Chi phí tài chính	838.373	5,35	1.120.040	6,01	304.792	6,60
3	Chi phí bán hàng	485.795	3,10	470.416	2,53	82.261	1,78
4	Chi phí quản lý	735.309	4,70	639.653	3,43	131.800	2,85

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC quý I năm 2021 của GELEX

Tổng chi phí theo báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2020 của Gelex đạt 17.550 tỷ đồng, tăng hơn 2.900 tỷ đồng tương ứng với mức tăng gần 20% so với năm 2019 và chiếm 94,18% tổng doanh thu thuần và doanh thu tài chính.

Trong cơ cấu chi phí, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất với giá trị đạt 15.320 tỷ đồng tăng gần 2.750 tỷ đồng so với năm 2019 và chiếm hơn 82% tổng doanh thu thuần và doanh thu tài chính. Ngoài giá vốn hàng bán, chi phí tài chính cũng có sự tăng mạnh với gần 300 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Các chi phí khác như chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm so với năm 2019, đặc biệt chi phí quản lý doanh nghiệp giảm gần 100 tỷ đồng, chứng tỏ việc kiểm soát chi phí của Tổng Công ty ngày càng hiệu quả hơn.

Tổng chi phí theo báo cáo tài chính hợp nhất quý I năm 2021 của Gelex đạt 4.416,7 tỷ đồng và chiếm 95,60% tổng doanh thu thuần và doanh thu tài chính. Tỷ lệ tổng chi phí/tổng doanh thu của GEX có xu hướng tăng so với năm 2019 và năm 2020.

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng chi phí của Tổng Công ty với giá trị đạt 3.897,8 tỷ đồng tăng 977 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020 và chiếm hơn 84% tổng doanh thu thuần và doanh thu tài chính.

10.2 Tài sản

Bảng 21: Tài sản cố định của Công ty mẹ tại 31/12/2019

DVT: VND

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	171.163.966.291	107.007.955.561	64.156.010.730
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	126.204.606.588	75.306.497.974	50.898.108.614
2	Máy móc, thiết bị	30.410.400.659	25.303.306.695	5.107.093.964
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.420.450.909	1.486.249.104	1.934.201.805
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	11.128.508.135	4.911.901.788	6.216.606.347
II	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
Tổng cộng		171.163.966.291	107.007.955.561	64.156.010.730

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2019 của GELEX

Bảng 22: Tài sản cố định của Công ty hợp nhất tại 31/12/2019

DVT: VND

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	9.427.614.613.239	3.759.467.380.856	5.668.147.232.383
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	4.657.451.706.517	1.643.882.074.643	3.013.569.631.874
2	Máy móc, thiết bị	3.675.129.703.150	1.398.127.620.958	2.277.002.082.192
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.051.708.193.401	691.086.391.392	360.621.802.009
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	43.325.010.171	26.371.293.863	16.953.716.308
II	Tài sản cố định vô hình	547.988.280.830	40.916.339.561	507.071.941.269
1	Quyền sử dụng đất	147.936.479.652	11.662.840.294	136.273.639.358

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
2	Quyền khai thác mặt nước	384.184.174.786	18.907.864.646	365.276.310.140
3	Phần mềm máy tính	15.867.626.392	10.345.634.621	5.521.991.771
Tổng cộng		9.975.602.894.069	3.800.383.720.417	6.175.219.173.652

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 của GELEX

Bảng 23: Tài sản cố định của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2020

ĐVT: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	155.293.026.390	107.486.130.115	47.806.896.275
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	116.792.158.574	76.590.340.605	40.201.817.969
2	Máy móc, thiết bị	29.401.074.318	25.582.431.697	3.818.642.621
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.296.720.000	1.275.955.560	1.020.764.440
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	6.803.073.498	4.037.402.253	2.765.671.245
II	Tài sản cố định vô hình	130.000.000	75.555.552	54.444.448
Tổng cộng		155.423.026.390	107.561.685.667	47.861.340.723

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2020 của GELEX

Bảng 24: Tài sản cố định của Công ty hợp nhất tại ngày 31/12/2020

ĐVT: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	9.176.944.183.457	3.776.476.453.966	5.400.467.729.491
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	4.484.907.389.859	1.772.127.262.091	2.712.780.127.768
2	Máy móc, thiết bị	4.436.280.801.385	1.855.293.683.494	2.580.987.117.891
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	218.988.287.660	124.191.611.873	94.796.675.787
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	36.767.704.553	24.863.896.508	11.903.808.045
II	Tài sản cố định vô hình	533.198.151.956	57.046.010.145	476.152.141.811
1	Quyền sử dụng đất	60.703.338.362	12.695.802.409	48.007.735.953
2	Quyền khai thác mặt nước	384.184.174.786	29.720.799.740	354.463.375.046
3	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền	40.321.778.266	504.022.227	39.817.756.039
4	Phần mềm máy tính	47.988.860.542	14.125.585.769	33.863.274.773
Tổng cộng		9.710.142.335.413	3.833.522.464.111	5.876.619.871.302

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 của GELEX

Bảng 25: Tài sản cố định của Công ty mẹ tại ngày 31/03/2021

ĐVT: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	127.325.117.466	80.424.207.110	46.900.910.356
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	88.772.622.377	49.081.548.519	39.691.073.858

2	Máy móc, thiết bị	29.401.074.318	25.684.649.584	3.716.424.734
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.296.720.000	1.371.652.227	925.067.773
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	6.854.700.771	4.286.356.780	2.568.343.991
II	Tài sản cố định vô hình	130.000.000	81.388.884	48.611.116
1	Phần mềm máy tính	130.000.000	81.388.884	48.611.116
Tổng cộng		127.455.117.466	80.505.595.994	46.949.521.472

Nguồn: BCTC riêng quý I/2021 của GELEX

Bảng 26: Tài sản cố định của Công ty hợp nhất tại ngày 31/03/2021

DVT: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	9.167.118.659.456	3.878.530.317.696	5.288.588.341.760
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	4.457.035.126.272	1.786.691.119.599	2.670.344.006.673
2	Máy móc, thiết bị	4.448.730.622.199	1.933.635.627.437	2.515.094.994.762
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	223.457.060.723	130.433.835.293	93.023.225.430
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	37.895.850.262	27.769.735.367	10.126.114.895
II	Tài sản cố định vô hình	533.360.151.956	62.684.703.162	470.675.448.794
1	Quyền sử dụng đất	60.703.338.362	12.950.551.308	47.752.787.054
2	Quyền khai thác mặt nước	384.184.174.786	32.379.718.206	351.804.456.580
3	Phần mềm máy tính	48.150.860.542	16.346.389.194	31.804.471.348
4	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền	40.321.778.266	1.008.044.454	39.313.733.812
Tổng cộng		9.700.478.811.412	3.941.215.020.858	5.759.263.790.554

Nguồn: BCTC hợp nhất quý I/2021 của GELEX

10.3 Thị trường hoạt động

Bảng 27: Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp theo thị trường

TT	Chỉ tiêu	2018	2019	2020
1	Doanh thu thuần	13.699.129.512.287	15.314.985.918.522	17.948.712.922.436
<i>a</i>	Doanh thu thuần nội địa	13.403.399.251.972	15.056.113.256.717	17.768.775.842.531
<i>b</i>	Doanh thu thuần xuất khẩu	295.730.260.315	258.872.661.805	179.937.079.905
2	Lợi nhuận gộp	2.215.686.089.998	2.738.983.158.226	2.627.189.865.989
<i>a</i>	Lợi nhuận gộp nội địa	2.161.688.611.007	2.688.977.652.677	2.604.988.482.791
<i>b</i>	Lợi nhuận gộp xuất khẩu	53.997.478.991	50.005.505.549	22.201.383.198

Nguồn: GELEX

Doanh thu và lợi nhuận gộp tại các thị trường nước ngoài chiếm tỷ trọng nhỏ trong doanh thu thuần và lợi nhuận gộp hợp nhất của Tổng Công ty. Năm 2020, doanh thu xuất khẩu không đang kể, chỉ chiếm hơn 1% doanh thu thuần hợp nhất của GELEX và giảm gần 80 tỷ đồng so với năm 2019. Nguyên nhân chính là do dịch bệnh bùng phát khiến cho hoạt động xuất nhập khẩu bị ảnh hưởng nặng nề.

Vì vậy, lợi nhuận gộp từ thị trường xuất khẩu năm 2020 cũng giảm mạnh so với năm 2019 với mức giảm gần 56% và chiếm chưa đến 1% lợi nhuận gộp hợp nhất của Tổng Công ty.

10.4 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

i. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

- Sản xuất công nghiệp của GELEX hiện đang là lĩnh vực đem lại nguồn doanh thu và lợi nhuận chính cho Tổng Công ty. Mặc dù năm 2020 gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh nhưng lĩnh vực sản xuất công nghiệp vẫn có sự tăng trưởng khá tốt.
- Doanh thu lĩnh vực sản xuất công nghiệp mà cụ thể là sản xuất các thiết bị ngành điện đạt hơn 16.072 tỷ đồng trong năm 2020 tăng gần 3.431 tỷ đồng so với năm 2019. Với chiến lược chủ yếu tập trung phát triển thị trường và gia tăng thị phần, Hệ thống GELEX đã bước đầu đạt được mục tiêu. Các công ty trong hệ thống như Cadivi, EMIC, CFT đều đạt được tăng trưởng tốt và vượt kế hoạch đề ra.
- Lợi nhuận trước thuế của lĩnh vực sản xuất các thiết bị điện trong năm 2020 đạt 843 tỷ đồng, chiếm 70,84% lợi nhuận trước thuế của cả tập đoàn.

ii. Lĩnh vực hạ tầng

- Mặc dù mới tham gia đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng, tuy nhiên lĩnh vực này cũng đã đem lại hiệu quả ban đầu cho GELEX. Các dự án trong năm 2020 đều vượt kế hoạch đề ra và có sự tăng trưởng tốt so với năm 2019, đặc biệt là các dự án điện.
- Doanh thu lĩnh vực hạ tầng của hệ thống GELEX trong năm 2020 đạt gần 996 tỷ đồng, tăng 1,33 lần so với năm 2019 và vượt kế hoạch đề ra. Đóng góp nhiều nhất trong doanh thu của lĩnh vực hạ tầng là Công ty cổ phần đầu tư nước sạch Sông Đà với 531,6 tỷ đồng doanh thu. Tiếp đó là Công ty Phú Thạnh Mỹ với dự án thủy điện Sông Bung 4A với 199,4 tỷ đồng, tăng 103% so với năm 2019. Lĩnh vực điện mặt trời cũng đóng góp hơn 143,7 tỷ đồng trong năm 2020 so với con số 79 tỷ đồng năm 2019.
- Hiệu quả đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng được thể hiện rõ nét qua số liệu lợi nhuận trước thuế. Lợi nhuận trước thuế của lĩnh vực hạ tầng năm 2020 đạt 195 tỷ đồng, tăng 532% so với năm 2019. Đóng góp nhiều nhất về lợi nhuận trước thuế là Công ty cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà với hơn 262,5 tỷ đồng lợi nhuận, tiếp đến là Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ với hơn 103,5 tỷ đồng lợi nhuận.

iii. Lĩnh vực khác

- Đầu tư và nắm giữ hơn 50% cổ phần của Tổng Công ty Viglacera – Công ty cổ phần được đánh giá là một khoản đầu tư hiệu quả của GELEX. Với việc nắm giữ số lượng cổ phần chi phối VGC đã giúp GELEX tham gia vào lĩnh vực bất động sản công nghiệp và vật liệu xây dựng một cách nhanh chóng, hiệu quả thông qua một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực này. Điều này đã rút ngắn được quá trình đầu tư và triển khai các lĩnh vực mới. Việc sở hữu một doanh nghiệp bất động sản công nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong xu hướng dịch chuyển sản xuất toàn cầu sẽ đem lại rất nhiều cơ hội cho Tổng Công ty.
- Trong năm 2020, GELEX đã thực hiện hợp nhất được hơn 132 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế từ Viglacera.

10.5 Các hợp đồng lớn

Bảng 28: Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Tên hợp đồng	Trị giá (Tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông của TCPH
1	HDNT 06-2021/GELEX-CFT	1.712,16	Năm 2021	Năm 2021	Nguyên vật liệu Đồng Cathodes	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty con gián tiếp
2	HDNT 02-2021/GELEX-CFT	730,8	Năm 2021	Năm 2021	Nguyên vật liệu Đồng Cathodes	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty con gián tiếp
3	22-2020/GELEX-CADDN/LS và 01/2020/HĐKT/G ELEX-CADIVI Đồng Nai	2.098,7	Năm 2020	Năm 2020	Nguyên vật liệu Đồng, cho thuê Cơ sở hạ tầng	Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Công ty con gián tiếp
4	HDNT 01-2020/GELEX-THIBIDI	530,9	Năm 2020	Năm 2020	Nguyên vật liệu Thép, dầu, Tôn...	Công ty Cổ phần Thiết Bị Điện	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Tổng Giám đốc
5	LSNC-GELEX OS/LT 2020-001	2.123,1	Năm 2020	Năm 2020	Nguyên vật liệu Đồng	LS-Nikko Copper Inc.	-
6	120-2018/GELEX-CADIVI/LS	709	Năm 2019	Năm 2019	Nguyên vật liệu đồng	CTCP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con gián tiếp
7	121-2018/GELEX-CADIVI/Glencore	306	Năm 2019	Năm 2019	Nguyên vật liệu Đồng	CTCP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con gián tiếp
8	90-2019	326	Năm 2019	Năm 2019	Nguyên vật liệu Đồng	CTCP Thiết bị điện Gelex	Công ty con
9	LSNC-GELEX OS/LT 2019-001	1254	Năm 2019	Năm 2019	Nguyên vật liệu Đồng	LS-Nikko Copper Inc.	-
10	103-19-10315-S	514	Năm 2019	Năm 2019	Nguyên vật liệu Đồng	Glencore International IAG	-

Nguồn: Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

10.6 Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 29: Khách hàng và nhà cung cấp lớn của GELEX

TT	Tên khách hàng, nhà cung cấp	Giá trị giao dịch/doanh số mua hàng (tỷ đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông của TCPH
1	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	1.712,16	Năm 2021	Bán nguyên vật liệu, cung cấp dịch vụ	Công ty con gián tiếp
2	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	730,8	Năm 2021	Bán nguyên vật liệu, cung cấp dịch vụ	Công ty con gián tiếp
3	Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	2.098,7	Năm 2020	Bán nguyên vật liệu, cung cấp dịch vụ	Công ty con gián tiếp
4	Công ty Cổ phần Thiết Bị Điện	530,9	Năm 2020	Bán Nguyên vật liệu	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Tổng Giám đốc
5	LS-Nikko Copper Inc.	2.123,1	Năm 2020	Mua NVL	-
6	SOFIA MED	205,4	Năm 2020	Mua NVL	-
7	Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex	450,6	Năm 2019	Bán nguyên vật liệu, cung cấp dịch vụ	Công ty con
8	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	49,7	Năm 2019	Bán nguyên vật liệu, cung cấp dịch vụ	Công ty con gián tiếp
9	Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện EMIC	37,1	Năm 2019	Bán nguyên vật liệu, cung cấp dịch vụ	Công ty con gián tiếp

10.7 Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

a. Vị thế của Công ty trong ngành

i. Lĩnh vực Sản xuất công nghiệp

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam là một trong những nhà sản xuất kinh doanh thiết bị điện hàng đầu của ngành thiết bị điện Việt Nam, trong đó nổi bật là các ngành sản xuất kinh doanh dây cáp điện, máy biến áp phân phối, thiết bị đo điện trung hạ thế, động cơ điện, máy phát điện, thiết bị đóng cắt,... với những thương hiệu nhiều năm liền là thương hiệu quốc gia và có uy tín trên thị trường trong nước cũng như khu vực như: CADIVI, GELEX-EMIC, THIBIDI, HEM, MEE, EEMC,...

GELEX và các Công ty con đang sở hữu 50,21% vốn điều lệ của Tổng Công ty Viglacera – Công ty cổ phần (VGC). Đây cũng là doanh nghiệp hàng đầu về vật liệu xây dựng, trong đó sản phẩm chủ yếu là gạch, sứ, sen vòi và kính xây dựng.

❖ Dây và cáp điện

CADIVI được thành lập từ những ngày đầu của năm 1975, trải qua nhiều giai đoạn phát triển với rất nhiều thách thức và nỗ lực, CADIVI đã vươn lên trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất các loại dây và cáp điện.

Sản phẩm dây cáp điện của CADIVI đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) cũng như các tiêu chuẩn quốc tế như IEC, ASTM, UL, JIS, AS, BS, DIN... Đó là sự hội tụ của ba yếu tố cơ bản: Dẫn điện tốt; cách điện an toàn và tiết kiệm điện. Nhờ vào chất lượng tốt kết hợp quy mô sản xuất lớn cộng với giá bán hợp lý, các sản phẩm của CADIVI ngày càng được thị trường cả trong và ngoài nước ưa chuộng, được khách hàng bình chọn là Hàng Việt Nam chất lượng cao trong nhiều năm liên tục; đoạt Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt, Thương hiệu nổi tiếng Quốc gia và hàng loạt giải thưởng khác. Đặc biệt, tháng 7 năm 2009, CADIVI đã vinh dự được nhận Giải nhất Chất lượng châu Á - Thái Bình Dương (IAPQA) ở cấp độ World Class dành cho doanh nghiệp sản xuất lớn. Đây là lần đầu tiên Việt Nam có một doanh nghiệp đạt giải nhất tại giải thưởng này. Điều đó cho thấy CADIVI đã nâng lên một tầm cao mới khẳng định thương hiệu Việt không chỉ tại thị trường nội địa mà còn vươn xa hơn, cạnh tranh được với thị trường thế giới. CADIVI không chỉ được lựa chọn bởi các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thay cho các sản phẩm ngoại nhập mà còn xuất khẩu vào các thị trường Mỹ, Campuchia, Lào, Myanmar, Indonesia và Brunei.

❖ **Máy biến áp**

THIBIDI là một trong những công ty sản xuất máy biến áp lớn nhất ở Việt Nam và nổi tiếng do chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Với kinh nghiệm quản lý, đội ngũ kỹ sư, chuyên viên giàu kinh nghiệm và lực lượng công nhân lành nghề, công ty không ngừng cải tiến sản phẩm nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng, đưa sản phẩm máy biến áp Việt Nam hội nhập với khu vực và quốc tế.

Công nghệ sản xuất máy biến áp của THIBIDI luôn đi đầu, điển hình là máy biến áp sử dụng lõi tole Amorphous, với những ưu thế so với các sản phẩm khác như:

- Giảm chi phí vận hành
- Giảm 70% tổn hao không tải
- Tiết kiệm điện năng
- Giảm lượng khí thải, thân thiện với môi trường

❖ **Động cơ điện**

Trải qua 60 năm nỗ lực và phát triển, đến nay HEM đã trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực thiết kế, chế tạo động cơ điện, máy phát điện, máy biến thế, tủ bảng điện, quạt công nghiệp và các thiết bị điện dân dụng, thiết bị kỹ thuật điện khác. Đồng thời HEM hiện nay cũng sở hữu thương hiệu VIHEM. Thương hiệu VIHEM đã được khẳng định trên thị trường. Sản phẩm VIHEM cũng đã nhận nhiều giải thưởng và bằng khen tại các hội chợ, triển lãm Quốc tế hàng Công nghiệp, được Nhà nước chứng nhận “Sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu”. HEM và VIHEM là nhà cung cấp sản phẩm và dịch vụ uy tín của các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty như: Tập đoàn dầu khí Quốc gia Việt Nam, Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam, Tập đoàn điện lực Việt Nam, Tổng công ty thép Việt Nam, Tổng công ty xi măng Việt Nam, Tổng công ty hóa chất Việt Nam, Tổng Công ty dệt may, ... và các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Bên cạnh đó sản phẩm và dịch vụ của HEM và VIHEM luôn đồng hành cùng các dây chuyền sản xuất vừa và nhỏ như: sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản, làng nghề truyền thống, các hộ gia đình.

❖ **Thiết bị đo điện**

Sản phẩm thiết bị đo điện thương hiệu GELEX- EMIC được chế tạo bởi đội ngũ công nhân tay nghề cao, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thiết bị điện. Các sản phẩm công tơ điện 1 pha, 3 pha loại cơ của EMIC đã nổi tiếng trên thị trường với hàng triệu công tơ được lắp đặt trên lưới điện Việt Nam.

Năm 2015, ngành hàng thiết bị đo điện bắt đầu chịu áp lực mạnh từ sự sụt giảm nghiêm trọng đơn hàng về các loại công tơ cơ do ngành điện bắt đầu chấm dứt việc sử dụng công tơ cơ trên lưới điện để chuyển sang công tơ điện tử thông minh. Bất kịp xu thế đó, GELEX EMIC đã tập trung phát triển các sản phẩm công tơ điện tử thông minh; và bước đầu thành công trong việc giới thiệu sản phẩm công tơ điện tử, chứng minh năng lực sản xuất cũng như năng lực cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

❖ **Vật liệu xây dựng**

Năm 2020, dựa trên kết quả nghiên cứu và đánh giá độc lập của Vietnam Report, Tổng Công ty Viglacera – Công ty cổ phần là doanh nghiệp đứng đầu trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam trong lĩnh vực vật liệu xây dựng. Điều này đã khẳng định ưu thế vượt trội của Viglacera trong cộng đồng doanh nghiệp vật liệu xây dựng tại Việt Nam về quy mô doanh thu năng lực sản xuất. Bên cạnh đó, Viglacera cũng đạt được nhiều các giải thưởng và thành tích như Huân chương lao động hạng nhất lần 2 năm 2019; Giải nhất Giải thưởng Chất lượng quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương GPEA 2019; Lần thứ 2 được vinh danh Giải vàng Chất lượng Quốc gia 2019, Lần thứ 11 liên tiếp được vinh danh Thương hiệu Mạnh 2019, Top 50 thương hiệu có giá trị nhất Việt Nam 2019 (Brand Finance) và vừa qua, tháng 11/2020, VGC được nhận giải thưởng Thương Hiệu Quốc Gia giai đoạn 2020 – 2022 do Bộ trưởng Bộ Công Thương trao tặng. Các sản phẩm vật liệu xây dựng của Viglacera như thiết bị vệ sinh, gạch, ngói, gạch ốp lát hay kính xây dựng đều đáp ứng được yêu cầu của thị trường và người tiêu dùng.

ii. Lĩnh vực hạ tầng

Mới tham gia vào lĩnh vực hạ tầng nhưng Gelex đã đạt được những kết quả tích cực. Các dự án điện mặt trời và sắp tới là các dự án điện gió đi vào hoạt động sẽ khẳng định vị thế của GELEX trong lĩnh vực năng lượng tái tạo. Mặc dù hiện tại các dự án điện chưa chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của Tổng Công ty nhưng khi các dự án năng lượng đi vào vận hành sẽ đem lại hiệu quả bền vững và ổn định cho GELEX.

Hiện nay, cùng với việc triển khai giai đoạn 2, hệ thống nước sạch Sông Đà là một trong những nguồn cung cấp nước lớn và quan trọng của Thủ đô Hà Nội, góp phần cung cấp nguồn nước sạch đầy đủ, chất lượng tốt cho khu vực phía tây thành phố.

Việc sở hữu chi phối Viglacera cũng sẽ đưa GELEX trở thành một trong những hệ thống kinh doanh bất động sản công nghiệp lớn nhất cả nước. Việc sở hữu 12 khu công nghiệp với hơn 4.200 ha đất đã khẳng định được vị thế hàng đầu của thương hiệu Viglacera trong lĩnh vực bất động sản công nghiệp.

b. Triển vọng phát triển ngành

i. Lĩnh vực công nghiệp

Ngành sản xuất thiết bị điện có tiềm năng phát triển tốt, đặc biệt là vấn đề tiêu thụ sản phẩm cả trong và ngoài nước.

Với thị trường trong nước, theo kế hoạch phát triển ngành sản xuất thiết bị điện đã được Chính phủ phê duyệt, giai đoạn 2015 – 2025 ngành thiết bị điện sẽ phải phát triển để đáp ứng 70% nhu cầu trong nước về thiết bị đường dây, trạm biến áp, 55% về động cơ điện, một số chủng loại máy phát điện thông thường và năm 2025 có thể sản xuất, cung ứng trọn bộ thiết bị điện cho các công trình đường dây điện, trạm biến áp, 50-60% nhu cầu máy biến thế 110-220KV và đáp ứng 60 – 70% nhu cầu trong nước các loại công tơ điện, khí cụ điện và các hệ thống ghi đếm – giám sát an toàn lưới điện, trọn bộ thiết bị trạm điện và xuất khẩu đạt 19-20% giá trị sản xuất, tập trung sản xuất các loại dây – cáp điện chất lượng cao với kim ngạch xuất khẩu tăng 35,5%/năm...

Đối với thị trường xuất khẩu, bên cạnh các thị trường truyền thống, ngành sản xuất thiết bị điện cũng có tiềm năng lớn ở các thị trường lân cận là Lào và Campuchia. Với hai thị trường này, Việt Nam đã đạt được những cam kết dưới hình thức bản ghi nhớ, hiệp định hợp tác đầu tư phát triển lĩnh vực điện.

Năm 2020 mặc dù thị trường gặp nhiều khó khăn nhưng ngành vật liệu xây dựng vẫn có những bước phát triển tích cực như gạch ốp lát đạt 575 triệu mét vuông; sứ vệ sinh đạt 19 triệu sản phẩm; kính xây dựng đạt 280 triệu mét vuông; gạch xây nung, gạch không nung 30 tỷ viên; Nếu quy đổi sang giá trị kinh tế, các sản phẩm VLXD tiêu thụ ước tính phải đạt hơn 22 tỷ USD trong năm 2020, tương đương mức đóng góp khoảng 6,5 đến 7% vào quy mô nền kinh tế của đất nước.

Là một đất nước đang phát triển với tốc độ tăng trưởng cao, quá trình đô thị hóa diễn ra rộng khắp và là điểm đến của các doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài, thị trường bất động sản được dự báo sẽ tiếp tục phát triển mạnh trong giai đoạn sắp tới.

Đến năm 2030, dự báo sản lượng một số chủng loại VLXD chủ yếu ước đạt như sau: gạch ốp lát 670 - 690 triệu m² (xuất khẩu 130 - 140 triệu mét vuông), sứ vệ sinh 37 - 43 triệu sản phẩm (xuất khẩu 7 - 8 triệu sản phẩm), kính xây dựng giữ ổn định 210 - 250 triệu mét vuông (xuất khẩu 10 - 20 triệu mét vuông), gạch xây đất sét nung giảm xuống 22 - 25 tỷ viên quy tiêu chuẩn, vật liệu xây không nung tăng lên 16 - 20 tỷ viên quy tiêu chuẩn, bê tông 250 - 270 triệu mét khối các loại. Điều này cho thấy ngành vật liệu xây dựng Việt Nam có nhiều tiềm năng để phát triển.

ii. Lĩnh vực hạ tầng

Nước sạch và điện là hai nguồn năng lượng thiết yếu đối với hoạt động sản xuất cũng như sinh hoạt của người dân. Khi nền kinh tế phát triển thì nhu cầu đối với hai mặt hàng này ngày càng cao.

Theo báo cáo của Bộ Y tế, tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch mới đạt khoảng 80% và tỷ lệ này ở nông thôn là 42%. Tại đô thị, lượng nước sử dụng trung bình chỉ đạt 80 – 90 lít/người/ngày đêm, trong khi con số này ở các nước phát triển khoảng 250 – 300 lít. Tình trạng thiếu nước sạch hàng năm ảnh hưởng tới ít nhất 1 triệu người Việt Nam. Vì vậy việc đầu tư vào ngành nước và xã hội hóa ngành nước ở Việt Nam hiện nay rất bức thiết.

Trong vòng 10 năm qua, tiêu thụ điện tại Việt Nam ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ. Sản lượng điện thương phẩm năm 2018 đạt 192,36 tỷ kWh, gấp 2 lần so với năm 2010. Nhu cầu tiêu thụ điện hàng năm của Việt Nam tăng trưởng ở mức trên 10%/năm. Sự tăng trưởng điện mạnh mẽ này đến từ lĩnh vực công nghiệp và xây dựng khi nền kinh tế phát triển theo hướng

công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Việc nhu cầu điện tăng cao khiến cho ngành điện Việt Nam luôn phải căng sức bổ sung thêm nguồn cung mới đảm bảo được an ninh năng lượng. Mặc dù công suất lắp đặt điện của Việt Nam tăng mạnh trong những năm gần đây khiến cho công suất phụ tải đỉnh/ công suất đặt giảm dần nhưng tình trạng thiếu điện vẫn còn tiếp tục diễn ra. Hàng năm Việt Nam vẫn còn phải nhập khẩu điện từ Lào và Trung Quốc để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện trong mùa khô.

Theo quy hoạch điện VII điều chỉnh, sản lượng điện thương phẩm của Việt Nam ước tính đạt khoảng 235 – 245 kWh vào năm 2020, khoảng 352 – 379 kWh vào năm 2025 và tăng mạnh vào năm 2030, khoảng 506 – 559 kWh. Tốc độ tăng trưởng tiêu thụ điện ước tính giai đoạn 2020 – 2025 là 8,4% và giai đoạn 2025 – 2030 là 7,5%. Từ năm 2021 sẽ diễn ra tình trạng thiếu hụt điện nghiêm trọng (2021 là 3,7 tỷ kWh, 2022 là 10 tỷ kWh, 2023 là 12 tỷ kWh)

Hiện nay, xu hướng dịch chuyển sản xuất khỏi Trung Quốc vì chi phí lao động tăng và ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã và đang diễn ra. Sức ép từ đại dịch đã đẩy nhanh hơn quá trình này khi các quốc gia và nhiều tập đoàn toàn cầu lo ngại sự phụ thuộc thái quá vào một quốc gia cụ thể về nguồn cung sẽ mang lại hậu quả lớn, nhất là thiết bị y tế, công nghệ và các ngành sản xuất công nghiệp nặng. Trong khi đó, với lợi thế về chi phí nhân công rẻ, tình hình chính trị, xã hội ổn định cùng với việc Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do trong thời gian qua sẽ là cơ sở để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đến Việt Nam. Một số tập đoàn lớn đã lên kế hoạch chuyển một phần dây chuyền sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam như Microsoft, Google, Panasonic, Sharp, Foxconn...khẳng định triển vọng phát triển rất lớn trong lĩnh vực bất động sản công nghiệp tại Việt Nam.

c. **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới**

Với chiến lược phát triển thành công ty holdings - đầu tư vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp và hạ tầng, GELEX đã nâng tầm thương hiệu doanh nghiệp không chỉ là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực thiết bị điện mà còn tham vọng trở thành công ty sở hữu nhiều thương hiệu lớn, uy tín trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và hạ tầng tại Việt Nam.

i. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

Với định hướng phát triển, bám sát mục tiêu phát triển các ngành kinh tế quốc dân, đặc biệt ngành năng lượng, dựa trên lợi thế hiện có của Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam để đưa Tổng Công ty trở thành một trong những nhà sản xuất kinh doanh thiết bị điện hàng đầu Việt Nam và khu vực, GELEX và các công ty thành viên tập trung đầu tư mở rộng sản xuất để phát triển thiết bị đo điện phục vụ Dự án lưới điện thông minh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang tiếp tục triển khai, tập trung đầu tư công nghệ, thiết bị công nghệ nhằm sản xuất các sản phẩm tiết kiệm năng lượng như máy biến áp siêu giảm tổn thất, động cơ điện hiệu suất cao... gắn với chương trình tiết kiệm năng lượng quốc gia và bảo vệ môi trường, tập trung đầu tư phát triển thủy điện, năng lượng tái tạo như điện gió, năng lượng mặt trời, lĩnh vực sản xuất và cung cấp nước sạch.

Năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc tiếp cận và ứng dụng nhanh nhất các thành tựu khoa học, công nghệ, quản lý nhất trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

Việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất sẽ là chìa khóa để ngành Vật liệu xây dựng đạt được những mục tiêu quan trọng trong Chiến lược phát triển thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050.

Mục tiêu là phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng đạt trình độ tiên tiến, hiện đại; sản xuất được các sản phẩm có chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, có năng lực cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước. Hiện nay, các doanh nghiệp như lớn như Viglacera, Eurowindow, Hòa Phát... đều rất tích cực trong việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ vào sản xuất để cho ra đời các sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu của thị trường

Có thể thấy định hướng của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển của ngành, của nền kinh tế và đáp ứng được các yêu cầu định hướng phát triển trong chính sách của Nhà nước về tiết kiệm năng lượng quốc gia, môi trường...

ii. Lĩnh vực hạ tầng

Nước sạch và điện là hai nguồn năng lượng thiết yếu đối với hoạt động sản xuất cũng như sinh hoạt của người dân. Khi nền kinh tế phát triển thì nhu cầu đối với hai mặt hàng này ngày càng cao.

Là một đất nước đang phát triển mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm từ 6 – 7%, Việt Nam đang là điểm đến của các tập đoàn kinh tế hàng đầu thế giới. Việc thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư cùng với quy mô dân số lớn cũng đặt ra áp lực về việc cung cấp nước sạch và yêu cầu về điện cho sự phát triển kinh tế.

Định hướng của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam trong việc đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng (điện và sản xuất, phân phối nước sạch) được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển của ngành, của nền kinh tế và đáp ứng được các yêu cầu định hướng phát triển trong chính sách của Nhà nước. Các dự án của Tổng Công ty sẽ được tính toán phát triển phù hợp với quy hoạch của nhà nước và nhu cầu của thị trường, để đảm bảo mang lại lợi ích tối đa cho khách hàng cũng như cho các cổ đông của Tổng Công ty.

Bên cạnh đó, cùng với xu hướng dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc, chính trị ổn định, nguồn lao động dồi dào, tình hình dịch bệnh được kiểm soát một cách chặt chẽ, hạ tầng giao thông ngày càng phát triển, Việt Nam đang trở thành điểm đến ưa thích của các nhà đầu tư và các doanh nghiệp quốc tế. Điều đó đã tạo ra những cơn sốt về mặt bằng khu công nghiệp, nhu cầu về nhà xưởng và bất động sản tăng cao. Theo đánh giá của các tổ chức quốc tế uy tín, xu hướng dịch chuyển này sẽ kéo dài trong vòng 5 năm tới. Do vậy, việc chuyển hướng phát triển bất động sản khu công nghiệp trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và cần thiết.

Bên cạnh đó, việc thu hút được nhiều nhà đầu tư và doanh nghiệp quốc tế cũng khiến cho nhu cầu về bất động sản văn phòng và khách sạn tăng cao, đặc biệt là ở những thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh. Chính vì vậy, việc sở hữu các dự án đắc địa ở các thành phố lớn là một trong những lợi thế rất lớn đối với các doanh nghiệp trong việc triển khai các hoạt động kinh doanh này.

10.8 Hoạt động Marketing

Tổng Công ty tập trung xây dựng thương hiệu GELEX trở thành một thương hiệu của một Tập đoàn kinh tế mạnh, xây dựng và phát triển hình ảnh, thương hiệu mạnh cho mỗi nhóm sản

phẩm chủ lực của Tổng Công ty theo hướng chọn lọc, phát triển có trọng tâm, không dàn trải, cụ thể:

i. Lĩnh vực công nghiệp

- Đối với ngành hàng dây và cáp điện: CADIVI đã và đang dần khẳng định vị thế là một trong những doanh nghiệp sản xuất dây cáp điện hàng đầu Việt Nam. Đối với thị trường nội địa, ngoài thị trường trọng điểm là Miền Nam, CADIVI đang đẩy mạnh triển khai mở rộng thị trường Miền Trung, Miền Bắc và Tây Nguyên. Đối với thị trường xuất khẩu, hiện tại CADIVI đang đẩy mạnh hoạt động bán hàng sang thị trường Mỹ, Campuchia, Myanmar, xúc tiến tiếp cận thị trường Úc và Nhật Bản. CADIVI đã xây dựng được hệ thống phân phối hơn 200 đại lý trải rộng khắp trên toàn quốc.
- Đối với ngành hàng máy biến áp: THIBIDI tăng cường củng cố và ổn định thị trường truyền thống là khu vực thị trường Miền Nam và Miền Trung, đẩy mạnh phát triển thị trường Miền Bắc. Đối với thị trường xuất khẩu, THIBIDI đẩy mạnh công tác xuất khẩu sang thị trường Campuchia, tiếp cận thị trường Lào, Myanmar.
- Đối với ngành hàng động cơ điện: HEM vẫn củng cố và ổn định thị trường truyền thống là khu vực phía Bắc, công ty tiếp tục mở rộng hệ thống phân phối để phát triển thị trường tiêu thụ trên phạm vi toàn quốc.
- Đối với ngành hàng thiết bị đo điện: Khách hàng chủ lực của ngành hàng thiết bị đo điện là Tập đoàn Điện lực Việt Nam. GELEX EMIC luôn bám sát các kế hoạch đầu tư, đấu thầu mua sắm của EVN và các đơn vị thành viên.
- Đối với ngành vật liệu xây dựng: Tổng Công ty Viglacera luôn tích cực tham gia vào các Triển lãm về vật liệu xây dựng, đẩy mạnh hoạt động giới thiệu sản phẩm thông qua các văn phòng, chi nhánh và hệ thống bán hàng tại khắp các tỉnh thành trong nước cũng như một số nước trong khu vực. Từng bước tiến tới việc đưa được các bộ sản phẩm đồng bộ vào các dự án trọng điểm quốc gia và các dự án lớn của nhà đầu tư trong nước cũng như các nhà đầu tư FDI tại Việt Nam. Đẩy mạnh tổ chức các hoạt động tư vấn, quan hệ khách hàng sau bán hàng nhằm gắn kết mối quan hệ với khách hàng, đại lý và đưa hình ảnh Viglacera đến người tiêu dùng rộng rãi hơn.

ii. Lĩnh vực Hạ tầng

- Đặc thù sản phẩm của các công ty thành viên của GELEX trong lĩnh vực hạ tầng (điện) là cung cấp cho một người mua độc quyền duy nhất – EVN; do đó, các công ty thành viên tích cực phối hợp và hợp tác với EVN để thực hiện ký kết các hợp đồng bán điện, giải tỏa công suất đối với các dự án điện, đảm bảo phù hợp với tiến độ và các hiệu quả đặt ra.
- Đối với hoạt động đầu tư và cung cấp nước sạch, mặc dù không mất các chi phí marketing trong lĩnh vực này nhưng GELEX vẫn luôn cố gắng đảm bảo chất lượng và hoạt động cung cấp cho người dân được tốt nhất.
- Hoạt động marketing của dịch vụ cho thuê văn phòng nói riêng và bất động sản nói chung được triển khai định kỳ nhằm quảng bá về chất lượng của dịch vụ tới các khách hàng hiện tại. Cùng với việc hợp tác với các đối tác lớn trong lĩnh vực bất động sản, việc khai thác các bất động sản thương mại của GELEX luôn có hiệu suất cao. Tỷ lệ lấp đầy các tòa nhà văn phòng của GELEX luôn ở mức 85 – 95%. Đây là một mức khá cao trong thời điểm hiện tại. Ngoài ra, Công ty cũng xác định chất lượng dịch vụ là phương án marketing và

giữ chân khách hàng tốt nhất tốt nhất tiếp. Do vậy, chất lượng dịch vụ luôn được GELEX đặt lên hàng đầu để nhằm tối ưu chi phí và tăng cường hiệu quả kinh doanh.

- Cùng với xu hướng dịch chuyên sản xuất từ Trung Quốc sang các nước khác, Việt Nam là một trong những điểm đến được nhiều các tập đoàn và nhà đầu tư lựa chọn. Thương hiệu Viglacera đã được xây dựng và khẳng định trong nhiều năm trong lĩnh vực bất động sản công nghiệp là một trong những lợi thế thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, VIGLACERA cũng tích cực tham gia các hội thảo đầu tư, xúc tiến thương mại để tiếp cận các nhà đầu tư tiềm năng.

10.9 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

- Biểu tượng logo của Tổng Công ty:



Theo giấy đăng ký nhãn hiệu số 194123 ngày 18/10/2012 do Cục Sở hữu trí tuệ cấp

- Website của Tổng Công ty: www.gelex.vn
- Nhãn hiệu thương mại GELEX gắn liền với những sản phẩm của Tổng công ty.
- Tính cách thương hiệu
 - Uy tín: Cam kết làm những gì mình nói và nói những gì mình làm. Đối với Gelex, uy tín là tài sản vô giá và bất khả xâm phạm. Đây là tôn chỉ làm nên thành công của người Gelex và thương hiệu Gelex cho đến ngày hôm nay.
 - Chất lượng: Đặt chất lượng sản phẩm là ưu tiên hàng đầu, không ngừng nâng cao hiệu quả công việc, luôn tìm cách đáp ứng tốt nhất yêu cầu khách hàng với thời gian và chi phí thấp nhất.
 - Sáng tạo: Sáng tạo là tiêu chí giúp Gelex khác biệt trên thị trường. Luôn luôn cải tiến, tiên phong tìm ra những hướng đi mới và chủ động tạo ra những đột phá mới mẻ mang dấu ấn của riêng mình.

10.10 Chính sách nghiên cứu và phát triển giai đoạn 2019 - 2020 và thời điểm hiện tại

❖ Năm 2019

i. Lĩnh vực công nghiệp

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu công nghệ và sản phẩm mới,
- Áp dụng phần mềm BFO trong việc quản lý chất lượng vật tư đầu vào và áp dụng các chứng nhận sản phẩm: Chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy; Chứng nhận CE; Chứng nhận PSE; Chứng nhận SAA trong việc sản xuất các thiết bị điện.

ii. Lĩnh vực hạ tầng

- Đầu tư vào lĩnh vực sản xuất điện theo chủ trương đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty thông qua, tập trung vào năng lượng tái tạo như điện gió, năng lượng mặt trời.
- Đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, cung cấp nước sạch cho sản xuất và tiêu dùng, cùng với điện năng, đây là lĩnh vực có nhu cầu tiêu thụ ngày càng cao trong quá trình phát triển kinh tế của đất nước.

❖ **Năm 2020**

i. Lĩnh vực công nghiệp

- Thúc đẩy hợp tác với các đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc, EU để chuyển giao công nghệ, bản quyền sản phẩm hướng tới tạo gia các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, chủng loại đa dạng, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.
- Tăng cường đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, đa dạng mẫu mã, chủng loại, nâng cao chất lượng sản phẩm các loại vật liệu xây dựng. Đầu tư các dây chuyền sản xuất có công nghệ tiên tiến, hiện đại, đồng bộ, có mức tự động hóa cao, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về môi trường.

ii. Lĩnh vực hạ tầng

- Nghiên cứu, đánh giá và tìm kiếm các vị trí thuận lợi về cơ sở hạ tầng, giao thông, nguồn lao động... để đầu tư, phát triển các khu công nghiệp quy mô lớn, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường để đón làn sóng dịch chuyển sản xuất của các nhà đầu tư nước ngoài.
- Tập trung khai thác các vị trí bất động sản thuận lợi có sẵn của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

❖ **Năm 2021**

i. Lĩnh vực công nghiệp

- Từng bước tiến hành xây dựng mạng lưới phân phối sản phẩm tại nước ngoài để chủ động điều phối hàng hóa tại các thị trường lớn. Xây dựng mối quan hệ liên kết, hợp tác kinh doanh với nhà phân phối lớn, các hệ thống phân phối đại chúng ở mỗi thị trường.
- Tập trung và đẩy mạnh liên doanh, liên kết với doanh nghiệp hỗ trợ, từng bước hình thành các cụm liên kết ngành.
- Chú trọng đổi mới và hiện đại hóa công nghệ để tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Có lộ trình đổi mới, hiện đại hóa công nghệ để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng tốt đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người tiêu dùng.
- Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Hệ thống này sẽ giúp Tổng Công ty nâng cao năng lực quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

ii. Lĩnh vực hạ tầng

- Thực hiện các giải pháp mạnh mẽ, đồng bộ về thu hút đầu tư. Đồng thời tiếp tục triển khai các chính sách nghiên cứu và phát triển lĩnh vực hạ tầng trong 2 năm 2019 và 2020.

❖ **Ảnh hưởng của chính sách nghiên cứu phát triển đến Công ty**

- Chính sách nghiên cứu và phát triển của Công ty luôn phù hợp với chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới. Với chiến lược phát triển này, GELEX đã nâng tầm thương hiệu doanh nghiệp không chỉ là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực thiết bị điện mà còn trở thành công ty mẹ nắm giữ hàng loạt các công ty con hàng đầu trong những lĩnh vực mà GELEX tham gia.
- Trong lĩnh vực thiết bị điện, nhờ việc đầu tư vào việc đổi mới công nghệ, đầu tư dây chuyền hiện đại, tiên tiến, các sản phẩm của GELEX luôn nhận được sự tin tưởng, ủng hộ lớn của người tiêu dùng, đối tác cũng như các nhà đầu tư. Thị phần được giữ vững, quan hệ với các đối tác cũng được duy trì. Ngoài ra, các sản phẩm của GELEX có thể cung cấp trong lĩnh vực thiết bị điện ngày càng phong phú và có thể đáp ứng được nhu cầu đa dạng của

khách hàng.

- Trong lĩnh vực hạ tầng, GELEX luôn chú trọng nghiên cứu, đánh giá các thuận lợi và khó khăn, đồng thời xem xét các yếu tố bất lợi nên mảng kinh doanh sản xuất, cung cấp nước sạch cũng như mảng kinh doanh bất động sản khu công nghiệp có tiềm năng tăng trưởng lớn.

10.11 Chiến lược kinh doanh

❖ Đối với Công ty mẹ - GELEX

- Công ty mẹ GELEX là công ty quản lý vốn (holding) tư nhân chuẩn mực, uy tín, quản lý vốn hiệu quả của 2 nhóm ngành kinh doanh chính.
- Tìm kiếm và thực hiện các thương vụ đầu tư chiến lược của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên trong hệ thống.
- Sắp xếp các subholding, các đơn vị thành viên hợp lý, đảm bảo hiệu quả tối đa trong quản lý, điều hành của Tổng Công ty.

❖ Đối với lĩnh vực sản xuất công nghiệp

- Tập trung phát triển sản xuất công nghiệp trong đó bao gồm các lĩnh vực chủ chốt là sản xuất Thiết bị điện và Vật liệu xây dựng.
- Cụ thể đối với lĩnh vực sản xuất thiết bị điện
 - Tối ưu hoá sản xuất, đầu tư phát triển sản xuất để hướng tới cung cấp đầy đủ bộ sản phẩm trong chuỗi giá trị ngành điện đồng thời tăng cường mở rộng thị phần, giữ vững là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực thiết bị điện của Việt Nam;
 - Nghiên cứu phát triển các giá trị cộng hưởng giữa thiết bị điện và vật liệu xây dựng như trong vấn đề phân phối, bán lẻ thiết bị điện, cáp điện và vật liệu xây dựng cho toàn bộ mảng sản xuất công nghiệp;
- Đối với lĩnh vực vật liệu xây dựng
 - Hoàn thiện tái cơ cấu và tối ưu hoá sắp xếp các đơn vị trong lĩnh vực.
 - Tiếp tục nâng cao trình độ quản lý theo mô hình quản lý công nghiệp hiện đại, tận dụng triệt để lợi thế quy mô, mở rộng thị phần.
 - Phát triển R&D, các sản phẩm mới hàm lượng công nghệ cao, tăng cường chuyển giao công nghệ từ các đối tác hàng đầu.

❖ Đối với lĩnh vực hạ tầng

- Các mục tiêu trọng tâm của nhóm nguồn phát điện
 - Tiếp tục đầu tư trong lĩnh vực năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời.
 - Nguồn phát điện: đưa vào vận hành tổng công suất 300MW năng lượng tái tạo trước tháng 11/2021, hoàn thiện thủ tục đầu tư 1.500MW năng lượng tái tạo.
 - Hướng tới mục tiêu kinh doanh điện cung cấp cho các Khu công nghiệp.
- Các định hướng và mục tiêu trọng tâm của nhóm nước sạch
 - Triển khai việc đầu tư giai đoạn 2, nâng công suất Nhà máy nước sạch Sông Đà lên 600.000m³/ngày đêm.
 - Tiếp tục chọn lọc mở rộng hoạt động kinh doanh nước sạch tại một số địa phương có

tiềm năng, cung cấp nước trong khu công nghiệp.

- Các định hướng, mục tiêu trọng tâm trong lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp và vật liệu xây dựng
 - GELEX sẽ đẩy mạnh lĩnh vực đầu tư phát triển Khu Công nghiệp thông qua Tổng Công ty VIGLACERA hoặc trực tiếp phát triển dự án nếu phù hợp và dịch vụ tiện ích xung quanh khu công nghiệp.
 - Việc phát triển lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp sẽ bao gồm cả hoạt động đầu tư nhà ở xã hội, nhà ở chuyên gia... nhằm tạo điều kiện ổn định cuộc sống cho người lao động, góp phần tăng sự hấp dẫn của các khu công nghiệp, đồng thời góp phần vào công tác an sinh xã hội. Cùng với đó, tại các khu vực lân cận khu công nghiệp, các dự án nhà ở giá rẻ, phù hợp và đáp ứng nhu cầu cao của người lao động địa phương cũng được nghiên cứu đầu tư, phát triển nhằm tận dụng tiềm năng của phân khúc thị trường này cũng như góp phần nâng cao đời sống cho người lao động địa phương.
 - Bất động sản khu công nghiệp: phát triển mở rộng quỹ đất khu công nghiệp, mục tiêu mở rộng gấp 1,5 – 2 lần diện tích cho thuê trong vòng 5 năm tới, đầu tư khu công nghiệp đặc dụng cận cảng.
 - Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại quỹ đất hiện tại mà GELEX đang quản lý. Triển khai dự án Trần Nguyễn Hãn, các dự án nhà ở xã hội, khu đô thị quanh khu công nghiệp.

10.12 Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh đối với lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Bảng 30: Các ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo đăng ký kinh doanh và chưa triển khai trên thực tế

Mã ngành	Tên ngành	Điều kiện kinh doanh	Đáp ứng
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Chi tiết: Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi</i>	1. Điều kiện hành nghề đối với chỉ huy trưởng công trường; 2. Điều kiện của tổ chức thi công xây dựng công trình; 3. Điều kiện năng lực của tổ chức thi công xây dựng công trình.	Trường hợp Gelex triển khai cung cấp dịch vụ thi công xây dựng công trình thực tế, Gelex cần đáp ứng đầy đủ các điều kiện của pháp luật.
4221	Xây dựng công trình điện <i>Chi tiết: Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220 KV</i>		
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;</i>	1. Điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch. 2. Điều kiện kinh doanh dịch vụ lữ hành	Khi triển khai kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch và kinh doanh dịch vụ lữ hành thực tế, Gelex cần đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật.

Bảng 31: Các ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo đăng ký kinh doanh và đang triển khai trên thực tế

Mã ngành	Tên ngành	Điều kiện kinh doanh	Đáp ứng
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;</i>	1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh bất động sản phải thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp hoặc hợp tác xã theo quy định của pháp luật về hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) và phải có vốn pháp định không được thấp hơn 20 tỷ đồng,	Gelex hiện tại đáp ứng điều kiện về thành lập doanh nghiệp và vốn pháp định để kinh doanh BĐS (Vốn điều lệ hiện tại của GELEX: 4.882,44 tỷ đồng).

11. Chính sách đối với người lao động

11.1 Số lượng lao động và cơ cấu lao động

- Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Tổng Công ty và các công ty con, vì vậy Tổng Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Đội ngũ nhân sự của GELEX trẻ, năng động, giàu lòng nhiệt huyết, có năng lực chuyên môn tốt.
- Tính đến thời điểm 31/12/2020, tổng số lao động trong Tổng Công ty là 101 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Bảng 32: Tình hình lao động trong Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2020

Phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ	101	100,00
Đại học và trên đại học	73	72,3
Cao đẳng, trung cấp	02	1,9
Công nhân, kỹ thuật, khác	26	25,8
Theo giới tính	101	100,00
Nữ	53	52,5
Nam	48	47,5

Nguồn: GELEX

11.2 Chính sách đối với người lao động (đào tạo, lương thưởng, trợ cấp)

- Tổng Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo nâng bậc, đào tạo sử dụng thiết bị mới cho công nhân trực tiếp sản xuất, nâng lương cho lao động gián tiếp, tổ chức đào tạo kỹ năng quản trị hiện đại cho cán bộ từ cấp phó phòng trở lên và một số nhân viên trẻ có năng lực phục vụ thiết thực cho công tác quản lý tại Tổng Công ty.
- Công tác tuyển dụng cũng được chú trọng, nâng cao chất lượng. Lao động được tuyển dụng đã hòa nhập nhanh và bước đầu có những đóng góp cho đơn vị.

- Chính sách đối với người lao động luôn tuân thủ theo Bộ luật lao động và các văn bản liên quan từ khâu tuyển dụng, ký hợp đồng lao động, chế độ làm việc, 08 giờ/ngày, chế độ nghỉ ngơi, thời gian nghỉ phép, lễ, nghỉ ốm, nghỉ thai sản...
- Việc chi trả tiền lương, tiền thưởng cho người lao động áp dụng theo đơn giá tiền lương và Quy chế trả lương của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã được HĐQT phê duyệt. Việc thanh toán tiền lương cho người lao động được thực hiện đầy đủ, không nợ lương người lao động.
- Về các chế độ với người lao động, Tổng Công ty thực hiện đầy đủ việc đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng cho người lao động. Tổng Công ty cũng chi trả đầy đủ cho công tác chữa bệnh nghề nghiệp, tổ chức đoàn an dưỡng, thường xuyên chăm lo công tác y tế, cấp phát thuốc cho CBCNV, trang bị bảo hộ lao động.

11.3 Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty:

Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Thiết Bị Điện Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 53/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 12/11/2020 để thực hiện bán 12.000.000 cổ phiếu quỹ của GELEX cho cán bộ nhân viên. Đợt phát hành đã được triển khai thực hiện theo công văn số 7211/UBCK – QLCB của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước ngày 08/12/2020 và đã hoàn thành đợt phát hành.

Quy chế bán cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) cụ thể như sau:

A. Mục đích

Chương trình bán cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn cho người lao động là chương trình được triển khai nhằm mục đích:

- Khuyến khích, nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của cán bộ chủ chốt, nhân viên giỏi để cùng phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, góp sức vào công cuộc phát triển của Hệ thống GELEX ngày một lớn mạnh và chia sẻ những thành công của Hệ thống GELEX.
- Thu hút, tạo sự gắn bó lâu dài những cán bộ chủ chốt tâm huyết, giàu năng lực, kinh nghiệm và nhân viên giỏi;
- Tạo động lực mạnh mẽ và gắn lợi ích của CBNV với các cổ đông;
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh cho GELEX.

B. Giải thích từ ngữ

- “GELEX” hoặc “Tổng Công ty” là Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam.
- “Hệ thống GELEX” trong phạm vi của Quy chế này được hiểu theo nghĩa hẹp bao gồm (a) GELEX và (b) một số công ty thành viên của GELEX.
- “CBNV” hoặc “Người lao động” là cán bộ nhân viên của Hệ thống GELEX đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham gia Chương trình ESOP theo quy định tại Quy chế này.
- “HĐQT” là Hội đồng Quản trị của GELEX
- “ESOP” hoặc “Chương trình ESOP” là chương trình bán cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
- “CPƯĐ” là cổ phiếu quỹ bán cho CBNV theo Chương trình ESOP này.
- “Ngày kết thúc đợt bán cổ phiếu quỹ theo Chương trình ESOP” là ngày hoàn tất việc thu

tiền mua CPUĐ.

- “Thành viên ESOP” là CBNV sở hữu CPUĐ.

C. Đối tượng và tiêu chuẩn tham gia Chương trình ESOP

Đối tượng được tham gia ESOP do HĐQT phê duyệt và phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Là người quản lý, cán bộ quản lý chủ chốt tại Hệ thống GELEX hoặc đội ngũ cán bộ được xem xét quy hoạch là cán bộ nguồn hoặc nhân sự chủ chốt được đào tạo và phát triển lâu dài với Hệ thống GELEX hoặc các đối tượng chủ chốt cần thu hút từ nơi khác về (không phân biệt loại hình, thời hạn Hợp đồng lao động).
- Có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Hệ thống GELEX hoặc đang/sẽ đảm đương các nhiệm vụ chủ chốt trong các lĩnh vực kinh doanh chiến lược của Tổng Công ty.
- Đang không trong giai đoạn thi hành các hình thức kỷ luật lao động hoặc xử lý vi phạm theo quy định nội bộ của Hệ thống GELEX và/hoặc các cơ quan có thẩm quyền.

D. Quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia Chương trình ESOP

- **Các CBNV tham gia ESOP sẽ được hưởng các quyền lợi sau:**
 - Được nhận mua cổ phiếu quỹ theo số lượng được xác định theo công thức quy định tại Quy chế này.
 - Trở thành Thành viên ESOP và được hưởng đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông theo quy định của Điều lệ GELEX và quy định pháp luật liên quan.
- **Các CBNV tham gia ESOP có các nghĩa vụ sau:**
 - Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin và tài liệu phục vụ cho việc triển khai Chương trình ESOP và chuyển quyền sở hữu CPUĐ qua Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.
 - Nộp tiền đầy đủ và đúng hạn theo quy định để mua cổ phiếu quỹ theo Chương trình ESOP.
 - Ký kết các mẫu biểu đề phong tỏa CPUĐ theo yêu cầu của GELEX, công ty chứng khoán phù hợp với quy định pháp luật.
 - Nộp thuế và tuân thủ các quy định về thuế điều chỉnh phần lợi nhuận thu được từ cổ tức, chuyển nhượng cổ phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành ở từng thời điểm áp dụng.
 - Thông báo cho GELEX ngay khi xảy ra một trong các trường hợp nêu tại Quy chế này.
 - Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.

E. Thông tin cổ phiếu bán cho CBNV theo Chương trình ESOP:

- **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ Phần Thiết Bị Điện Việt Nam,
- **Loại cổ phần:** Cổ phần phổ thông,
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần,
- **Tổng số lượng cổ phiếu quỹ dự kiến bán cho CBNV:** 12.000.000 cổ phiếu,
- **Giá bán:** cố định 12.000 đồng/cổ phiếu
- **Hạn chế chuyển nhượng:** hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 (ba) năm kể từ Ngày kết thúc đợt bán cổ phiếu quỹ theo Chương trình ESOP và giải tỏa dần theo lộ trình và tỷ lệ như sau:

- ✓ 20% số cổ phiếu CBNV được mua sẽ được giải tỏa sau 06 tháng
- ✓ 20% số cổ phiếu sẽ được giải tỏa sau 01 năm
- ✓ 20% số cổ phiếu sẽ được giải tỏa sau 02 năm
- ✓ 40% số cổ phiếu sẽ được giải tỏa sau 03 năm kể từ ngày kết thúc đợt bán cổ phiếu quỹ này.

Các quyền lợi phát sinh từ số cổ phiếu được mua (nếu có) sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

F. Nguyên tắc bán cổ phiếu ESOP

- Số lượng cổ phiếu quỹ bán cho mỗi CBNV được tính theo công thức sau:

$$\text{Số lượng CPUĐ} = \text{HS}_{\text{chức vụ}} \times \text{HS}_{\text{đóng góp}} \times \text{HS}_{\text{thời gian}} \times 1.000$$

Trong đó

- ✓ $\text{HS}_{\text{chức vụ}}$ là hệ số chức vụ tại GELEX.
- ✓ $\text{HS}_{\text{đóng góp}}$ là hệ số đóng góp bao gồm đóng góp trong quá trình công tác vừa qua và các đóng góp phục vụ thực hiện chiến lược kinh doanh của Tổng Công ty được kỳ vọng trong tương lai.
- ✓ $\text{HS}_{\text{thời gian}}$ là hệ số thời gian làm việc tại GELEX.

Hội đồng Quản trị căn cứ vào tình hình thực tế quy định các hệ số để bán cổ phiếu quỹ cho CBNV, từ đó duyệt danh sách CBNV được mua cổ phiếu quỹ theo ESOP.

- Số lượng cổ phiếu quỹ bán cho từng CBNV chỉ lấy phần nguyên của phép tính tại Khoản 1 Điều này. Phần lẻ hoặc số lượng cổ phiếu quỹ còn thừa do CBNV từ chối mua toàn bộ hoặc một phần số lượng được quyền mua sẽ được HĐQT phân phối cho CBNV khác với giá bán và thời gian hạn chế chuyển nhượng không thay đổi.
- GELEX sẽ bán số cổ phiếu quỹ cho CBNV theo Chương trình ESOP sau khi nhận được văn bản của UBCKNN theo đúng quy định pháp luật.

G. Đăng ký và nộp tiền mua CPUĐ

- CBNV trong danh sách được mua thực hiện đăng ký mua CPUĐ theo mẫu tại Phụ lục 01 Quy chế này và mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại công ty chứng khoán để thực hiện việc lưu ký, giao dịch CPUĐ. CBNV được duyệt mua cổ phiếu nhưng không đăng ký mua thì Tổng Công ty sẽ không giải quyết bất cứ quyền lợi nào khác thay thế.
- CBNV là đối tượng người nội bộ hoặc người liên quan của người nội bộ của Tổng Công ty thực hiện báo cáo, đăng ký giao dịch theo quy định pháp luật chứng khoán.
- CBNV nộp tiền mua CPUĐ bằng đồng Việt Nam bằng cách chuyển khoản vào tài khoản của Tổng Công ty như sau:

Chủ tài khoản: Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Số tài khoản: 12010000009694

Mở tại: BIDV - CN Sở GD

Nội dung chuyển tiền: (Họ và tên) - (số CMND/Thẻ CCCD) mua (... CPUĐ)

- Thực hiện chuyển quyền sở hữu CPUĐ qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
- CBNV là đối tượng người nội bộ hoặc người liên quan của người nội bộ của Tổng Công ty thực hiện báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật chứng khoán.
- Thành viên ESOP thực hiện ký kết các mẫu biểu đề nghị phong tỏa CPUĐ trong thời gian

hạn chế chuyển nhượng theo quy định (nếu có).

- Thời gian, địa điểm làm thủ tục cụ thể: theo thông báo chi tiết của Tổng Công ty.

H. Xử lý CPUĐ trong một số trường hợp

- Các trường hợp CPUĐ bị xử lý:
 - Thành viên ESOP vi phạm kỷ luật trong Hệ thống GELEX và có công bố bằng quyết định kỷ luật. HĐQT căn cứ mức độ vi phạm kỷ luật và quy định khen thưởng kỷ luật của GELEX để ra quyết định xử lý CPUĐ của thành viên ESOP.
 - Thành viên ESOP không còn làm việc (dưới bất kỳ hình thức nào) tại Hệ thống GELEX, trừ trường hợp (i) Nghi hưu trí theo quy định pháp luật, (ii) được điều động, chuyển chuyển công tác theo quyết định của cấp có thẩm quyền, (iii) qua đời.
 - Thành viên ESOP không hoàn thành kế hoạch công việc được giao theo bảng Mô tả công việc của từng cá nhân, theo kết quả đánh giá của cấp có thẩm quyền và được HĐQT thông qua bằng văn bản.

Tổng Giám đốc tại Công ty thành viên có CBNV là Thành viên ESOP phối hợp thông báo ngay cho GELEX khi xảy ra một trong các trường hợp nêu tại Quy chế này.

- Phương thức xử lý:

- Phương thức xử lý

HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT (trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc) toàn quyền quyết định lựa chọn thực hiện hoặc không thực hiện một hoặc đồng thời nhiều phương thức trong các phương thức xử lý CPUĐ sau đây (phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể, quy định pháp luật liên quan, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có)) khi xảy ra một trong các sự kiện nêu tại Quy chế này:

- ✓ GELEX mua lại một phần hoặc toàn bộ CPUĐ còn thời gian hạn chế chuyển nhượng của Thành viên ESOP có liên quan. Giá mua trong trường hợp này là mức giá đã bán ra theo chương trình ESOP (12.000 đồng/1 cổ phần); và/hoặc
- ✓ Yêu cầu Thành viên ESOP có liên quan chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ CPUĐ còn thời gian hạn chế chuyển nhượng do mình đang nắm giữ cho Công đoàn GELEX (nếu Công đoàn có nguyện vọng được cấp có thẩm quyền đồng ý và phù hợp với quy định pháp luật) hoặc CBNV khác đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Quy chế này. Theo phương thức này, giá mua bán sẽ do Chủ tịch HĐQT (trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc) toàn quyền quyết định theo một trong hai trường hợp sau:
 - Là mức giá đã bán ra theo chương trình ESOP (12.000 đồng/1 cổ phần); hoặc
 - Chủ tịch HĐQT (trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc) cho phép hai bên tự thỏa thuận về giá.

Trong các trường hợp trên, Thành viên ESOP có sở hữu CPUĐ phải bán lại CPUĐ theo quyết định của cấp có thẩm quyền như nêu trên.

- Cách thức xử lý

Việc xử lý CPUĐ theo quy định tại Quy chế này có thể được thực hiện theo các cách thức sau:

- ✓ Giao dịch thông qua Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nếu phù hợp)
- ✓ Chuyển quyền sở hữu thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

Thành viên ESOP có liên quan phải thực hiện đầy đủ các thủ tục và ký kết các văn bản tài liệu cần thiết theo yêu cầu của GELEX để hoàn tất phương án xử lý như nêu trên đồng thời có

trách nhiệm chi trả các khoản thuế, phí phát sinh nếu có.

- Quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của người mua CPUĐ
- ✓ CPUĐ được bán theo Quy chế này tiếp tục bị hạn chế chuyển nhượng và được giải tỏa hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Quy chế này cho khoảng thời gian hạn chế chuyển nhượng còn lại của CPUĐ;
- ✓ Người mua CPUĐ theo Quy chế này phải tuân thủ theo mọi quy định theo Quy chế này cũng như có nghĩa vụ phải thực hiện mọi quy định có liên quan theo Quy chế này.

I. Điều khoản thực hiện

- Tổng Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này. Quá trình thực hiện nếu có bất kỳ vướng mắc nào phát sinh chưa được đề cập tại Quy chế này hoặc quy định khác của Tổng Công ty, Tổng Giám đốc báo cáo và trình Hội đồng quản trị xem xét giải quyết. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ nhân viên có liên quan chịu trách nhiệm trong việc triển khai và thực hiện chính sách này.
- Quy chế này sẽ chịu sự chi phối bởi hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và có hiệu lực từ ngày ký ban hành.
- Với sự ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty là cơ quan cao nhất có quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ Quy chế này.

12. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Tổng Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Tỷ lệ trả cổ tức qua các năm qua như sau:

Bảng 33: Tỷ lệ trả cổ tức qua các năm

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức	Phê duyệt của ĐHĐCĐ
2018	10% (bằng tiền)	Nghị quyết số 08/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2018
2019	0%	Nghị quyết số 11/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2019
2020	0%	Nghị quyết số 02/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020

Nguồn: GELEX

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đăng ký chào bán, Tổng Công ty không thực hiện chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty

- Thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất:
 - + Hợp đồng thuê đất số 337/HĐ-TĐ ký ngày 07/09/2004 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (*Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Ninh là đại diện theo uỷ quyền*) và Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (*Tên cũ: Công ty Thiết bị đo điện – Tổng công ty kỹ thuật điện*)
 - Địa điểm: Xã Hoàn Sơn, xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
 - Giá tiền thuê đất: 17.435.535 đồng/năm (tính từ ngày 23/08/2004)
 - Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 29/06/2004
 - + Hợp đồng thuê đất số 20/HĐTĐ ký ngày 04/03/2010 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (*Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh là đại diện theo uỷ quyền*) và Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (*Tên cũ: Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam*)
 - Địa điểm: Phường Bãi Cháy – Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
 - Giá tiền thuê đất: 52.500 đồng/m²/năm (Giá tiền thuê đất được tính và ổn định 5 năm tính từ ngày 28/01/2010)
 - Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 03/05/2004
 - + Hợp đồng thuê đất số 119/HĐTĐ ký ngày 11/05/2010 giữa Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (*Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là đại diện theo uỷ quyền*) và Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (*Tên cũ: Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam*)
 - Địa điểm: Số 52 phố Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 - Giá tiền thuê đất: 289.710 đồng/m²/năm (tính từ ngày 18/01/2010)
 - Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 18/01/2010
 - + Phụ lục hợp đồng thuê đất số 74/HĐTĐ/PL1-STNMT-CCQLĐĐ ký ngày 07/02/2017 giữa Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (*Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là đại diện theo uỷ quyền*) và Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
 - Điều chỉnh giá tiền thuê đất ghi tại Hợp đồng thuê đất số 119/HĐTĐ ký ngày 11/05/2010 với số tiền là: 670.824 đồng/m²/năm
 - Thời hạn ổn định đơn giá thuê đất: Kể từ ngày 01/07/2014 đến hết ngày 30/06/2019
 - Hết thời hạn ổn định đơn giá nêu trên, Công ty có trách nhiệm liên hệ với Cục Thuế TP Hà Nội để xác định đơn giá cho kỳ ổn định tiếp theo và liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để ký Phụ lục Hợp đồng thuê đất theo quy định
 - + Hợp đồng thuê đất số 419/HĐTĐ ký ngày 28/07/2014 giữa Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (*Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là đại diện theo uỷ quyền*) và Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
 - Địa điểm: 91 phố Hoa Lâm, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

- Giá tiền thuê đất đối với diện tích ngoài chỉ giới đường đỏ và trong chỉ giới đường đỏ có xây dựng công trình là 252.000 đồng/m²/năm tính từ ngày 01/01/2012 và ổn định 05 năm kể từ ngày. Hết thời hạn trên, đơn giá thuê đất được tính lại theo quy định của Chính phủ.
 - Giá tiền thuê đất từ 01/01/2010 đến 31/12/2010 đối với diện tích ngoài chỉ giới đường đỏ và trong chỉ giới đường đỏ có xây dựng công trình là: 71.253 đồng/m²/năm
 - Giá tiền thuê đất từ 01/01/2011 đến 28/02/2011 đối với diện tích ngoài chỉ giới đường đỏ và trong chỉ giới đường đỏ có xây dựng công trình là: 88.200 đồng/m²/năm
 - Giá tiền thuê đất từ 01/03/2011 đến 31/12/2011 là 252.000 đồng/m²/năm
 - Đối với diện tích 1.680 m² đất nằm ngoài chỉ giới đường đỏ thời hạn thuê đất là: 50 năm kể từ ngày 29/06/2009
 - Đối với diện tích 687 m² đất nằm trong chỉ giới đường đỏ và hành lang bảo vệ an toàn tuyến điện thời hạn thuê đất là: Hàng năm
- + Hợp đồng thuê đất số 535/HĐTĐ ký ngày 31/12/2020 giữa Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (*Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là đại diện theo uỷ quyền*) và Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Địa điểm: Số 10 Trần Nguyên Hãn và số 27-29 Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
 - Giá tiền thuê đất ngoài chỉ giới để làm Dự án Tổ hợp khách sạn, dịch vụ thương mại, văn phòng cho thuê là: 2.392.680 đồng/m²/năm (tính từ ngày 14/08/2020)
 - Đơn giá tính tiền thuê đất được áp dụng ổn định kể từ ngày 14/08/2020 đến hết ngày 13/08/2025
 - Hết thời hạn ổn định đơn giá nêu trên, Công ty có trách nhiệm liên hệ với Cục Thuế TP Hà Nội để xác định đơn giá cho kỳ ổn định tiếp theo và liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để ký Phụ lục Hợp đồng thuê đất theo quy định
- Trái phiếu chưa đáo hạn:
- + Trái phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam phát hành tháng 12/2019
 - Ngày phát hành: 31/12/2019
 - Ngày đáo hạn: 31/12/2029
 - + Trái phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam phát hành tháng 03/2020
 - Ngày phát hành: 31/03/2020
 - Ngày đáo hạn: 31/03/2022
 - + Trái phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam phát hành tháng 4/2020
 - Ngày phát hành: 15/04/2020
 - Ngày đáo hạn: 15/04/2023
 - + Trái phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam phát hành tháng 5/2020

- Ngày phát hành: 13/05/2020
- Ngày đáo hạn: 13/05/2023
- + Trái phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam phát hành tháng 5/2020
 - Ngày phát hành: 29/05/2020
 - Ngày đáo hạn: 29/05/2023
- + Trái phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam phát hành tháng 7/2020
 - Ngày phát hành: 09/07/2020
 - Ngày đáo hạn: 09/07/2023
- + Trái phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam phát hành tháng 7/2020
 - Ngày phát hành: 13/07/2020
 - Ngày đáo hạn: 13/07/2023
- + Trái phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam phát hành tháng 7/2020
 - Ngày phát hành: 22/07/2020
 - Ngày đáo hạn: 22/07/2023
- + Trái phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam phát hành tháng 8/2020
 - Ngày phát hành: 05/08/2020
 - Ngày đáo hạn: 05/08/2023
- + Trái phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam phát hành tháng 8/2020
 - Ngày phát hành: 06/08/2020
 - Ngày đáo hạn: 06/08/2023

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có

16. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Không có

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty

Bảng 34: Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm 2020/2019	Quý I/2021
Tổng giá trị tài sản	8.804.738	11.905.473	35,22	13.662.218
Doanh thu thuần	2.524.184	2.971.623	17,73	1.402.549
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.787	84.754	14,86	29.676
Doanh thu hoạt động tài chính	361.367	984.619	172,47	147.739
Chi phí tài chính	(269.210)	429.336	259,48	139.635
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	87.928	546.281	521,28	15.492
Lợi nhuận (lỗ) khác	1.358	1.990	46,54	(180)
Lợi nhuận trước thuế	89.286	548.270	5,14	15.312
Lợi nhuận sau thuế	89.286	548.270	5,14	15.312
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0	-
Tỷ lệ cổ tức	0%	0%	0	-

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC quý I/2021 của GELEX

Bảng 35: Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty hợp nhất

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm 2020/2019	Quý I/2021
Tổng giá trị tài sản	21.261.916	27.152.093	27,70	29.947.452
Doanh thu thuần	15.314.986	17.948.713	17,20	4.413.115
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.738.983	2.627.190	(4,08)	515.254
Doanh thu hoạt động tài chính	340.996	697.422	104,52	206.999
Chi phí tài chính	(838.373)	1.119.921	(233,58)	304.792
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1.165.363	1.132.710	(2,80)	329.900
Lợi nhuận (lỗ) khác	(62.899)	64.485	(202,52)	3.733
Lợi nhuận trước thuế	1.102.464	1.197.195	8,59	333.633
Lợi nhuận sau thuế	852.467	979.651	14,92	291.329
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0	-
Tỷ lệ cổ tức	0%	0%	0	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và quý I/2021 của GELEX

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty

a. Những thuận lợi

i. Đối với lĩnh vực sản xuất công nghiệp:

- Ngành sản xuất thiết bị điện có tiềm năng phát triển tốt, đặc biệt là vấn đề tiêu thụ sản phẩm cả trong và ngoài nước.
- Với thị trường trong nước, theo kế hoạch phát triển ngành sản xuất thiết bị điện đã được Chính phủ phê duyệt, giai đoạn 2015 – 2025 ngành thiết bị điện sẽ phải phát triển để đáp ứng 70% nhu cầu trong nước về thiết bị đường dây, trạm biến áp, 55% về động cơ điện, một số chủng loại máy phát điện thông thường và năm 2025 có thể sản xuất, cung ứng trọn bộ thiết bị điện cho các công trình đường dây điện, trạm biến áp, 50-60% nhu cầu máy biến thế 110-220KV và đáp ứng 60 – 70% nhu cầu trong nước các loại công tơ điện, khí cụ điện và các hệ thống ghi đếm – giám sát an toàn lưới điện, trọn bộ thiết bị trạm điện và xuất khẩu đạt 19-20% giá trị sản xuất, tập trung sản xuất các loại dây – cáp điện chất lượng cao với kim ngạch xuất khẩu tăng 35,5%/năm.
- Đối với thị trường xuất khẩu, bên cạnh các thị trường truyền thống, ngành sản xuất thiết bị điện cũng có tiềm năng lớn ở các thị trường lân cận là Lào và Campuchia. Với hai thị trường này, Việt Nam đã đạt được những cam kết dưới hình thức bản ghi nhớ, hiệp định hợp tác đầu tư phát triển lĩnh vực điện.
- Qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, trong lĩnh vực thiết bị điện, thương hiệu GELEX và các thương hiệu của từng ngành hàng đã và đang khẳng định và củng cố vị thế vững chắc của mình so với các doanh nghiệp khác trong ngành, nhận được sự tin tưởng, ủng hộ của người tiêu dùng, đối tác cũng như các nhà đầu tư. Thị phần được giữ vững, quan hệ với các đối tác bạn hàng được giữ vững.
- Nhờ việc tái cấu trúc, năng lực sản xuất chung của toàn Tổng Công ty ngày càng tăng. Các sản phẩm có thể cung cấp trong lĩnh vực thiết bị điện ngày càng phong phú, và có thể đáp ứng được nhu cầu đa dạng của khách hàng;
- Đội ngũ cán bộ có kỹ năng chuyên môn, trình độ cao và kinh nghiệm thực tiễn, nhạy bén tiếp thu những thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến.

ii. Đối với lĩnh vực hạ tầng:

- Lĩnh vực Hạ tầng của Gelex bao gồm các công ty trong lĩnh vực điện và nước sạch, bắt đầu sản xuất khu công nghiệp. Nước sạch và điện là hai nguồn năng lượng thiết yếu đối với hoạt động sản xuất cũng như sinh hoạt của người dân. Khi nền kinh tế phát triển thì nhu cầu đối với hai mặt hàng này ngày càng cao. Đây cũng là các lĩnh vực được nhà nước ưu tiên, khuyến khích đầu tư.
- Mặt khác, dịch bệnh Covid -19 gây ra ảnh hưởng đến nhiều ngành kinh tế Việt Nam trong ngắn hạn, nhưng trong dài hạn, với những ghi nhận về nỗ lực của chính phủ Việt Nam trong việc ngăn chặn dịch bệnh, cải thiện môi trường đầu tư/cải cách thủ tục hành chính, và xu hướng chuyển dịch dòng vốn do ảnh hưởng của dịch bệnh/chiến tranh thương mại, đồng thời, việc đã và đang tham gia hàng loạt các FTA mới, Việt Nam có cơ hội được hưởng lợi từ việc dòng vốn FDI dịch chuyển từ Trung Quốc sang Việt Nam, do đó, mảng kinh doanh bất động sản khu công nghiệp có tiềm năng tăng trưởng lớn.

b. Những khó khăn

i. Đối với lĩnh vực công nghiệp:

- Giá cả vật tư cho sản xuất, giá kim loại biến động phức tạp khó lường khiến cho hoạt động của các công ty con trong lĩnh vực thiết bị điện cần phải duy trì chính sách tồn kho hợp lý để giảm thiểu những rủi ro liên quan đến nguyên vật liệu đầu vào và hàng tồn kho.
- Mức độ cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt, đặc biệt là cạnh tranh về giá. Tình hình hàng giá, hàng nhái có nhiều diễn biến phức tạp;
- Các nhóm sản phẩm chính mangan Vật liệu xây dựng như kính xây dựng, sứ vệ sinh, gạch ốp lát, gạch ngói đất sét nung đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt, đồng thời nhu cầu thị trường bị ảnh hưởng do diễn biến khó lường của dịch bệnh.

ii. Đối với lĩnh vực hạ tầng:

- Hạ tầng truyền tải chưa được đầu tư đồng bộ đã ảnh hưởng tới công suất nhà máy điện Ninh Thuận. Dự án đầu tư trạm biến áp Ninh Phước, đường dây Ninh Phước - Tháp Chàm đã hoàn thiện và giải tỏa công suất cho Ninh Thuận.
- Dịch bệnh Covid -19 dẫn tới hạn chế đi lại giữa các quốc gia khiến quá trình xây dựng nhà máy tại các khu công nghiệp bị gián đoạn, ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Viglacera.

2. Tình hình tài chính

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

- **Báo cáo vốn điều lệ, vốn kinh doanh, tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:**
 - + Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2020: 4.882.440.000.000 đồng.
 - + Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu: Công ty luôn sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Công ty.
- **Trích khấu hao tài sản cố định:**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

 - + Nhà cửa, vật kiến trúc: 20 – 50 năm
 - + Máy móc, thiết bị: 03 – 20 năm
 - + Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 06 – 10 năm
 - + Thiết bị dụng cụ quản lý: 03 – 10 năm
 - + Phần mềm máy tính: 03 năm
- **Mức lương bình quân**

Bảng 36: Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	17.207.806	22.613.757	23.515.580

Nguồn: Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

- + Mức lương bình quân của CBCNV Tổng Công ty nằm ở mức có tính cạnh tranh tương đối so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

- Tình hình công nợ hiện nay
- + Các khoản phải thu

Bảng 37: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty mẹ

ĐVT: Triệu VND

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	828.834	2.342.532	3.671.841
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	44.489	257.124	1.249.882
Trả trước cho người bán ngắn hạn	568	1.057	13.309
Phải thu về vay ngắn hạn	571.475	1.692.079	2.038.860
Phải thu ngắn hạn khác	226.803	406.314	383.832
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(14.501)	(14.042)	(14.042)
2. Phải thu dài hạn	700.893	637.629	637.629
Phải thu về cho vay dài hạn	700.625	608.125	608.125
Phải thu dài hạn khác	268	29.504	29.504
Tổng cộng	1.529.727	2.980.161	4.309.470

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC riêng quý I/2021 của GELEX

Tại thời điểm 31/03/2021, theo báo cáo tài chính riêng quý I năm 2021, Tổng Công ty phát sinh khoản phải thu quá hạn cụ thể như sau:

- Giá trị khoản phải thu quá hạn: 14.041.914.197 đồng
- Thời gian quá hạn: Trên 03 năm
- Nguyên nhân: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi các khoản phát sinh từ giai đoạn sản xuất
- Khả năng thu hồi: Dự kiến sẽ thu hồi 100%
- Biện pháp xử lý: Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định và đơn đốc thu hồi công nợ các khoản phải thu này.

Bảng 38: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty hợp nhất

ĐVT: Triệu VND

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	3.464.511	6.261.470	6.120.170
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.056.273	4.104.680	4.321.020
Trả trước cho người bán ngắn hạn	161.005	383.030	764.868
Phải thu về cho vay ngắn hạn	4.000	14.000	14.000
Phải thu ngắn hạn khác	1.460.110	1.991.112	1.251.634
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(216.877)	(231.352)	(231.352)
2. Phải thu dài hạn	2.857	30.465	30.485
Phải thu dài hạn khác	2.857	30.465	30.485
Tổng cộng	3.467.368	6.291.935	6.150.655

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất quý I/2021 GELEX

Tại thời điểm 31/03/2021, theo báo cáo tài chính hợp nhất quý I năm 2021, Tổng Công ty phát sinh khoản phải thu quá hạn cụ thể như sau:

- Giá trị khoản phải thu quá hạn: 231.351.950.987 đồng
- Thời gian quá hạn: Từ 06 tháng tới trên 03 năm
- Nguyên nhân: Phát sinh các khoản phải thu quá hạn, nợ xấu
- Khả năng thu hồi: Giá trị có thể thu hồi được tính bằng giá gốc trừ đi giá trị trích lập dự phòng
- Biện pháp xử lý: Tổng Công ty và công ty con đã thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định và đôn đốc thu hồi công nợ các khoản phải thu này.

+ **Các khoản phải trả**

Bảng 39: Chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty mẹ

ĐVT: Triệu VND

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
Nợ ngắn hạn	1.992.237	2.492.010	4.147.440
Phải trả người bán ngắn hạn	80.524	497.620	47.847
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.948	194	209
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	400	283	347
Phải trả người lao động	6.709	9.537	3.812
Chi phí phải trả ngắn hạn	45.647	73.473	92.873
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	6.777	8.662	11.715
Phải trả ngắn hạn khác	928.237	1.191.809	2.495.990
Vay và nợ ngắn hạn	912.193	696.619	1.485.748
Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.124	5.383	2.932
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.678	8.430	5.967
Nợ dài hạn	1.691.494	3.903.722	3.907.740
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	43.643	174.888	173.551
Phải trả dài hạn khác	518.793	20.096	19.208
Vay và nợ dài hạn	1.122.880	3.708.738	3.714.981
Dự phòng phải trả dài hạn	6.178	-	-
Tổng cộng	3.683.731	6.395.732	8.055.180

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC riêng quý I/2021 của GELEX

Bảng 40: Chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty hợp nhất

ĐVT: Triệu VND

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
Nợ ngắn hạn	7.655.137	10.831.294	13.379.498
Phải trả người bán ngắn hạn	1.132.886	2.964.516	2.587.447
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	111.046	302.845	309.302

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	140.200	123.574	62.766
Phải trả người lao động	184.961	171.229	72.498
Chi phí phải trả ngắn hạn	176.217	168.377	174.668
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	45.061	21.978	25.324
Phải trả ngắn hạn khác	1.763.562	2.624.944	3.231.143
Vay và nợ ngắn hạn	4.008.854	4.328.509	6.807.532
Dự phòng phải trả ngắn hạn	58.847	76.241	72.710
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	33.503	49.081	36.108
Nợ dài hạn	4.929.740	8.105.612	7.987.222
Phải trả người bán dài hạn	44.697	72.620	46.110
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	43.643	42.554	42.281
Phải trả dài hạn khác	39.951	20.519	19.807
Vay và nợ dài hạn	4.561.954	7.752.212	7.655.843
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	166.002	136.935	136.538
Dự phòng phải trả dài hạn	73.493	80.772	86.643
Tổng cộng	12.584.877	18.936.906	21.366.720

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất quý I/2021 của GELEX

– Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Tổng Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019, 2020 và Báo cáo tài chính quý I năm 2021, Tổng Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ quá hạn.

– Các khoản phải nộp theo luật định

Tổng Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. Các khoản thuế phải nộp trong năm 2019, 2020 và quý I năm 2021 như sau:

Bảng 41: Các khoản phải nộp Công ty mẹ

DVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
1	Thuế giá trị gia tăng	-	-	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
3	Thuế thu nhập cá nhân	385.510.273	281.419.000	347.299.000
4	Thuế nhà đất	-	-	-
5	Các loại thuế khác	14.671.579	2.016.039	-
	Tổng cộng	400.181.852	283.435.039	347.299.000

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC riêng quý I/2021 của GELEX

Bảng 42: Các khoản phải nộp Công ty hợp nhất

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
1	Thuế giá trị gia tăng	37.444.110.001	37.429.697.428	4.029.411.443
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	67.429.158.757	64.870.148.991	37.494.684.467
3	Thuế thu nhập cá nhân	10.475.276.411	4.737.312.500	2.761.048.855
4	Thuế tài nguyên	-	-	1.223.708.578
5	Thuế nhà đất	-	-	4.634.845.221
6	Các loại thuế khác	-	-	228.656.820
7	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	24.851.231.252	16.537.304.770	12.393.226.472
	Tổng cộng	140.199.776.421	123.574.463.689	62.765.581.856

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất quý I/2021 của GELEX

Công ty cam kết sẽ tuân thủ nộp toàn bộ các khoản phải nộp theo quy định của pháp luật.

– Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Bảng 43: Số dư các quỹ Công ty mẹ

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.678.415.491	8.429.926.602	5.967.547.824
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
Tổng cộng	7.678.415.491	8.429.926.602	5.967.547.824

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC riêng quý I/2021 của GELEX

Bảng 44: Số dư các quỹ Công ty hợp nhất

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	33.503.307.190	49.081.105.673	36.107.515.614
Quỹ đầu tư phát triển	77.023.242.245	76.059.032.630	76.059.032.630
Tổng cộng	110.526.549.435	125.140.138.303	112.166.548.244

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất quý I/2021 của GELEX

– Tổng dư nợ vay: Tình hình dư nợ vay của Công ty trong thời gian vừa qua như sau:

Bảng 45: Tổng dư nợ vay Công ty mẹ

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
1	Vay và nợ ngắn hạn	912.193.399.057	696.618.764.402	1.485.747.625.261
2	Vay và nợ dài hạn	1.122.880.158.322	3.708.738.517.089	3.714.980.706.159
	Tổng cộng	2.035.073.557.379	4.405.357.281.491	5.200.728.331.420

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC riêng quý I/2021 của GELEX

Bảng 46: Tổng dư nợ vay Công ty hợp nhất

TT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
1	Vay và nợ ngắn hạn	4.008.854.549.871	4.328.509.240.283	6.807.532.281.529
2	Vay và nợ dài hạn	4.561.953.701.156	7.752.211.494.649	7.655.843.207.631
Tổng cộng		8.570.808.251.027	12.080.720.734.93	14.463.375.489.160

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất quý I/2021 của GELEX

- Đến thời điểm hiện tại, tất cả các khoản vay và nợ đến hạn của Công ty đều được thanh toán đầy đủ kịp thời, không có khoản nợ vay nào quá hạn. Các khoản nợ vay sắp đến hạn thanh toán đều nằm trong kế hoạch tài chính của Công ty và đã được chuẩn bị nguồn tài chính đầy đủ.
- Tính đến thời điểm hiện tại, không có bất kỳ biến động lớn nào ảnh hưởng đến tình hình tài chính của GELEX do hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn nằm trong kế hoạch đề ra, mặt bằng lãi suất cho vay vẫn duy trì ở mức thấp. Mặc dù dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp xuất hiện đơn lẻ tại một số địa phương nhưng không ảnh hưởng đến hoạt động của GELEX và các đơn vị thành viên.

2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 47: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
▪ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	Lần	0,57	1,26
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,56	1,20
▪ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,42	0,54
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	0,72	1,16
▪ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho)	Vòng	83,09	20,61
+ Vòng quay tổng tài sản: (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản)	Vòng	0,29	0,25
▪ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,54	18,45
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,74	9,95
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,01	4,60
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	3,48	18,40
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VNĐ/CP	183	1.123

Nguồn: Dựa trên BCTC riêng kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC riêng quý I/2021 của GELEX

Bảng 48: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty hợp nhất

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
▪ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	Lần	1,09	1,21
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,75	0,91
▪ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,59	0,70
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	1,45	2,31
▪ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho)	Vòng	4,69	4,73
+ Vòng quay tổng tài sản: (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản)	Vòng	0,72	0,66
▪ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,57	5,46
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	9,83	11,92
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	4,01	3,61
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	7,61	6,31
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VNĐ/CP	1.746	2.006

Nguồn: Dựa trên BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất quý I/2021 của GELEX

– Khả năng thanh toán

Các chỉ số đo lường khả năng thanh toán của Công ty tăng trong giai đoạn 2019 – 2020. Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2019, năm 2020 lần lượt là 1,09 lần và 1,21 lần. Hệ số thanh toán nhanh năm 2019, 2020 lần lượt là 0,75 lần và 0,91 lần cho thấy hệ số thanh toán của công ty có những thay đổi theo chiều hướng tích cực. Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đều nằm trong ngưỡng an toàn.

– Cơ cấu vốn

Năm 2019 và năm 2020 nợ chiếm khoảng 60% - 70% trong tổng nguồn vốn của Công ty. Tỷ lệ này phù hợp với đặc thù ngành nghề kinh doanh chung trong lĩnh vực hạ tầng.

– Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho năm 2020 tăng so với năm 2019, do hàng tồn kho tăng. Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản năm 2020 giảm so với năm 2019 do tốc độ tăng của doanh thu chậm hơn so với tốc độ tăng của tổng tài sản.

– Khả năng sinh lời

Chỉ số ROE tăng từ mức 9,83% năm 2019 lên 11,92% năm 2020 và EPS tăng từ 1.746 đồng/cổ phiếu lên 2.006 đồng/cổ phiếu. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời khác trong năm 2020 nhìn chung đều giảm nhẹ so với năm 2019.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty

Theo ý kiến của Tổ chức kiểm toán, báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và hợp nhất.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 49: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2021

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	% tăng giảm so 2020
1	Vốn chủ sở hữu	8.215.187	17.691.066	115,35%
2	Doanh thu thuần	17.948.713	28.962.000	61,36%
3	Lợi nhuận sau thuế	979.651	1.583.759	61,67%
4	Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	5,46	5,53	1,28%
5	Lợi nhuận sau thuế/ Vốn Chủ sở hữu (%)	11,92	8,95	(24,92%)
6	Cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: GELEX

(*): Kế hoạch năm 2021 chính thức sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của GELEX.

4.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Kế hoạch kinh doanh năm 2021 được Tổng Công ty xây dựng trên cơ sở kết quả thực tế đạt được của năm 2020. Ước thực hiện năm 2020, Tổng Công ty ghi nhận trên 17.948 tỷ đồng doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế đạt 979 tỷ đồng. Trên cơ sở đó, Công ty xây dựng Kế hoạch kinh doanh năm 2021 với doanh thu tăng thuần đạt trên 28,9 nghìn tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế ước đạt 1.583 tăng lần lượt 61,36 % và 61,67% so với ước thực hiện 2020 dựa trên những cơ sở sau:

❖ Lĩnh vực sản xuất thiết bị điện:

- Gelex đã hoàn thành việc cấu trúc mảng Thiết bị điện về một đầu mối là Công ty Cổ phần Gelex Electric đã giúp phát huy thế mạnh cộng lực giữa các doanh nghiệp, đẩy mạnh công tác bán hàng, đầu tư chiều sâu và nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.
- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng thương hiệu cho các đơn vị chủ lực trong hệ thống bao gồm: Cadivi trong lĩnh vực dây cáp điện; Thibidi trong lĩnh vực máy biên áp; Gelex-

Emic định hướng trở thành công ty công nghệ cao với các sản phẩm điện tử thông minh như công tơ điện tử; HEM trong lĩnh vực động cơ điện và các dịch vụ liên quan đến động cơ điện.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu công nghệ mới và sản phẩm mới, thúc đẩy hợp tác với các đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc, EU để nhận chuyển giao Công nghệ, bản quyền sản phẩm để hướng tới các sản phẩm công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.
- Đẩy mạnh phát triển các thị trường mới, đặc biệt là thị trường phía bắc của Cadivi và Thibidi. Đặc biệt khi nhà máy Cadivi Bắc đầu năm 2020 và nâng cao năng lực của nhà máy Caidivi miền Trung sẽ giúp giảm thiểu chi phí logistic, tăng cường tính cạnh tranh của sản phẩm. Đồng thời Cadivi tiếp tục phát triển kênh bán hàng phục vụ cho các dự án của ngành điện lực vốn trước đây chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu của Caidivi.
- Mở rộng thị trường, tăng cường phát triển thị trường xuất khẩu sang các nước trong khu vực, năng động linh hoạt trong chính sách bán hàng của toàn bộ hệ thống, hỗ trợ tối đa hệ thống phân phối để mở rộng thị trường và tăng thị phần trong bối cảnh khó khăn chung.
- Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư dài hạn giúp hoàn thiện chuỗi giá trị trong mảng thiết bị điện.

❖ **Lĩnh vực Hạ tầng:**

- Đầu tư vào lĩnh vực điện tái tạo bao gồm: Hoàn thành đầu tư 140MW điện gió trong Quy III/202; đưa 18MW điện áp mái đi vào hoạt động từ tháng 12/2020 cùng với việc dự án điện mặt trời Ninh Thuận hoạt động ổn định sẽ giúp doanh thu và lợi nhuận của mảng phát điện tăng trưởng trong các năm tới.
- Đầu tư mở rộng giai đoạn II nhà máy nước sông Đà lên 600.000 m³/ngày đêm, cùng với điện năng đây là lĩnh vực có nhu cầu ngày càng cao cũng với quá trình đô thị hóa và sự phát triển kinh tế xã hội của thành phố Hà Nội.

❖ **Lĩnh vực Đầu tư:**

- Đẩy mạnh tìm kiếm các cơ hội đầu tư trong lĩnh vực Hạ tầng, đặc biệt là Năng lượng tái tạo, mở rộng quỹ đất trong lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp thông qua Tổng Công ty Viglacera nhằm tận dụng xu thế chuyển dịch sản xuất từ Trung Quốc cũng như tận dụng các lợi thế của Việt Nam khi tham gia hàng loạt các hiệp định tự do quốc tế.
- Năm 2021 hoàn tất việc mua để sở hữu chi phối cổ phần Tổng Công ty Viglacera – CTCP. Doanh thu và lợi nhuận của Viglacera trong năm 2021 được kỳ vọng sẽ đóng góp vào doanh thu và lợi nhuận hợp nhất của GELEX.
- Tập trung đầu tư chiều sâu, hướng tới các sản phẩm sạch, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường

❖ **Công tác tài chính:**

- Gelex sẽ tiếp tục tìm kiếm và đẩy mạnh hoạt động tài chính nhằm tối ưu hóa nguồn lực của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên, quản lý dòng tiền tập trung nhằm tận dụng

nguồn lực, tạo ra hiệu quả sử dụng vốn ở mức cao nhất, tiết giảm chi phí tài chính tối đa.

- Tổng Công ty sẽ đóng vai trò đầu mối, hỗ trợ các đơn vị thành viên thu xếp, điều phối nguồn vốn để đảm bảo các công ty con có đủ nguồn vốn hoạt động với chi phí thấp nhất và đảm bảo dòng tiền của toàn hệ thống cân đối, an toàn và hiệu quả cao.
- Hỗ trợ các đơn vị trong hệ thống giảm giá thành sản xuất kinh doanh, tối ưu hóa hàng tồn kho, bằng chính sách mua sắm tập trung nguyên vật liệu chính phục vụ sản xuất, mua số lượng lớn để có giá mua và điều kiện thương mại tốt nhất.
- Tìm kiếm đối tác chiến lược nước ngoài phù hợp với chiến lược kinh doanh của Tổng Công ty.

❖ Công tác Quản trị:

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên theo chuẩn mực, minh bạch, đúng pháp luật, phù hợp với mô hình quản trị mới
- Áp dụng công nghệ quản trị tiên tiến, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong mọi mặt quản lý điều hành của Gelex và các đơn vị thành viên. Cụ thể sau khi xây dựng thành công tại CADIVI, Gelex sẽ tiếp tục xây dựng hệ thống quản trị nguồn nhân lực SAP-ERP theo chuẩn mực quốc tế tại các doanh nghiệp khác trong hệ thống như Thibidi, EMIC...., hướng tới xây dựng doanh nghiệp số thông minh trong quản trị trong toàn Tổng Công ty.
- Cải cách toàn diện cách thức giao dịch nội bộ trên cơ sở tăng cường tính kết nối- chia sẻ thông tin-nhanh-hiệu quả- không rào cản và đúng pháp luật.

❖ Công tác Nhân sự:

- Hoàn thiện công tác tổ chức, nhân sự tại Tổng Công ty và các đơn vị thành viên. Hoàn thiện cơ chế lương và chính sách đãi ngộ gắn với hiệu quả công việc, xây dựng môi trường làm việc, văn hóa doanh nghiệp minh bạch, văn minh để gắn bó cũng như thu hút người lao động, đặc biệt là lao động có trình độ cao tới làm việc, đáp ứng yêu cầu của quá trình mở rộng và phát triển của Gelex
- Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao tay nghề của người lao động. Phát triển, bồi dưỡng người lao động trong toàn hệ thống để hình thành nguồn nhân sự nội bộ ổn định, bền vững cho Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

❖ Công tác phát triển thương hiệu:

- Tập trung nguồn lực phát triển thương hiệu Gelex thành thương hiệu mạnh quốc gia, ngang tầm quốc tế.
- Xây dựng và phát triển hình ảnh, thương hiệu mạnh cho mỗi nhóm sản phẩm chủ lực của Tổng Công ty theo hướng có chọn lọc, trong tâm, không dàn trải.
- Xây dựng kế hoạch truyền thông, phát triển thương hiệu thống nhất trong toàn Tổng Công ty nhằm tiết kiệm nguồn lực, giảm chi phí và tăng tính thống nhất trong xây dựng hình ảnh và phát triển thương hiệu.

4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam. Căn cứ trên năng lực

hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Tổng Công ty đã đề ra trong năm tới là phù hợp và khả thi, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Tổng Công ty có thể được đảm bảo thực hiện.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần bằng hình thức cổ phần hoá. Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam không có cổ đông sáng lập.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Bảng 50: Danh sách cổ đông lớn

Tên	Năm sinh/ Năm thành lập	Quốc tịch	CMND/Giấy ĐKKD	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo uỷ quyền tại TCPH (tên và chức vụ)
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư GEX	2016	Việt Nam	4601290653	Tổ 7, Thị trấn Chùa Hang, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	800	Đào Thị Lơ – Giám đốc
Nguyễn Văn Tuấn	1984	Việt Nam	035084000878	08-06 ĐTST Vinhomes Riverside Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội		

Nguồn: GELEX

Bảng 51: Số lượng và tỷ lệ cổ phần của cổ đông lớn và người có liên quan

Tên	Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ			Số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết		
	Tại thời điểm trở thành CĐL	28/02/2021	Dự kiến sau đợt chào bán	Tại thời điểm trở thành CĐL	28/02/2021	Dự kiến sau đợt chào bán
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư GEX	12.651.000 (2,62%)	74.699.361 (15,499%)	119.518.977 (15,423%)	12.651.000 (2,62%)	74.699.361 (15,499%)	119.518.977 (15,423%)
Người có liên quan của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư GEX	0	15.000.000 (3,112%)	24.000.000 (3,097%)	0	15.000.000 (3,112%)	24.000.000 (3,097%)
Nguyễn Văn Tuấn	35.000.000 (7,447%)	56.500.000 (11,723%)	88.000.000 (11,356%)	35.000.000 (7,447%)	55.000.000 (11,412%)	88.000.000 (11,356%)
Người có liên quan của ông Nguyễn Văn Tuấn	0	15.000.000 (3,112%)	24.000.000 (3,097%)	0	15.000.000 (3,112%)	24.000.000 (3,097%)

Nguồn: GELEX

Bảng 52: Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ:

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	
1	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI)	Công ty con gián tiếp của GELEX – Tổ chức có liên quan tới ông Nguyễn Văn Tuấn	Năm 2020	NQ40/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ42/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ02/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; NQ43/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/09/2020	Doanh thu GELEX bán nguyên vật liệu cho CADIVI	84.556.721.291
					Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho CADIVI	718.282.315
					CADIVI cung cấp dịch vụ cho GELEX	120.000.000
3	Công ty Cổ phần thiết bị điện (THIBIDI)	Công ty con gián tiếp của GELEX – Tổ chức có	Năm 2020	NQ40/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ42/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019;	Doanh thu GELEX bán nguyên vật liệu cho THIBIDI	530.792.842.638

		liên quan tới ông Nguyễn Văn Tuấn		NQ02/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; NQ43/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/09/2020	Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho THIBIDI	36.000.000
4	Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX (GELEX ELECTRIC)	Công ty con của GELEX – Tổ chức có liên quan tới ông Nguyễn Văn Tuấn	Năm 2020	NQ40/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ42/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ02/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; NQ43/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/09/2020	Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho ELECTRIC	2.050.966.635
					GELEX Cho vay ELECTRIC	2.947.671.008.134
					GELEX chuyển nhượng vốn góp tại công ty thành viên cho Gelex Electric	69.285.387.977
6	Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX	Công ty con của GELEX – Tổ chức có liên quan tới ông Nguyễn Văn Tuấn	Năm 2020	NQ40/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ42/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ02/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; NQ43/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/09/2020	Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho Hạ Tầng GELEX	1.550.949.929
					GELEX Cho vay Hạ tầng GELEX	3.657.500.000.000
					Gelex chuyên nhượng vốn góp tại công ty thành viên cho Hạ tầng Gelex	51.175.161.707
12	Công ty Liên doanh S.A.S-CTAMAD	Công ty liên kết của Công ty con gián tiếp của GELEX - Tổ chức có liên quan tới ông Nguyễn Văn Tuấn	Năm 2020	NQ40/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ42/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ02/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; NQ43/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/09/2020	Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho S.A.S-CTAMAD	634.500.000
					S.A.S-CTAMAD cung cấp dịch vụ cho GELEX	692.082.245

- **Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:**
 - + Ông Nguyễn Văn Tuấn: cổ đông đang nắm giữ 11,57% vốn điều lệ của Tổ Chức phát hành là Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Tổ chức phát hành;
- **Các doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành mà Cổ đông lớn có lợi ích liên quan:** Không có

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

3.1 Hội đồng quản trị

Bảng 53: Danh sách Hội đồng quản trị của Công ty

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHỨC VỤ
I	Hội đồng quản trị		
1	Nguyễn Hoa Cương	1961	Chủ tịch
2	Nguyễn Văn Tuấn	1984	Phó Chủ tịch
3	Nguyễn Trọng Tiểu	1959	Phó Chủ tịch
4	Lương Thanh Tùng	1978	Phó Chủ tịch
5	Nguyễn Trọng Hiền	1976	Phó Chủ tịch
6	Võ Anh Linh	1980	Thành viên HĐQT

3.1.1. Ông: Nguyễn Hoa Cương – Chủ tịch HĐQT

+Năm sinh	1961	
+Quốc tịch	Việt Nam	
+Địa chỉ thường trú	30 Trần Quốc Toản, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	
+CNMD/CCCD/Hộ chiếu	011796281	
+Trình độ học vấn	10/10	
+Trình độ chuyên môn	Kỹ sư chế tạo máy, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	
+Kinh nghiệm công tác	Trên 30 năm công tác trong lĩnh vực thiết bị điện	
+Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 8/2020 – Nay	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
Từ 01/2018 – 8/2020	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Thành viên HĐQT
Từ 07/2010 – 01/2018	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
+Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 06/2020 – Nay	Công ty TNHH SAS-CTAMAD	Thành viên Hội đồng thành viên
Từ 10/2017 – Nay	Công ty Cổ phần KIP Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Từ 11/2019 – Nay	Công ty Cổ phần KIP Việt Nam	Tổng Giám đốc
Từ 2007 – 07/2017	Công ty TNHH SAS-CTAMAD	Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên

Từ 2011 - 09/2016			Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội			Chủ tịch Hội đồng quản trị			
Từ 2014 – 2016			Công ty Dây đồng Việt Nam			Chủ tịch Hội đồng quản trị			
+Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan						Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu		
			Ông Nguyễn Hoa Cường			1.500.000 cổ phần			0,31%
			Người đại diện theo ủy quyền			0			0
			Những người có liên quan			230.115 cổ phần			0,04%
+Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành									
TT	Họ và tên		Mối quan hệ	Chức vụ tại tổ chức phát hành	Số lượng cổ phần tại tổ chức phát hành		Tỷ lệ sở hữu (%)		
1	Nguyễn Bích Hà		Con	Không có	119.025		0,02%		
2	Nguyễn Thị Xuân Thanh		Chị gái	Không có	111.090		0,02%		
+Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành									
Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác <i>(tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động nêu rõ số lượng, giá; ...)</i>			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện			
2019 (triệu đồng)	2020 (triệu đồng)	01/2021 (triệu đồng)	2019	2020	01/2021	Công ty con/công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Tổ chức phát hành		
364,1	1.165			Cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động: Số lượng 1.500.000 CP, giá 12.000 VNĐ/CP			Hợp đồng cho thuê văn phòng số 19-05/2020/GELEX-K.I.P ký ngày 19/05/2020		
+Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không									
+Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành									
Tên doanh nghiệp	Hoạt động chính	Khách hàng mục tiêu	Địa bàn hoạt động	Sản phẩm	Chức vụ nắm giữ và tỷ lệ sở hữu tại doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích			

Công ty cổ phần K.I.P Việt Nam	Kinh doanh các sản phẩm thiết bị điện dân dụng, điện công nghiệp	Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng sản phẩm thiết bị điện	Ở tất cả các tỉnh thành trong cả nước và đã vươn tới thị trường Mỹ	Thiết bị điện	Chủ tịch HĐQT, nắm giữ 2.075.619 cổ phiếu, tương ứng 21,18%	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác
--------------------------------	--	--	--	---------------	---	--

3.1.2. Ông: Nguyễn Văn Tuấn – Thành viên HĐQT

+Năm sinh	1984	
+Quốc tịch	Việt nam	
+Địa chỉ thường trú	BL 08-06 ĐTST Vinhomes-Riverside, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	
+CNMD/CCCD/Hộ chiếu	035084000878	
+Trình độ học vấn	12/12	
+Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh - ĐH Thương mại	
+Kinh nghiệm công tác	Trên 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, quản lý doanh nghiệp	
+Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/2020 – Nay	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc
Từ 01/2018 - 08/2020	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc
Từ 09/2016 - 01/2018	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Thành viên thường trực HĐQT/Tổng Giám đốc
Từ 01/2018 - Nay	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc
+Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 06/2019 – Nay	Tổng Công ty Viglacera – CTCP	Chủ tịch HĐQT
Từ 05/2017 – Nay	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2019 – Nay	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Chủ tịch HĐQT

Từ 09/2016 – Nay	Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX	Chủ tịch HĐQT					
Từ 10/2020 – Nay	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	Chủ tịch HĐQT					
Từ 12/2016 – 10/2020	Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX	Chủ tịch Hội đồng thành viên					
Từ 07/2017 – Nay	Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD	Phó Chủ tịch HĐQT					
Từ 04/2018 - 12/2019	Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX	Chủ tịch Hội đồng thành viên					
Từ 04/2016 - 04/2019	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Chủ tịch HĐQT					
Từ 03/2016 - 04/2019	Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	Thành viên HĐQT					
Từ 09/2016 - 04/2018	Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	Chủ tịch Hội đồng thành viên					
Từ 2013 – 2018	Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	Phó Chủ tịch Chủ tịch HĐQT					
+Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu				
	Ông Nguyễn Văn Tuấn	56.500.000 cổ phần	11,57%				
	Người đại diện theo ủy quyền	0	0				
	Những người có liên quan	15.000.000 cổ phần	3,07%				
+Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành							
TT	Họ và tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại tổ chức phát hành	Số lượng cổ phần tại tổ chức phát hành	Tỷ lệ sở hữu (%)		
1	Đào Thị Lơ	Mẹ đẻ	Không có	15.000.000	3,07%		
+Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành							
Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác <i>(tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động nêu rõ số lượng, giá; ...)</i>		Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện		
2019 (triệu đồng)	2020 (triệu đồng)	01/2021 (triệu đồng)	2019	2020	01/2021	Công ty con/công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Tổ chức phát hành
2.572,2	2.598,2			Cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động: Số lượng 1.500.000 CP, giá 12.000 VNĐ/CP			

+Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có
+Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Ngoài các doanh nghiệp là Công ty con, công ty con gián tiếp của Tổ chức phát hành liên quan đến ông Nguyễn Văn Tuấn thì ông Nguyễn Văn Tuấn không có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp nào hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành.

3.1.3. Ông: Nguyễn Trọng Tiêu – Phó Chủ tịch HĐQT

+Năm sinh	1959	
+Quốc tịch	Việt Nam	
+Địa chỉ thường trú	69 Thụy Khuê, Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	
+CNMD/CCCD/Hộ chiếu	001059011594	
+Trình độ học vấn	10/10	
+Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện, Cử nhân kinh tế	
+Kinh nghiệm công tác	Trên 30 năm công tác trong lĩnh vực thiết bị điện	
+Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/2018 – Nay	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 2010 – Nay	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Thành viên HĐQT
Từ 2010 – 08/2016	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Tổng Giám đốc
+Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 06/2018 - Nay	Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh – CTCP	Chủ tịch HĐQT
Từ 01/2020 - Nay	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện GELEX	Thành viên HĐQT
Từ 01/2020 - 03/2020	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện GELEX	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
Từ 09/2016 –12/2019	Công ty TNHH MTV Thiết bị Điện GELEX (Tên cũ Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện)	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng thành viên
Từ 2017 – 06/2018	Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội – HEM	Tổng Giám đốc
Từ 09/2016 – 12/2019	Công ty TNHH Thiết bị Điện GELEX	Tổng Giám đốc

Từ 2015 – 04/2019			Công ty Cổ phần Thiết bị Điện			Chủ tịch HĐQT		
+Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan						Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	
			Ông Nguyễn Trọng Tiểu			1.073.795 cổ phần	0,22%	
			Người đại diện theo ủy quyền			0	0	
			Những người có liên quan			0	0	
+Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có								
+Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành								
Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác (<i>tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động nêu rõ số lượng, giá; ...</i>)			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện		
			2019 (triệu đồng)	2020 (triệu đồng)	01/2021 (triệu đồng)	2019	2020	01/2021
364,1	240			Cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động: Số lượng 1.000.000 CP, giá 12.000 VNĐ/CP				
+Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không								
+Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Ngoài các doanh nghiệp là Công ty con, công ty con gián tiếp của Tổ chức phát hành liên quan đến ông Nguyễn Trọng Tiểu thì ông Nguyễn Trọng Tiểu không có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp nào hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành.								

3.1.4. Ông: Lương Thanh Tùng – Phó Chủ tịch HĐQT

+Năm sinh	1978
+Quốc tịch	Việt Nam
+Địa chỉ thường trú	27 ngõ 154 Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
+CNMD/CCCD/Hộ chiếu	017078000155
+Trình độ học vấn	12/12
+Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế xây dựng
+Kinh nghiệm công tác	20 năm công tác trong lĩnh vực xây dựng, quản lý dự án

+Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành			
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác		Chức vụ
Từ 08/2020 – Nay	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam		Phó Chủ tịch HĐQT
+Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác			
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác		Chức vụ
Từ 03/2019 – Nay	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX		Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 04/2019 – Nay	Công ty cổ phần đầu tư nước sạch Sông Đà		Thành viên HĐQT
Từ 05/2019 – Nay	Công ty cổ phần Năng lượng Gelex Đắc Lắc		Thành viên HĐQT
Từ 11/2019 – Nay	Công ty cổ phần Dịch vụ năng lượng Gelex		Thành viên HĐQT
Từ 02/2020 – Nay	Công ty nước sạch Tây Hà Nội		Thành viên HĐQT
Từ 08/2019 – Nay	Công ty cổ phần Hạ tầng Gelex Tây Ninh		Thành viên HĐQT
Từ 10/2020 – Nay	Tổng Công ty Viglacera – CTCP		Phó Tổng Giám đốc
06/2015 - 02/2019	Công ty Cổ phần SCI		Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
Từ 06/2015 - 02/2019	Công ty Cổ phần SCI E&C		Thành viên HĐQT
Từ 01/2010 - 05/2015	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long		Phó Tổng Giám đốc
Từ 01/2010 - 05/2015	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 91		Thành viên HĐQT
+Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan			Số lượng cổ phần sở hữu
	Ông Lương Thanh Tùng		1.000.000 cổ phần
	Người đại diện theo uỷ quyền		0
	Những người có liên quan		0
+Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có			
+Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành			
Thù lao, tiền lương	Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động nêu rõ số lượng, giá;...)	Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	

2019 (triệu đồng)	2020 (triệu đồng)	01/2021 (triệu đồng)	2019	2020	01/2021 1	Công ty con/công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Tổ chức phát hành
	140			Cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động: Số lượng 1.000.000 CP, giá 12.000 VNĐ/CP			

+Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có

+Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Ngoài các doanh nghiệp là Công ty con, công ty con gián tiếp của Tổ chức phát hành liên quan đến ông Lương Thanh Tùng thì Ông Lương Thanh Tùng có lợi ích tại doanh nghiệp dưới đây:

Tên doanh nghiệp	Hoạt động chính	Khách hàng mục tiêu	Địa bàn hoạt động	Sản phẩm	Chức vụ nắm giữ và tỷ lệ sở hữu tại doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
Công Ty Cổ Phần Nước sạch Tây Hà Nội	Kinh doanh nước sạch	Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng nước	Huyện Hoài Đức và các vùng lân cận	Nước sạch	- Chức vụ: Thành viên HĐQT - Tỷ lệ sở hữu: 0%	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3.1.5. Ông: Nguyễn Trọng Hiền – Phó Chủ tịch HĐQT

+Năm sinh	1976
+Quốc tịch	Việt Nam
+Địa chỉ thường trú	KĐT Sala, phường Thủ Thiêm, Quận 2, tp.HCM
+CNMD/CCCD/Hộ chiếu	040076000005
+Trình độ học vấn	12/12
+Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế Ngoại thương, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
+Kinh nghiệm công tác	Trên 20 năm công tác trong lĩnh vực tài chính, đầu tư, phát triển dự án

+Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành							
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>			Đơn vị công tác			Chức vụ	
Từ 08/2020 – Nay			Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam			Phó Chủ tịch HĐQT	
+Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác							
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>			Đơn vị công tác			Chức vụ	
Từ 06/2014 - 05/2020			Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh REE Corporation (REE)			Phó Ban Đầu tư, Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Dự án điện gió	
Từ 03/2017 - 12/2019			Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà			Chủ tịch HĐQT	
Từ 05/2013 - 06/2014			Công ty Cổ phần Khai thác chế biến khoáng sản Hải Dương			Chủ tịch HĐQT	
Từ 05/2007 - 06/2014			Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước SCIC			Trưởng Ban Đầu tư 2, Phó Ban Đầu tư 1 & 4	
Từ 04/2004 - 05/2007			Công ty TNHH Một thành viên Invest Pro			Trưởng phòng Dự án	
+Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan						Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
				Ông Nguyễn Trọng Hiền		1.000.000 cổ phần	0,21%
				Người đại diện theo uỷ quyền		0	0
				Những người có liên quan		0	0
+Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có							
+Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành							
Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác <i>(tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động nêu rõ số lượng, giá;...)</i>			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
2019 (triệu đồng)	2020 (triệu đồng)	01/2021 (triệu đồng)	2019	2020	01/2021	Công ty con/công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Tổ chức phát hành
	1.250			Cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động: Số lượng			

				1.000.000 CP, giá 12.000 VNĐ/CP			
+Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có							
+Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có							

3.1.6. Ông: Võ Anh Linh – Thành viên HĐQT

+Năm sinh	1980		
+Quốc tịch	Việt Nam		
+Địa chỉ thường trú	24/84 phố Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội		
+CNMD/CCCD/Hộ chiếu	042080000290		
+Trình độ học vấn	12/12		
+Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán và CNTT, Thạc sỹ Tài chính ngân hàng		
+Kinh nghiệm công tác	Trên 15 năm công tác trong lĩnh vực tài chính, đầu tư		
+Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành			
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ	
Từ 03/2016 – Nay	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Thành viên Hội đồng quản trị	
+Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác			
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ	
Từ 2019 – Nay	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	Thành viên HĐQT	
Từ 07/2016 – Nay	Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú	Thành viên HĐQT	
Từ 2007 – 2015	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước SCIC	Phó Trưởng ban Đầu tư Kinh doanh, phụ trách đầu tư trái phiếu và cổ phiếu	
+Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Ông Võ Anh Linh	1.000.000 cổ phần	0,21%
	Người đại diện theo ủy quyền	0	0
	Những người có liên quan	0	0
+Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có			
+Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành			

Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động nêu rõ số lượng, giá; ...)			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
2019 (triệu đồng)	2020 (triệu đồng)	01/2021 (triệu đồng)	2019	2020	01/2021	Công ty con/công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Tổ chức phát hành
2291,4	2.390			Cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động: Số lượng 1.000.000 CP, giá 12.000 VNĐ/CP			
+Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có							
+Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có							

3.2 Tổng Giám đốc: Ông: Nguyễn Văn Tuấn (như trên)

3.3 Ủy ban kiểm toán: Ông Nguyễn Trọng Hiền – Ủy viên (như trên)

3.4 Ban kiểm toán nội bộ:

3.3.1 Bà Lê Việt Hà – Giám đốc Ban Kiểm toán nội bộ

+Năm sinh	1982	
+Quốc tịch	Việt Nam	
+Địa chỉ thường trú	145 Nguyễn Tuấn, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	
+CNMD/CCCD/Hộ chiếu	034182003112	
+Trình độ học vấn	Đại học	
+Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán Kiểm toán – Đại học Kinh tế Quốc dân	
+Kinh nghiệm công tác	Trên 15 năm công tác trong lĩnh vực tài chính, kế toán	
+Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/2021 – hiện tại	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Giám đốc Ban Kiểm toán nội bộ
+Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ

<i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>											
2018 - 2020			Công ty TNHH Tư vấn Tài chính và Quản trị Kinh doanh Deloitte Việt Nam			Trưởng phòng Cấp cao					
2016-2018			Công ty TNHH Deloitte Việt Nam			Trưởng phòng Cấp cao					
+Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan						Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu				
			Bà Lê Việt Hà			0			0		
			Người đại diện theo ủy quyền			0			0		
			Những người có liên quan			0			0		
+Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có											
+Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành											
Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác <i>(tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động nêu rõ số lượng, giá; ...)</i>			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện					
								2019 (triệu đồng)			2020
2019 (triệu đồng)			2020			01/2021		Công ty con/công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%		Tổ chức phát hành	
2020 (triệu đồng)			01/2021								
01/2021 (triệu đồng)			2019								
+Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có											
+Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có											

3.3.2 Ông Nguyễn Việt Trung – Chuyên viên Ban Kiểm Toán nội bộ

+Năm sinh	1995	
+Quốc tịch	Việt Nam	
+Địa chỉ thường trú	Số 4C/6C/21 Lâm Tường, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, Hải Phòng	
+CNMD/CCCD/Hộ chiếu	031095001056	
+Trình độ học vấn	12/12	
+Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kiểm toán – Đại học Kinh tế Quốc dân	
+Kinh nghiệm công tác	Trên 3 năm công tác trong lĩnh vực tài chính, kế toán	
+Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ

<i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>							
03/2021 – hiện tại			Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Chuyên viên Kiểm toán nội bộ			
+Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác							
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>		Đơn vị công tác		Chức vụ			
2020 – 2021		Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC		Chuyên viên kiểm toán nội bộ			
2019 – 2020		Công ty TNHH Deloitte Việt Nam		Trưởng nhóm kiểm toán			
2017 – 2019		Công ty TNHH Deloitte Việt Nam		Trợ lý kiểm toán			
+Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan				Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu		
			Ông Nguyễn Việt Trung	0	0		
			Người đại diện theo uỷ quyền	0	0		
			Những người có liên quan	0	0		
+Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có							
+Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành							
Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác <i>(tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động nêu rõ số lượng, giá; ...)</i>		Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện		
			2019 (triệu đồng)	2020 (triệu đồng)		01/2021 (triệu đồng)	2019
+Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có							
+Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có							

3.5 Kế toán trưởng

Bà: Tào Hải Nhân – Kế toán trưởng

+Năm sinh	1982
+Quốc tịch	Việt Nam
+Địa chỉ thường trú	203 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội

+CNMD/CCCD/Hộ chiếu	038182000050						
+Trình độ học vấn	Đại học						
+Trình độ chuyên môn	Cử nhân ngành Kiểm toán - Đại học Kinh tế Quốc dân						
+Kinh nghiệm công tác	Trên 15 năm công tác trong lĩnh vực tài chính, kế toán						
+Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành							
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>		Đơn vị công tác			Chức vụ		
04/2021 – hiện tại		Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam			Kế toán trưởng		
12/2020 – 03/2021		Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam			Phó Giám đốc Ban kế toán		
+Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác							
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>		Đơn vị công tác			Chức vụ		
2019 - 2020		Công ty TNHH Suntory PepsiCo Việt Nam (SPVB)			Trưởng phòng Tài chính		
2009 - 2019		Công ty TNHH Deloitte Việt Nam			Trưởng phòng cấp cao		
2004 - 2009		Công ty TNHH Deloitte Việt Nam			Kiểm toán viên/ Kiểm toán viên cao cấp		
+Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan					Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	
		Bà: Tào Hải Nhân			0	0	
		Người đại diện theo ủy quyền			0	0	
		Những người có liên quan			0	0	
+Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có							
+Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành							
Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác <i>(tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động nêu rõ số lượng, giá;...)</i>			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
2019 (triệu đồng)	2020 (triệu đồng)	01/2021 (triệu đồng)	2019	2020	01/2021	Công ty con/công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Tổ chức phát hành
-	-	-					

+Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có

+Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành Không có

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông

2. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu

3. **Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:** 292.946.400 cổ phiếu (*)

Tổng số cổ phiếu chào bán được tính toán dựa trên Tổng Công ty cổ phần Thiết Bị Điện Việt Nam thực hiện bán toàn bộ cổ phiếu quỹ trước thời điểm chào bán.

4. **Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:** 2.929.464.000.000 đồng

5. **Giá chào bán dự kiến:** 12.000 đồng/cổ phiếu

6. **Phương pháp tính giá:**

Đảm bảo giá ưu đãi cho cổ đông hiện hữu và bổ sung thêm nguồn vốn vào quỹ thặng dư vốn của GELEX. Mức giá chào bán cổ phiếu là 12.000 đồng/cổ phiếu thấp hơn 28,68% so với giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 (16.826 đồng/cổ phiếu) và thấp hơn 42,9% so với giá giao dịch trên thị trường tại thời điểm xây dựng phương án chào bán cổ phiếu (22.800 đồng/cổ phiếu tại ngày 21/01/2021)

7. **Phương thức phân phối**

– Chào bán cho cổ đông hiện hữu 292.946.400 cổ phiếu theo phương thức thực hiện quyền mua với tỷ lệ thực hiện quyền 10:6, cụ thể như sau:

+ Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 10 quyền mua sẽ được mua 06 cổ phiếu mới chào bán thêm.

+ Số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Toàn bộ số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và toàn bộ số cổ phiếu không đặt mua hết (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định bán cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) theo quy định của pháp luật với điều kiện giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán thêm, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 568 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được mua thêm số cổ phiếu tương ứng là $(568:10) \times 6 = 340,8$ cổ phiếu mới. Theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu cổ đông Nguyễn Văn A được mua thêm sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị là 340 cổ phiếu.

+ Quyền mua được chuyển nhượng 01 (một) lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ ba).

8. **Đăng ký mua cổ phiếu**

– Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: Không quy định

- Thời hạn đăng ký: Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời gian đăng ký và nộp tiền mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.
- Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu (nếu có): Không quy định
- Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu: Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách là cơ sở đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định.
 - + Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu tại các thành viên lưu ký: Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền tại thành viên lưu ký đó.
 - + Đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký: thì việc đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua tại Trụ sở Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam, và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành vào tài khoản phong tỏa của Tổng Công ty:
 - Tên Tài khoản: Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
 - Số tài khoản: 1136.2525.6868
 - Mở tại: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian chào bán và phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ ngày được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

Thời gian cụ thể sẽ được nêu chi tiết trên Thông báo phát hành chứng khoán.

Bảng 54: Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến cho cổ đông hiện hữu

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận được giấy phép chào bán chứng khoán ra công chúng từ UBCKNN	D
2	Thông báo chốt danh sách cổ đông gửi tới Trung tâm Lưu ký (TTLK) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để triển khai	D+2
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số liên tiếp	D+2 đến D+7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	D+11
5	Ngày đăng ký cuối cùng	D+12
6	Phối hợp cùng TTLK phân bổ và thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán	D+16 đến D+22
7	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần	D+23 đến D+43
8	TTLK tổng hợp việc thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa.	D+50

STT	Nội dung công việc	Thời gian
9	TCPH xử lý cổ phiếu không phân phối hết	D+51 đến D+61
10	Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả đợt phát hành.	D+62
11	Chuyển giao cổ phiếu hoặc trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu cho người mua	D+62 đến D+92
12	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung.	D+64

10. Phương thức thực hiện quyền

Đây là trường hợp Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu phổ thông để chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty.

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu, thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu), quyền nhận theo hướng dẫn tại mục VII.7, VII.8 và VII.9 của Bản cáo bạch này.

Trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng lần này, Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam không thực hiện bảo lãnh phát hành.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu bán cho các cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ các cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Phần cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và cổ phiếu không đặt mua hết (nếu có) bán cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) tuân thủ các điều kiện về hạn chế chuyển nhượng là 1 năm.

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Tên Tài khoản: Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Số tài khoản: 1136.2525.6868
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Do tổ chức phát hành không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định nên không cần chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

14. Hủy bỏ đợt chào bán

- Đợt chào bán bị hủy bỏ trong trường hợp số lượng cổ phiếu được bán cho các nhà đầu tư không đạt tối thiểu 70% phần vốn dự kiến để thực hiện các dự án, cụ thể như sau:
 - Số tiền thu được từ đợt chào bán phục vụ việc triển khai dự án là: 2.300 tỷ đồng
 - 70% phần vốn dự kiến để thực hiện dự án: $70\% \times 2.300 \text{ tỷ} = 1.610 \text{ tỷ đồng}$
 - Số cổ phần phát hành tối thiểu: $1.610 \text{ tỷ đồng} : 12.000 \text{ đồng/một cổ phần} = 134.166.667 \text{ cổ phiếu}$.
- Thời hạn thu hồi và hoàn trả tiền: Trường hợp đợt chào bán chứng khoán ra công chúng bị hủy bỏ do không đáp ứng được điều kiện về huy động đủ phần vốn để thực hiện dự án, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ, Tổng Công ty sẽ hoàn trả tiền

cho nhà đầu tư. Do tại thời điểm đó, đợt chào bán chưa hoàn thành nên số cổ phiếu chưa được phân phối cho các nhà đầu tư.

- Phương thức thu hồi và hoàn trả tiền: Toàn bộ số tiền thu được từ nhà đầu tư thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm được phong tỏa tại tài khoản phong tỏa của Tổng Công ty. Do vậy, trong trường hợp đợt chào bán chứng khoán ra công chúng bị hủy bỏ do không đáp ứng được điều kiện về huy động đủ phần vốn để thực hiện dự án, Tổng Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền tại tài khoản phong tỏa hoàn trả lại đầy đủ và đúng hạn cho các nhà đầu tư theo quy định của Pháp luật.

15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Tuy nhiên, theo các quy định của pháp luật hiện hành, trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

Hiện nay, theo danh mục ngành nghề đăng ký kinh doanh, Công ty không có ngành nghề bị giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.

16. Các loại thuế có liên quan

- Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

- Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

17. Thông tin về các cam kết

Công ty cam kết đảm bảo tuân thủ quy định theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Quy chế niêm yết chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán về việc thực hiện niêm yết bổ sung trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng. Thời gian cụ thể theo hướng dẫn tại mục VII.9 của Bản cáo bạch này.

- Ngay sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, Tổng Công ty cổ phần Thiết Bị Điện Việt Nam cam kết:
 - + Thực hiện báo cáo kết quả phát hành cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
 - + Nộp hồ sơ và thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phiếu thực tế chào bán ra công chúng theo quy định tại Trung Tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;

- + Nộp hồ sơ và thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu thực tế chào bán ra công chúng.

18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Theo định hướng chiến lược phát triển của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam, Công ty sẽ tập trung đẩy mạnh đầu tư các dự án năng lượng tái tạo và các dự án bất động sản để góp phần tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất kinh doanh, thực hiện phát triển bền vững cũng như nâng cao lợi ích cho cổ đông. Từ đó việc chào bán thêm cổ phiếu nhằm mục đích nâng cao năng lực tài chính, triển khai các dự án, tái cơ cấu tài chính và bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của GELEX.

2. Phương án khả thi

❖ **Triển khai thực hiện các dự án nhà máy điện gió thông qua Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex (công ty con của GELEX)**

i. Dự án Nhà máy Điện gió Hướng Phùng 2

- Mục đích: Nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện năng của nhân dân trên địa bàn tỉnh, góp phần giải quyết việc làm, phát triển kinh tế - xã hội của huyện Hướng Hoá nói riêng và của tỉnh Quảng Trị nói chung.
- Thông tin dự án:
 - + Chủ đầu tư: Công ty TNHH Điện Gió Hướng Phùng (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200677549 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 08/11/2018 và cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 19/01/2021).
 - Đại diện theo pháp luật hiện tại: Ông Lê Văn Thăng
 - Đại diện theo pháp luật (tại thời điểm UBND tỉnh Quảng Trị cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án gần nhất): Ông Lê Văn Thăng
 - + Địa điểm thực hiện dự án: Xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị.
 - + Diện tích đất sử dụng: 24,4 ha.
 - + Quy mô dự án: Đầu tư 10 Tuabin gió, công suất mỗi Tuabin gió là 2 MW, tổng công suất 20 MW.
- Kế hoạch triển khai:
 - + Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày được UBND tỉnh cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 342/QĐ-UBND ngày 19/02/2016
 - + Kế hoạch dự kiến triển khai dự án:
 - Tháng 02/2019 – Tháng 05/2019: Khảo sát, Lập dự án đầu tư (bao gồm thiết kế cơ sở)
 - Tháng 05/2019 – Tháng 12/2019: Đền bù, giải phóng mặt bằng; khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công
 - Tháng 01/2020 – Tháng 06/2020: Thi công hạ tầng kỹ thuật
 - Tháng 07/2020: Nhập khẩu thiết bị

- Tháng 08/2020 – Tháng 06/2021: Thi công lắp đặt tuabin gió
 - Tháng 07/2021 – Tháng 10/2021: Hoàn thành đấu nối, vận hành chạy thử, phát điện
- Đối tác tham gia:
 - + Tổng thầu EPC: Công ty Cổ phần SCI E&C và Công ty Cổ phần Tư vấn SCI
 - + Đơn vị cấp tín dụng dự kiến: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
 - Cam kết hạn mức tín dụng của ngân hàng: Giới hạn tín dụng dài hạn tối đa cho 2 dự án Nhà máy Điện gió Hướng Phùng 2, Hướng Phùng 3 là 1.442.608.000.000 đồng và trong mọi trường hợp không vượt quá 65% tổng mức đầu tư dự án, trong đó:
 - + Trường hợp 1 (chỉ vay BIDV): Bên vay chỉ vay BIDV để thực hiện dự án, giới hạn tín dụng dài hạn tối đa là 1.326.528.000.000 đồng
 - + Trường hợp 2 (vay BIDV và vay LBBW): BIDV đồng ý cấp khoản vay tối đa là 673.612.000.000 đồng và khoản bảo lãnh vay vốn có giá trị tối đa bằng 110% giá trị cho vay tối đa của LBBW và trong mọi trường hợp không vượt quá 768.996.000.000 đồng.

ii. Dự án Nhà máy điện gió Hướng Phùng 3

- Mục đích: Nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện năng của nhân dân trên địa bàn tỉnh, góp phần giải quyết việc làm, phát triển kinh tế - xã hội của huyện Hướng Hoá nói riêng và của tỉnh Quảng Trị nói chung.
- Thông tin dự án:
 - + Chủ đầu tư: Công ty TNHH Điện Gió Hướng Phùng (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200677549 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 08/11/2018 và cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 19/01/2021).
 - Đại diện theo pháp luật hiện tại: Ông Lê Văn Thăng
 - Đại diện theo pháp luật (tại thời điểm UBND tỉnh Quảng Trị cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án gần nhất): Ông Bùi Lê Cao Kế
 - + Địa điểm thực hiện dự án: Xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị.
 - + Diện tích đất sử dụng dự kiến: 17,9 ha, trong đó diện tích đất có thời hạn là 8,9 ha và diện tích đất sử dụng tạm thời là 9 ha.
 - + Quy mô dự án: Công suất thiết kế 30MW, khoảng 08 -:- 12 tuabin gió, công suất mỗi tuabin gió từ 2,5 đến 4,5MW.
- Kế hoạch triển khai:
 - + Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày được UBND tỉnh cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 332/QĐ-UBND ngày 18/02/2019
 - + Kế hoạch dự kiến triển khai dự án:
 - Tháng 01/2019 – 02/2019: Xin chủ trương đầu tư và thủ tục pháp lý liên quan;
 - Tháng 02/2019 – 03/2019: Lập hồ sơ thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công;
 - Tháng 03/2019 – 06/2019: Đền bù giải phóng mặt bằng, giao đất;
 - Tháng 06/2019: Tiếp nhận mặt bằng, thi công các công trình hạ tầng phục vụ thi công;
 - Tháng 06/2019 – 12/2019: Thi công hạ tầng cơ sở;
 - Tháng 01/2020 – 07/2020: Nhập khẩu thiết bị;

- Tháng 08/2020 – 02/2021: Thi công lắp đặt tuabin gió;
 - Tháng 03/2021 – 06/2021: Hoàn thành đấu nối, vận hành chạy thử, phát điện.
- Đối tác tham gia:
 - + Tổng thầu EPC: Công ty Cổ phần SCI E&C và Công ty Cổ phần Tư vấn SCI
 - + Đơn vị cấp tín dụng dự kiến: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
 - Cam kết hạn mức tín dụng của ngân hàng: Giới hạn tín dụng dài hạn tối đa cho 2 dự án Nhà máy Điện gió Hướng Phùng 2, Hướng Phùng 3 là 1.442.608.000.000 đồng và trong mọi trường hợp không vượt quá 65% tổng mức đầu tư dự án, trong đó:
 - + Trường hợp 1 (chỉ vay BIDV): Bên vay chỉ vay BIDV để thực hiện dự án, giới hạn tín dụng dài hạn tối đa là 1.326.528.000.000 đồng
 - + Trường hợp 2 (vay BIDV và vay LBBW): BIDV đồng ý cấp khoản vay tối đa là 673.612.000.000 đồng và khoản bảo lãnh vay vốn có giá trị tối đa bằng 110% giá trị cho vay tối đa của LBBW và trong mọi trường hợp không vượt quá 768.996.000.000 đồng.
- iii. Dự án Nhà máy Điện gió GELEX 1, 2, 3**
- Mục đích: Nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện năng của nhân dân trên địa bàn tỉnh.
 - Thông tin dự án:
 - + Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Năng Lượng Gelex Quảng Trị (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200685620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 16/01/2019 và cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 18/12/2020).
 - Đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn Thăng
 - + Địa điểm thực hiện dự án: Xã Hướng Linh, huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị và Xã Hướng Hiệp, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị.
 - + Diện tích đất sử dụng dự kiến: 51 ha.
 - + Quy mô dự án: Công suất thiết kế 90MW; Trong đó: mỗi nhà máy điện gió GELEX 1, 2, 3 có công suất thiết kế: 30MW, khoảng 08 -:- 12 tuabin gió; Công suất mỗi tuabin gió từ 2,5 đến 4,5MW.
 - Kế hoạch triển khai:
 - + Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày được UBND tỉnh cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 331/QĐ-UBND ngày 18/02/2019
 - + Kế hoạch dự kiến triển khai dự án:
 - Tháng 01/2019 – 02/2019: Xin chủ trương đầu tư và thủ tục pháp lý liên quan;
 - Tháng 02/2019 – 02/2020: Tiến hành lắp cột gió và thực hiện đo gió;
 - Tháng 03/2020 – 06/2020: Lập hồ sơ thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công;
 - Tháng 06/2020 – 09/2020: Đền bù giải phóng mặt bằng, giao đất, chọn nhà thầu;
 - Tháng 10/2020 – 08/2021: Khởi công và xây dựng công trình;
 - Tháng 09/2021 – 10/2021: Hoàn thành đấu nối và phát điện.
 - Đối tác tham gia:
 - + Tổng thầu EPC: Công ty Cổ phần SCI E&C và Công ty Cổ phần Tư vấn SCI
 - + Đơn vị cấp tín dụng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
 - Cam kết hạn mức tín dụng của ngân hàng:

- + Nhà máy Điện gió Gelex 1: Tổng giá trị cho vay không vượt quá 773.000.000.000 đồng nhưng không vượt quá 65% tổng chi phí đầu tư thực tế của dự án
 - + Nhà máy Điện gió Gelex 2: Tổng giá trị cho vay không vượt quá 778.000.000.000 đồng nhưng không vượt quá 65% tổng chi phí đầu tư thực tế của dự án
 - + Nhà máy Điện gió Gelex 3: Tổng giá trị cho vay không vượt quá 775.000.000.000 đồng nhưng không vượt quá 65% tổng chi phí đầu tư thực tế của dự án
- iv. Dự án “Tổ hợp khách sạn, dịch vụ thương mại, văn phòng cho thuê” tại số 10 Trần Nguyên Hãn và 27-29 Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**
- Mục đích: Xây dựng tổ hợp khách sạn, dịch vụ thương mại, văn phòng cho thuê hoàn chỉnh, đồng bộ và hiện đại, đáp ứng nhu cầu về cơ sở lưu trú phục vụ khách du lịch; nhu cầu về văn phòng tại khu vực trung tâm thành phố, phát huy hiệu quả sử dụng quỹ đất.
 - Thông tin dự án:
 - + Địa điểm thực hiện dự án: Số 10 phố Trần Nguyên Hãn và số 27-29 phố Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
 - + Quy mô dự án:
 - Tổng diện tích khu đất là 9.934m² trong đó diện tích đất xây dựng công trình là 6.353m²
 - Mật độ xây dựng: Khối đế khoảng 64%; Phần thân khoảng 51%
 - Tầng cao: Khối đế: 04 tầng; Khối thân: 08 tầng (tổng chiều cao 32m) + 01 tum (không quá 3m) và 04 tầng ngầm
 - Hệ số sử dụng đất: 4,95 lần
 - Tổng diện tích sàn xây dựng: 49.179m²
 - Kế hoạch triển khai:
 - + Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày UBND Thành phố quyết định chủ trương đầu tư.
 - + Kế hoạch dự kiến triển khai dự án:
 - Quý I/2021: Giải phóng mặt bằng
 - Quý II/2021: Bắt đầu thi công
 - Quý IV/2023: Hoàn thành thi công, nghiệm thu và chạy thử
 - Quý I/2024: Đi vào hoạt động
 - Cam kết hạn mức tín dụng của ngân hàng:
 - + Đơn vị cấp tín dụng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
 - + Tổng giá trị cho vay tối đa 2.000 tỷ đồng.

3. Thông tin về tình hình triển khai dự án

i. Dự án Nhà máy Điện gió Hướng Phùng 2

❖ Cơ sở pháp lý để triển khai dự án

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư:
 - + Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 19/02/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện dự án đầu tư Nhà máy Điện gió Hướng Phùng 2
 - + Các Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 2939/QĐ-UBND ngày 17/12/2018; Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 của UBND Tỉnh Quảng Trị.
- Hợp đồng mua bán điện

- + Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện gió Hướng Phùng 2 số 06/2020/HĐ-NMĐG-HUONGPHUNG2.QT ngày 18/6/2020
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/11902068/HĐTD ngày 06/10/2020 Dự án Nhà máy Điện gió Hướng Phùng 2, Hướng Phùng 3
- ❖ **Tiến độ triển khai dự án đến thời điểm hiện tại**
 - Đã hoàn thành công tác đền bù giải phóng mặt bằng, bồi thường và hỗ trợ tái định cư:
 - Đã hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế
 - Đang thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án.
 - + Đã hoàn thiện thi công xong 10/12 đường dây 22kV nối turbine.
 - + Đã hoàn thiện 90% đường thi công vận hành.
 - + Móng trụ Turbine: Đã đổ hoàn thiện được 03 móng.
 - + Đường dây 110kV Hướng Phùng đến trạm 220kV Lao Bảo: Đã thi công xong 20/47 móng trụ và dựng trụ thép 110kV.
 - + Thi công xong toàn bộ phần nền móng TBA nâng áp 110kV
- ❖ **Tình hình thu xếp vốn của dự án:**
 - Tổng vốn đầu tư của dự án: 1.125.500.000.000 đồng, trong đó:
 - + Vốn chủ sở hữu: 526.000.000.000 đồng (tỷ lệ 46,73%)
 - + Vốn vay: 599.500.000.000 đồng (tỷ lệ 53,27%)
 - Tình hình thu xếp vốn đến thời điểm 28/02/2021: 341.305.400.285 đồng
 - Hình thức cấp vốn thu được từ đợt phát hành cho dự án:
 - + Tổng Công ty cổ phần Thiết Bị Điện Việt Nam cấp vốn cho Công ty cổ phần Hạ Tầng Gelex (GEX sở hữu 99,998% vốn điều lệ) thông qua hình thức cho vay theo đó:
 - Lãi suất dự kiến: 6% - 10%
 - Thời hạn dự kiến: 1 - 3 năm
 - + Công ty cổ phần Hạ Tầng Gelex cấp vốn cho Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng thông qua hình thức góp vốn để tăng vốn chủ sở hữu (Theo Nghị quyết Hội đồng thành viên số 01/ĐGHP/NQ – HĐTV ngày 30/03/2021 của Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng)
 - Chi tiết tình hình đầu tư dự án:

STT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư	Giá trị đầu tư đã thực hiện	Giá trị đầu tư dự kiến sẽ thực hiện
1	Công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường và hỗ trợ tái định cư	7.547.800.000	7.547.800.000	-
2	Công tác khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án (HĐ EPC)	1.019.543.774.561	305.863.132.000	713.680.642.561
3	Công tác quản lý dự án	4.752.000.000	2.680.218.720	2.071.781.280
4	Công tác tư vấn xây dựng công trình	31.638.971.899	15.000.000.000	16.638.971.899

5	Các hạng mục công việc khác (bảo hiểm, thu xếp vốn nước ngoài, nghiệm thu, chuẩn bị vận hành, lãi vay vốn hóa,...)	62.017.453.540	10.214.249.565	51.803.203.975
	Tổng cộng	1.125.500.000.000	341.305.400.285	784.194.599.715

ii. Dự án Nhà máy Điện gió Hướng Phùng 3

❖ Cơ sở pháp lý để triển khai dự án

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư:
 - + Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư Nhà máy điện gió Hướng Phùng 3.
 - + Quyết định 1621/QĐ-UBND ngày 27/06/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư số 332/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị
- Hợp đồng mua bán điện
 - + Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện gió Hướng Phùng 3 số 06/2020/HĐ-NMĐG-HUONGPHUNG3.QT ngày 18/6/2020
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/11902068/HĐTD ngày 06/10/2020 Dự án Nhà máy Điện gió Hướng Phùng 2, Hướng Phùng 3

❖ Tiến độ triển khai dự án đến thời điểm hiện tại

- Các hạng mục đã và đang triển khai:
- Đã hoàn thành công tác đền bù giải phóng mặt bằng, bồi thường và hỗ trợ tái định cư:
- Đã hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế
- Đang thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án:
 - + Đã hoàn thiện thi công xong 10/12 đường dây 22kV nối turbine.
 - + Đã hoàn thiện 90% đường thi công vận hành.
 - + Móng trụ Turbine: Đã đổ hoàn thiện được 03 móng.
 - + Đường dây 110kV Hướng Phùng đến trạm 220kV Lao Bảo: Đã thi công xong 20/47 móng trụ và dựng trụ thép 110kV.
 - + Thi công xong toàn bộ phần nền móng TBA nâng áp 110kV
- ❖ Nguyên nhân dẫn đến việc chậm tiến độ so với Kế hoạch triển khai dự kiến của Dự án Hướng Phùng 3:
 - Do hai dự án Hướng Phùng 2 và Hướng Phùng 3 đều nằm ở Xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị nên Chủ đầu tư muốn triển khai đồng thời một cách đồng bộ các dự án để tiết kiệm các khoản chi phí về nhân lực cũng như chi phí xây dựng, vận hành và đảm bảo kiểm soát tốt các vấn đề về an toàn lao động, thiết kế kỹ thuật, giám sát thi công.
 - Bên cạnh đó, do thủ tục chuẩn bị các dự án khác nhau và lệch nhau về thời điểm, nên thời gian khởi công cũng bị lệch nhau.
 - Do vậy, để thực hiện đồng thời các dự án nên tiến độ của dự án Hướng Phùng 3 có sự thay đổi so với chủ trương đầu tư ban đầu. Và việc chậm tiến độ này đã nằm trong kế hoạch của Gelex và vẫn đảm bảo hiệu quả kinh tế đề ra.

❖ **Tình hình thu xếp vốn của dự án:**

- Tổng vốn đầu tư của dự án: 1.581.839.426.000 đồng trong đó:
 - + Vốn chủ sở hữu: 739.000.000.000 đồng (tỷ lệ 46,72%)
 - + Vốn vay: 842.839.426.000 đồng (tỷ lệ 53,28%)
- Tình hình thu xếp vốn đến thời điểm 28/02/2021: 295.318.828.068 đồng
- Hình thức cấp vốn thu được từ đợt phát hành cho dự án:
 - + Tổng Công ty cổ phần Thiết Bị Điện Việt Nam cấp vốn cho Công ty cổ phần Hạ Tầng Gelex (GEX sở hữu 99,998% vốn điều lệ) thông qua hình thức cho vay, theo đó:
 - Lãi suất dự kiến: 6% - 10%
 - Thời hạn dự kiến: 1 - 3 năm
 - + Công ty cổ phần Hạ Tầng Gelex cấp vốn cho Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng thông qua hình thức góp vốn để tăng vốn chủ sở hữu (Theo Nghị quyết Hội đồng thành viên số 01/ĐGHP/NQ – HĐTV ngày 30/03/2021 của Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng).
- Chi tiết tình hình đầu tư dự án:

STT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư	Giá trị đầu tư đã thực hiện	Giá trị đầu tư dự kiến sẽ thực hiện
1	Công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường và hỗ trợ tái định cư	11.052.200.000	11.052.200.000	-
2	Công tác khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án (HĐ EPC)	1.425.550.587.841	243.765.035.000	1.181.785.552.841
3	Công tác quản lý dự án	4.752.000.000	2.680.218.720	2.071.781.280
4	Công tác tư vấn xây dựng công trình	47.458.457.849	22.500.000.000	24.958.457.849
5	Các hạng mục công việc khác (bảo hiểm, thu xếp vốn nước ngoài, nghiệm thu, chuẩn bị vận hành, lãi vay vốn hóa,...)	93.026.180.310	15.321.374.348	77.704.805.962
	Tổng cộng	1.581.839.426.000	295.318.828.068	1.286.520.597.932

iii. **Dự án Nhà máy Điện gió GELEX 1**

❖ **Cơ sở pháp lý để triển khai dự án**

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của UBND tỉnh:
 - + Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư Nhà máy điện gió GELEX 1, 2, 3
 - + Các Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 27/06/2019 và Quyết định 465/QĐ – UBND ngày 19/02/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư số 331/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị
- Hợp đồng mua bán điện

- + Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện gió Gelex 1 số 06/2020/HĐ-NMDG-GELEX1.QT ngày 16/6/2020
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư
 - + Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2020-HĐCVDADT/NHCT320-GELEX1 ngày 16/11/2020 Dự án Nhà máy Điện gió Gelex 1

❖ **Tiến độ triển khai dự án đến thời điểm hiện tại**

- Đã hoàn thành 98% công tác đền bù giải phóng mặt bằng, bồi thường và hỗ trợ tái định cư:
- Đã hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế
- Đang thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án:
 - + Đã hoàn thiện thi công xong 02/21 đường dây 22kV nối turbine.
 - + Đã thi công thông tuyến 70% chiều dài đường thi công vận hành.
 - + Đang tiến hành thi công hạng mục móng trụ turbine.
 - + Đường dây 110kV từ Gelex 1 2 3 đến trạm 220kV Lao Bảo: Đã thi công xong 8/17 móng trụ.
 - + Thi công xong toàn bộ phần nền bê tông lót TBA nâng áp 110kV.

❖ **Tình hình thu xếp vốn của dự án:**

- Tổng vốn đầu tư của dự án: 1.216.150.283.542 đồng, trong đó
 - + Vốn chủ đầu tư: 442.374.506.542 đồng (tỷ lệ 36,37%)
 - + Vốn vay: 773.775.777.000 đồng (tỷ lệ 63,63%)
- Tình hình thu xếp vốn tính đến thời điểm ngày 28/02/2021: 166.752.104.032 đồng
- Hình thức cấp vốn:
 - + Tổng Công ty cổ phần Thiết Bị Điện Việt Nam cấp vốn cho Công ty cổ phần Hạ Tầng Gelex (GEX sở hữu 99,998% vốn điều lệ) thông qua hình thức cho vay, theo đó:
 - Lãi suất dự kiến: 6% - 10%
 - Thời hạn dự kiến: 1 - 3 năm
 - + Công ty cổ phần Hạ Tầng Gelex cấp vốn cho Công ty cổ phần Năng lượng Gelex Quảng Trị thông qua hình thức góp vốn để tăng vốn chủ sở hữu (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 01/NLGQT/NQ – ĐHĐCĐ ngày 30/03/2021 của Công ty Cổ phần Năng Lượng GELEX Quảng Trị).
- Chi tiết tình hình đầu tư dự án:

STT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư	Giá trị đầu tư đã thực hiện	Giá trị đầu tư dự kiến sẽ thực hiện
1	Công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường và hỗ trợ tái định cư	12.150.000.000	9.383.362.000	2.766.638.000
2	Công tác khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án (HĐ EPC)	1.072.374.930.000	135.552.524.065	936.822.405.935
3	Công tác quản lý dự án	4.752.000.000	1.769.585.967	2.982.414.033
4	Công tác tư vấn xây dựng công trình	35.499.809.542	9.091.750.000	26.408.059.542

5	Các hạng mục công việc khác (bảo hiểm, thu xếp vốn nước ngoài, nghiệm thu, chuẩn bị vận hành, lãi vay vốn hóa,...)	91.373.544.000	10.954.882.000	80.418.662.000
	Tổng cộng	1.216.150.283.542	166.752.104.032	1.049.398.179.510

iv. Dự án Nhà máy Điện gió GELEX 2

❖ Cơ sở pháp lý để triển khai dự án

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của UBND tỉnh:
 - + Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư Nhà máy điện gió GELEX 1, 2, 3
 - + Các Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 27/06/2019 và Quyết định 465/QĐ – UBND ngày 19/02/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư số 331/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị
- Hợp đồng mua bán điện
 - + Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện gió Gelex 2 số 06/2020/HĐ-NMĐG-GELEX2.QT ngày 16/6/2020
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư
 - + Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 02/2020-HĐCVDADT/NHCT320-GELEX2 ngày 16/11/2020 Dự án Nhà máy Điện gió Gelex 2

❖ Tiến độ triển khai dự án đến thời điểm hiện tại

- Đã hoàn thành 98% công tác đền bù giải phóng mặt bằng, bồi thường và hỗ trợ tái định cư:
- Đã hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế
- Đang thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án:
 - + Đã hoàn thiện thi công xong 02/21 đường dây 22kV nối turbine.
 - + Đã thi công thông tuyến 70% chiều dài đường thi công vận hành.
 - + Đang tiến hành thi công hạng mục móng trụ turbine.
 - + Đường dây 110kV từ Gelex 1 2 3 đến trạm 220kV Lao Bảo: Đã thi công xong 8/17 móng trụ.
 - + Thi công xong toàn bộ phần nền bê tông lót TBA nâng áp 110kV.

❖ Tình hình thu xếp vốn của dự án:

- Tổng vốn đầu tư của dự án: 1.223.592.274.534 đồng, trong đó:
 - + Vốn chủ sở hữu: 445.592.274.534 đồng (tỷ lệ 36,42%)
 - + Vốn vay: 778.000.000.000 đồng (tỷ lệ 63,58%)
- Tình hình thu xếp vốn tính đến thời điểm ngày 28/02/2021: 167.781.193.688 đồng
- Hình thức cấp vốn:
 - + Tổng Công ty cổ phần Thiết Bị Điện Việt Nam cấp vốn cho Công ty cổ phần Hạ Tầng Gelex (GEX sở hữu 99,998% vốn điều lệ) thông qua hình thức cho vay, theo đó:
 - Lãi suất dự kiến: 6% - 10%
 - Thời hạn dự kiến: 1 - 3 năm

- + Công ty cổ phần Hạ Tầng Gelex cấp vốn cho Công ty cổ phần Năng lượng Gelex Quảng Trị thông qua hình thức góp vốn để tăng vốn chủ sở hữu (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 01/NLGQT/NQ – ĐHĐCĐ ngày 30/03/2021 của Công ty Cổ phần Năng Lượng GELEX Quảng Trị).

– Chi tiết tình hình đầu tư dự án:

STT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư	Giá trị đầu tư đã thực hiện	Giá trị đầu tư dự kiến sẽ thực hiện
1	Công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường và hỗ trợ tái định cư	12.150.000.000	9.383.362.000	2.766.638.000
2	Công tác khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án (HĐ EPC)	1.078.269.280.000	136.297.593.721	941.971.686.279
3	Công tác quản lý dự án	4.752.000.000	1.769.585.967	2.982.414.033
4	Công tác tư vấn xây dựng công trình	36.608.777.534	9.375.770.000	27.233.007.534
5	Các hạng mục công việc khác (bảo hiểm, thu xếp vốn nước ngoài, nghiệm thu, chuẩn bị vận hành, lãi vay vốn hóa,...)	91.812.217.000	10.954.882.000	80.857.335.000
	Tổng cộng	1.223.592.274.534	167.781.193.688	1.055.811.080.846

v. Dự án Nhà máy Điện gió GELEX 3

❖ Cơ sở pháp lý để triển khai dự án

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của UBND tỉnh:
 - + Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư Nhà máy điện gió GELEX 1, 2, 3
 - + Các Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 27/06/2019 và Quyết định 465/QĐ – UBND ngày 19/02/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư số 331/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị
- Hợp đồng mua bán điện
 - + Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện gió Gelex 3 số 06/2020/HĐ-NMDG-GELEX3.QT ngày 16/6/2020
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư
 - + Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 03/2020-HĐCVDADT/NHCT320-GELEX3 ngày 16/11/2020 Dự án Nhà máy Điện gió Gelex 3

❖ Tiến độ triển khai dự án đến thời điểm hiện tại

- Đã hoàn thành 98% công tác đền bù giải phóng mặt bằng, bồi thường và hỗ trợ tái định cư:
- Đã hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế
- Đang thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án:
 - + Đã hoàn thiện thi công xong 02/21 đường dây 22kV nối turbine.

- + Đã thi công thông tuyến 70% chiều dài đường thi công vận hành.
- + Đang tiến hành thi công hạng mục móng trụ turbine.
- + Đường dây 110kV từ Gelex 1 2 3 đến trạm 220kV Lao Bảo: Đã thi công xong 8/17 móng trụ.
- + Thi công xong toàn bộ phần nền bê tông lót TBA nâng áp 110kV.

❖ **Tình hình thu xếp vốn của dự án:**

- Tổng vốn đầu tư của dự án: 1.219.119.679.640 đồng, trong đó:
 - + Vốn chủ đầu tư: 444.119.679.640 đồng (tỷ lệ 36,43%)
 - + Vốn vay: 775.000.000.000 đồng (tỷ lệ 63,57%)
- Tình hình thu xếp vốn tính đến thời điểm ngày 28/02/2021: 167.288.921.281 đồng
- Hình thức cấp vốn:
 - + Tổng Công ty cổ phần Thiết Bị Điện Việt Nam cấp vốn cho Công ty cổ phần Hạ Tầng Gelex (GEX sở hữu 99,998% vốn điều lệ) thông qua hình thức cho vay theo đó:
 - Lãi suất dự kiến: 6% - 10%
 - Thời hạn dự kiến: 1 - 3 năm
 - + Công ty cổ phần Hạ Tầng Gelex cấp vốn cho Công ty cổ phần Năng lượng Gelex Quảng Trị thông qua hình thức góp vốn để tăng vốn chủ sở hữu (Theo Nghị quyết ĐHCĐ bất thường số 01/NLGQT/NQ – ĐHCĐ ngày 30/03/2021 của Công ty Cổ phần Năng Lượng GELEX Quảng Trị).
- Chi tiết tình hình đầu tư dự án:

STT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư	Giá trị đầu tư đã thực hiện	Giá trị đầu tư dự kiến sẽ thực hiện
1	Công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường và hỗ trợ tái định cư	12.150.000.000	9.383.362.000	2.766.638.000
2	Công tác khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án (HĐ EPC)	1.073.361.190.000	135.677.191.314	937.683.998.686
3	Công tác quản lý dự án	4.752.000.000	1.769.585.967	2.982.414.033
4	Công tác tư vấn xây dựng công trình	37.109.084.016	9.503.900.000	27.605.184.016
5	Các hạng mục công việc khác (bảo hiểm, thu xếp vốn nước ngoài, nghiệm thu, chuẩn bị vận hành, lãi vay vốn hóa,...)	91.747.405.623	10.954.882.000	80.792.523.623
	Tổng cộng	1.219.119.679.640	167.288.921.281	1.051.830.758.359

vi. **Dự án “Tổ hợp khách sạn, dịch vụ thương mại, văn phòng cho thuê” tại số 10 Trần Nguyên Hãn và 27-29 Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**

❖ **Cơ sở pháp lý để triển khai dự án**

- Quyết định số 2280/QĐ-UBND ngày 26/03/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết quận Hoàn Kiếm, tỷ lệ 1/2000 (phần quy

hoạch sử dụng đất) và Quy hoạch tổng mặt bằng, tỷ lệ 1/500 ô đất ký hiệu C25 CQ do Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam quản lý tại số 10 Trần Nguyên Hãn và số 27-29 phố Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Quyết định số 3589/QĐ-UBND ngày 14/06/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Tổ hợp khách sạn, dịch vụ thương mại, văn phòng cho thuê
- Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 09/07/2020 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3589/QĐ-UBND ngày 14/06/2017 của UBND Thành phố Hà Nội
- Quyết định số 3561/QĐ-UBND ngày 14/08/2020 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Quyết định cho Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam thuê 9.934m² đất tại số 10 Trần Nguyên Hãn và số 27-29 Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm để thực hiện Dự án Tổ hợp khách sạn, dịch vụ thương mại, văn phòng cho thuê.
- Hợp đồng thuê đất số 535/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 31/12/2020
- Công văn số 1902/CV-CNTPHN ngày 20/1/2019 về việc Chủ trương cấp tín dụng đối với Dự án đầu tư xây dựng tổ hợp khách sạn, dịch vụ thương mại, Văn phòng cho thuê tại số 10 Trần Nguyên Hãn và 27-29 Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

❖ **Tiến độ triển khai dự án đến thời điểm hiện tại:**

- Dự án đã và đang thực hiện các phân công việc giai đoạn trước như tư vấn phát triển dự án, đo đạc, khảo sát, đánh giá và giải phóng mặt bằng với chi phí 38.270.158.246 đồng
- Dự án hiện đang triển khai các giai đoạn tiếp theo như cọc thử và sẽ bắt đầu làm cọc đại trà, tường vây.

❖ **Tình hình thu xếp vốn của dự án:**

- Tổng vốn đầu tư của dự án: 2.161.870.000.000 đồng trong đó:
 - + Vốn chủ sở hữu: 500.000.000.000 đồng (tỷ lệ 23,13%)
 - + Vốn vay: 1.661.870.000.000 đồng (tỷ lệ 76,87%)
- Tình hình thu xếp vốn tính đến thời điểm ngày 28/02/2021: 40.693.397.175 đồng

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu:

Bảng 55: Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán

STT	Đối tượng chào bán	Số lượng chào bán (cổ phiếu)	Giá chào bán (đồng/cổ phiếu)	Số tiền thu được dự kiến (đồng)
1	Cổ đông hiện hữu	292.946.400	12.000	3.515.356.800.000

2. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán:

Bảng 56: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán nêu trên sẽ được ưu tiên sử dụng theo thứ tự dưới đây:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)	Tiến độ sử dụng vốn
I	Triển khai các dự án	2.300.000.000.000	

1	Thực hiện các dự án nhà máy điện gió thông qua Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex	1.800.000.000.000	Sau khi kết thúc đợt chào bán và theo tiến độ sử dụng vốn thực tế
2	Triển khai Dự án “Tổ hợp khách sạn, dịch vụ thương mại, văn phòng cho thuê” tại số 10 Trần Nguyên Hãn và 27-29 Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	500.000.000.000	Sau khi kết thúc đợt chào bán và theo tiến độ sử dụng vốn thực tế
II	Bổ sung nguồn vốn kinh doanh	1.215.356.800.000	
1	Tái cơ cấu tài chính, bổ sung nguồn vốn kinh doanh cho Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex	800.000.000.000	Sau khi kết thúc đợt chào bán
2	Bổ sung vốn lưu động cho Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	415.356.800.000	Sau khi kết thúc đợt chào bán
III	Tổng cộng	3.515.356.800.000	

a. **Kế hoạch sử dụng số tiền chi tiết cho các dự án:**

i. **Dự án Nhà máy điện gió Hướng Phùng 2**

- Số tiền sử dụng từ số tiền thu được từ đợt chào bán: 320.000.000.000 đồng
- Chi tiết kế hoạch giải ngân:

Bảng 57: Chi tiết kế hoạch giải ngân Nhà máy điện gió Hướng Phùng 2

Năm	Quý	Quý 3	Quý 4	Tổng
Năm 2021				
Nhu cầu vốn		310.000.000.000	224.000.000.000	534.000.000.000
Nguồn tiền thu được từ đợt phát hành		170.000.000.000	150.000.000.000	320.000.000.000
Các hạng mục giải ngân:		170.000.000.000	150.000.000.000	320.000.000.000
+ Xây dựng		140.000.000.000	135.000.000.000	275.000.000.000
+ Mua máy móc thiết bị		20.000.000.000	-	20.000.000.000
+ Chi phí khác		10.000.000.000	15.000.000.000	25.000.000.000

ii. **Dự án Nhà máy điện gió Hướng Phùng 3**

- Số tiền sử dụng từ số tiền thu được từ đợt chào bán: 430.000.000.000 đồng
- Chi tiết kế hoạch giải ngân

Bảng 58: Chi tiết kế hoạch giải ngân Nhà máy điện gió Hướng Phùng 3

Năm	Quý	Quý 3	Quý 4	Tổng
Năm 2021				

Nhu cầu vốn	465.000.000.000	336.000.000.000	801.000.000.000
Nguồn tiền thu được từ đợt phát hành	230.000.000.000	200.000.000.000	430.000.000.000
Các hạng mục giải ngân:	230.000.000.000	200.000.000.000	430.000.000.000
+ Xây dựng	190.000.000.000	180.000.000.000	370.000.000.000
+ Mua máy móc thiết bị	25.000.000.000	-	25.000.000.000
+ Chi phí khác	15.000.000.000	20.000.000.000	35.000.000.000

iii. Dự án Nhà máy điện gió Gelex 1, 2, 3

- Số tiền sử dụng từ số tiền thu được từ đợt chào bán: 1.050.000.000.000 đồng
- Chi tiết kế hoạch giải ngân

Bảng 59: Chi tiết kế hoạch giải ngân Nhà máy điện gió Gelex 1, 2, 3

Năm	Quý	Quý 3	Quý 4	Tổng
Năm 2021				
Nhu cầu vốn		1.201.000.000.000	331.000.000.000	1.532.000.000.000
Nguồn tiền thu được từ đợt phát hành		632.000.000.000	418.000.000.000	1.050.000.000.000
Các hạng mục giải ngân:		632.000.000.000	418.000.000.000	1.050.000.000.000
+ Xây dựng		450.000.000.000	220.000.000.000	670.000.000.000
+ Mua máy móc thiết bị		170.000.000.000	180.000.000.000	350.000.000.000
+ Chi phí khác		12.000.000.000	18.000.000.000	30.000.000.000

iv. Dự án “Tổ hợp khách sạn, dịch vụ thương mại, văn phòng cho thuê” tại số 10 Trần Nguyên Hãn và 27-29 Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Số tiền sử dụng từ số tiền thu được từ đợt chào bán: 500.000.000.000 đồng
- Chi tiết kế hoạch giải ngân

Bảng 60: Chi tiết kế hoạch giải ngân Dự án “Tổ hợp khách sạn, dịch vụ thương mại, văn phòng cho thuê” tại số 10 Trần Nguyên Hãn và 27-29 Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Năm	Quý	Quý 3	Quý 4	Tổng
Năm 2021				
Nhu cầu vốn		200.000.000.000	300.000.000.000	500.000.000.000
Nguồn tiền thu được từ đợt phát hành		200.000.000.000	300.000.000.000	500.000.000.000
Các hạng mục giải ngân:		200.000.000.000	300.000.000.000	500.000.000.000
+ Xây dựng		200.000.000.000	300.000.000.000	500.000.000.000

b. Tài cơ cấu tài chính, bổ sung nguồn vốn vốn kinh doanh cho Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex

- Thông tin chung Công ty cổ phần Thiết bị điện Gelex
 - + Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN GELEX (Tên cũ: Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX)
 - + Trụ sở chính: Tầng 23, Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
 - + Giấy Đăng ký kinh doanh: Số 0107547109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/09/2016, thay đổi lần thứ 6 ngày 01/04/2020 (Thời điểm chuyển từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần ngày 02/01/2020 căn cứ giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5).
 - + Vốn điều lệ: 2.218.700.000.000 đồng
 - + Vốn thực góp: 2.218.700.000.000 đồng
 - + Tỷ lệ sở hữu của GELEX:
 - + Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thiết bị điện khác
 - + Chi tiết: - Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; - Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các loại thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 500 KV
- Các chỉ tiêu tài chính:

Bảng 61: Các chỉ tiêu tài chính Công ty cổ phần Thiết bị điện Gelex

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	<i>Lần</i>	1,34	0,30	0,42
- Hệ số thanh toán nhanh	<i>Lần</i>	1,17	0,24	0,39
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ / Tổng tài sản	<i>%</i>	29,24	53,57	66,08
- Hệ số nợ ngắn hạn/Tổng Tài Sản	<i>%</i>	18,38	29,76	66,077
- Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	<i>%</i>	41,32	115,36	194,78
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay các khoản phải thu	<i>Lần</i>	2,03	10,36	3,73
- Vòng quay hàng tồn kho	<i>Lần</i>	4,93	29,81	16,68
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	<i>Lần</i>	0,457	0,656	0,469
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Lợi nhuận sau thuế/ DTT	<i>%</i>	10,31	16,50	6,79

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2018, 2019 và 2020

- Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	6,55	19,49	8,06
- Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	4,72	10,83	3,18

- + Năm 2019, tỷ lệ về khả năng thanh toán của Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex giảm mạnh lần lượt là 1,34 và 1,17 lần năm 2018 xuống còn 0,30 và 0,24 lần năm 2019. Điều này cho thấy, tính thanh khoản của Công ty năm 2019 thấp, khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn và các nghĩa vụ ngắn hạn khác khi đến hạn không cao. Năm 2020, chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex có thay đổi theo hướng tăng lên, đạt 0,42 và 0,39 lần. Tuy nhiên các chỉ số về thanh toán vẫn ở mức thấp, có thể phát sinh các rủi ro về thanh toán khi có những biến cố bất ngờ.
- + Bên cạnh đó, các chỉ tiêu về hệ số nợ tăng cao trong giai đoạn 2018 – 2020. Tổng các khoản nợ chiếm tới hơn 66,08% năm 2020 trong đó chủ yếu là nợ ngắn hạn (hệ số nợ ngắn hạn bằng 66,077%). Việc nợ phải trả tăng cao tiềm ẩn các rủi ro về tài chính, thanh toán và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi có những biến động bất lợi về lãi suất.
- Mục đích sử dụng vốn: Đảm bảo hoạt động của Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex liên tục và thông suốt, đáp ứng việc thanh toán các khoản nợ ngân hàng và trái phiếu đáo hạn đồng thời giảm rủi ro tài chính, đảm bảo cơ cấu nguồn vốn lành mạnh và an toàn, Tổng Công ty cổ phần Thiết Bị Điện Việt Nam thực hiện tái cơ cấu tài chính, bổ sung nguồn vốn kinh doanh cho Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex với số tiền là 800.000.000.000 đồng, trong đó:
 - + Thanh toán các khoản nợ ngân hàng: 420.000.000.000 đồng
 - + Thanh toán trái phiếu đáo hạn: 380.000.000.000 đồng
- Hình thức cấp vốn: Tổng Công ty cổ phần Thiết Bị Điện Việt Nam cấp vốn cho Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex (GEX sở hữu 99,998% vốn điều lệ) thông qua hình thức cho vay theo đó:
 - Lãi suất dự kiến: 6% - 10%
 - Thời hạn dự kiến: 1 - 3 năm
- Các tài liệu pháp lý có liên quan đến mục đích sử dụng vốn:
 - + Các khoản nợ ngân hàng:
 - Đề nghị kèm hợp đồng phát hành thư tín dụng số 01.2021 ngày 05/02/2021 giữa Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex và Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank). Giá trị là 5.869.710 USD
 - Đề nghị kèm hợp đồng phát hành thư tín dụng số 02.2021 ngày 11/03/2021 giữa Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex và Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank). Giá trị là 6.421.170 USD
 - Giấy báo phát hành thư tín dụng và Thông báo nhận nợ của Ngân hàng Standard Chartered ngày 05/01/2021. Giá trị là 5.735.275 USD
 - + Trái phiếu đáo hạn:

- Công bố thông tin kết quả đợt phát hành trái phiếu theo phương thức riêng lẻ của Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex (*Tên cũ: Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex*) ngày 30/10/2019
- Văn bản công bố thông tin mua lại trái phiếu trước hạn của Công ty cổ phần Thiết Bị điện Gelex ngày 9/10/2020 theo đó, số lượng trái phiếu đang lưu hành của Công ty cổ phần Thiết Bị Điện Gelex phát hành ngày 26/09/2019 là 381.000.000.000 đồng.

c. Sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán để bổ sung vốn lưu động cho Công ty

- Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán các khoản tiền mua nguyên vật liệu cho khách hàng (Công ty Dây đồng Việt Nam CFT) và nhà cung cấp (LS – Nikko Copper Inc.) với số tiền là 415.356.800.000 đồng.
- Các tài liệu pháp lý có liên quan đến mục đích sử dụng vốn:
 - + Công văn số 206/CV/AC/CFT/2020 của Công ty Dây đồng Việt Nam CFT ngày 18/12/2020 về việc hỗ trợ tăng hạn mức bán hàng trả chậm năm 2021
 - + Hợp đồng mua bán số [LSNC-GELEX OS/LT 2021-001] ký ngày 15/12/2020 giữa LS – Nikko Copper Inc. và Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
 - + Hợp đồng mua bán số 04-2021/Gelex-CFT.LS ký ngày 28/12/2020 giữa Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam và Công ty Dây đồng Việt Nam CFT.

3. Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện các dự án

Phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện dự án, tùy vào tình hình thực tế, sẽ thực hiện riêng rẽ một cách tuần tự hoặc đồng thời các giải pháp như sau:

- Tiến hành bổ sung phần vốn còn thiếu thông qua vay vốn ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng; hoặc
- Phát hành trái phiếu doanh nghiệp;
- Các giải pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Tổng Công ty.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ERNST & YOUNG VIỆT NAM CHI NHÁNH HÀ NỘI

Trụ sở chính: Tầng 8, Toà nhà Cornerstone, số 16 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3831 5100 Fax (024) 3831 5090

Website: www.ey.com

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Trụ sở chính: Tầng 22, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Số điện thoại: (84-24) 4456 8888 Fax: (84-24) 3978 5380

Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 06/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ năm 2020 ngày 29/12/2020, Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tiến hành đăng ký chào bán 292.946.400 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 4.882.440.000.000 đồng lên 7.811.904.000.000 đồng với mục đích Nâng cao năng lực tài chính, triển khai các dự án, tái cơ cấu tài chính và bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của GELEX.

Công ty dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu 292.946.400 cổ phiếu theo tỷ lệ 10:6 với mức giá chào bán là 12.000 đồng/cổ phiếu, thấp hơn 28,68% so với giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 (16.826 đồng/cổ phiếu) và thấp hơn 42,9% so với giá giao dịch trên thị trường tại thời điểm xây dựng phương án chào bán cổ phiếu (22.800 đồng/cổ phiếu tại ngày 21/01/2021).

Với triển vọng thị trường chứng khoán đang có những dấu hiệu phục hồi sau những biến động vừa qua, cùng với kết quả kinh doanh ổn định năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 khả quan của Tổng Công ty, vì vậy Tổ chức tư vấn cho rằng Tổng Công ty sẽ thành công trong đợt chào bán.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

XII. PHỤ LỤC

1. Điều lệ công ty;
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thay đổi gần nhất;
3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 số 06/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/12/2020 thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng;
4. Nghị quyết của HĐQT số 03/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 05/02/2021 thông qua việc triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ (bao gồm việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và chi tiết phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu);
5. Nghị quyết của HĐQT số 07/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 17/03/2021 về việc bổ sung nội dung về hình thức cấp vốn cho công ty thành viên theo phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết số 03/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 05/02/2021;
6. Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 và 2020 đã kiểm toán;
7. Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất quý I năm 2021;
8. Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán;
9. Các tài liệu liên quan khác

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2021

**ĐẠI DIỆN TÒ CHỨC CHÀO BÁN
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



[Signature]
NGUYỄN HOA CƯỜNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

[Signature]

NGUYỄN VĂN TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Signature]

TÀO HẢI NHÂN

**ĐẠI DIỆN TÒ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX**



NGUYỄN THỊ TUYẾT